

Phụ lục 1: BẢNG RÀ SOÁT

CÁC QUY ĐỊNH VỀ HỢP ĐỒNG CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015, LUẬT THƯƠNG MẠI NĂM 2005 VÀ LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ NĂM 2005 ĐỐI CHIẾU VỚI CÁC QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (PICC) CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ VỀ THỐNG NHẤT LUẬT (UNIDROIT) VÀ CÔNG ƯỚC VIÊN VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Phần 1 Các quy định về nguyên tắc chung của hợp đồng.

STT	<p>Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế (Công ước Viên)</p>	<p>Nội dung quy định của văn bản được rà soát</p> <p>Bộ luật Dân sự (BLDS)</p> <p>Luật Thương mại (LTM)</p> <p>Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)</p>	<p>Phân tích mức độ tương thích</p>	<p>Kiến nghị xử lý</p>
1	<p>Nguyên tắc tự do hợp đồng: Điều 1.1 Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC): “Các bên trong hợp đồng được tự do giao kết hợp đồng và quy định nội dung của hợp đồng.”</p>	<p>Điều 3 Khoản 2 BLDS: Nguyên tắc tự do hợp đồng “Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện , chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình trên cơ sở tự do,tự nguyện, cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện với các bên và phải được các chủ thể khác tôn trọng”.</p> <p>Điều 11 khoản 1 LTM: “Các bên có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại”</p>	<p>Quyền tự do hợp đồng trong các quy định của BLDS và LTM đã phù hợp với các quy tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế doUnidroit xuất bản. Tuy nhiên nguyên tắc tự do hợp đồng của Unidroit (theo giải thích) bao gồm quyền tự do lựa chọn hình thức hợp đồng và xác định nội dung hợp đồng. Quyền tự do hợp đồng chỉ bị hạn chế, nếu có quy định của pháp luật</p>	<p>BLDS và LTM quy định về quyền tự do hợp đồng chưa thống nhất. Nên chăng chỉ quy định các nguyên tắc hợp đồng trong BLDS . và quy định rõ hơn những trường hợp ngoại lệ, hạn chế quyền tự do hợp đồng cần được quy định rõ trong Luật, không nên quy định chung chung “trái với các quy định pháp luật” (bao gồm cả các quy định của Chính phủ).</p>
2	<p>Tự do về hình thức hợp đồng Điều 1.2 PICC: “không bắt buộc hợp đồng, tuyên bố hay bất kỳ một hành vi nào khác phải được giao kết hay chứng minh bằng một hình thức đặc biệt. Chúng có thể được chứng minh bằng bất kỳ cách thức nào, kể cả bằng nhân chứng.”</p> <p>Điều 11 Công ước Viên: Hợp đồng mua bán không cần phải được ký kết hoặc xác nhận bằng văn bản</p>	<p>Điều 119 BLDS: 1. “Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói,văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể”</p> <p>Điều 129 BLDS quy định về sự vô hiệu của giao dịch dân sự khi vi phạm quy định bắt buộc về hình thức giao dịch và trường hợp ngoại lệ mà theo đó Tòa án vẫn có thể công nhận giao dịch có hiệu lực mặc dù vi phạm hình thức bắt</p>	<p>BLDS đã ghi nhận quyền tự do lựa chọn hình thức hợp đồng và thực tế quyền tự do lựa chọn hình thức hợp đồng được tôn trọng. Quyền tự do lựa chọn hình thức hợp đồng bị hạn chế, nếu Luật có liên quan có quy định hình thức bắt buộc.</p>	

	hay phải tuân thủ một yêu cầu nào khác về hình thức của hợp đồng. Hợp đồng có thể được chứng minh bằng mọi cách, kể cả những lời khai của nhân chứng.	buộc.		
3	Giá trị ràng buộc của hợp đồng Điều 1.3 PICC “Hợp đồng được hình thành hợp pháp ràng buộc các bên giao kết. Các bên chỉ có thể sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng, thoả thuận giữa các bên hoặc bởi những lý do được quy định trong Bộ Nguyên tắc này”	Điều 3 Khoản 2 BLDS “Mọi cam kết thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện với các bên. Khoản 2 Điều 401 BLDS ”Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực các bên phải thực hiện nghĩa vụ với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi, hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.	Quy định của BLDS đã tương thích với quy định của PICC.	BLDS quy định nội dung này trùng lặp. Nên chăng, khi sửa lại BLDS nên có một phần về các quy định chung của hợp đồng trong chứa đựng các quy tắc chung của hợp đồng để tránh quy định trùng lặp. Mặt khác nhiều quy định về nguyên tắc chung của BLDS lại chỉ có ý nghĩa riêng đối với phần nghĩa vụ và hợp đồng
4	Nguyên tắc thiện chí và trung thực , Điều 1.7 PICC “ 1.Các bên trong hợp đồng phải tuân theo những yêu cầu về thiện chí và trung thực trong thương mại quốc tế. 2Các bên trong hợp đồng không được loại trừ hay hạn chế nghĩa vụ này.	Điều 3 khoản 4 BLDS: “Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”	BLDS đã tương thích với quy định của PICC về việc quy định nguyên tắc thiện chí, trung thực. Tuy nhiên, BLDS chưa quy định về không cho phép các bên thỏa thuận loại trừ nguyên tắc này.	Vì tầm quan trọng của nguyên tắc này, có thể bổ sung quy định về không cho phép thỏa thuận loại trừ nguyên tắc, thiện chí, trung thực
5.	Cấm tự mâu thuẫn Điều 1.8 PICC quy định” Một bên không thể hành động ngược lại với sự mong đợi mà mình đã tạo ra cho bên kia khi mà bên kia đã tin một cách hợp lý vào sự mong đợi này và vì vậy đã hành động không có lợi cho họ.	BLDS chưa có quy định tương ứng	BLDS và LTM chưa có quy định tương thích với quy định này của PICC.	Nguyên tắc cấm tự mâu thuẫn này là một nguyên tắc phát triển trên cơ sở nguyên tắc thiện chí, trung thực và được áp dụng khá phổ biến trong các quan hệ thương mại, đặc biệt trong quá trình giao kết hợp đồng. Do vậy, đề nghị nghiên cứu để bổ sung vào BLDS
6	Tập quán và thói quen: Điều 1.8 PICC “1. Các bên trong hợp đồng bị ràng buộc bởi những tập quán mà họ đã thỏa thuận và bởi các thói quen đã được xác lập giữa họ. 2.Các bên trong hợp đồng bị ràng buộc bởi những tập quán phổ biến trong thương mại quốc tế và thường được áp dụng giữa các bên cho các hợp đồng trong ngành nghề kinh doanh có liên quan, trừ khi việc áp dụng chúng là không hợp lý”.	Điều 5 BLDS quy định:” 1 Tập quán là các quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền và nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự. 2.Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận hoặc pháp luật không có quy định, thì có	Về cơ bản, nguyên tắc áp dụng tập quán và thói quen quy định trong LTM đã phù hợp với quy định của PICC và Công ước Viên. Tuy nhiên, Luật Thương mại chưa đề cập đến việc các bên bị ràng buộc bởi tập quán mà họ đã thỏa thuận và bởi các thực tiễn đã được họ thiết lập trong mối quan hệ tương hỗ.	Có thể nghiên cứu, quy định thống nhất nguyên tắc áp dụng tập quán, thói quen trong một văn bản tránh sự trùng lặp không cần thiết.

	<p>Điều 9 Công ước Viên: “1. Các bên bị ràng buộc bởi tập quán mà họ đã thỏa thuận và bởi các thực tiễn đã được họ thiết lập trong mối quan hệ tương hỗ.</p> <p>2. Trừ phi có thỏa thuận khác thì có thể cho rằng các bên ký hợp đồng có ngụ ý áp dụng những tập quán mà họ đã biết hoặc cần phải biết và đó là những tập quán có tính chất phổ biến trong thương mại quốc tế và được các bên áp dụng một cách thường xuyên đối với hợp đồng cùng chủng loại trong lĩnh vực buôn bán hữu quan để điều chỉnh hợp đồng của mình hoặc điều chỉnh việc ký kết hợp đồng đó.</p>	<p>thể áp dụng tập quán, nhưng tập quán áp dụng không được trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này”.</p> <p>Thói quen :Điều 12 LTM,” Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, các bên được mặc nhiên áp dụng thói quen trong hoạt động thương mại đã được thiết lập giữa các bên mà các bên đó đã biết hoặc phải biết nhưng không được trái với quy định của pháp luật”</p> <p>Tập quán : Điều 13 LTM “ Trường hợp pháp luật không có quy định,các bên không có thỏa thuận và không có thói quen được xác lập giữa các bên, thì áp dụng tập quán thương mại nhưng không được trái với những nguyên tắc quy định trong Luật Thương mại và trong BLDS</p>	<p>Ngoài ra quy định “không được trái với quy định của pháp luật” của LTM rất mập mờ, khó xác định .</p>	
7	<p>Thông báo Điều 1.10 của PICC quy định: “ 1. Tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, khi cần thông báo thì việc thông báo có thể được thực hiện dưới bất kỳ hình thức thích hợp nào.</p> <p>2. Một thông báo có hiệu lực khi nó được gửi tới người được xác định nhận thông báo.</p> <p>3.Theo nghĩa của khoản 2 điều này thông báo được coi là đã đến tới người đực xác định nhận thông báo, nếu được thông báo bằng miệng hoặc bằng thư từ đến cơ sở kinh doanh hoặc đến địa chỉ thư tín của bên nhận</p> <p>4.Thông báo theo nghĩa của điều này bao gồm tuyên bố, yêu cầu, đòi hỏi hay bất kỳ một thông tin nào khác về một ý định.</p> <p>Điều 15 Công ước Viên 1.“Chào hàng có hiệu lực khi nó tới nơi người được chào hàng.</p>	<p>Đề nghị giao kết hợp đồng</p> <p>Điều 388 BLDS : “1. Thời điểm giao kết hợp đồng có hiệu lực được xác định như sau:</p> <p>- Do các bên ấn định’</p> <p>-Nếu bên đề nghị không ấn định, thì đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực kể từ khi bên được đề nghị nhận được đề nghị, trừ khi pháp luật có liên quan có quy định khác.</p> <p>2. các trường hợp sau đây được coi là đã nhận được đề nghị giao kết hợp đồng</p> <p>a. Đề nghị được chuyển đến nơi cư trú, nếu bên nhận đề nghị là cá nhân; được chuyển đến trụ sở, nếu bên nhận đề nghị là pháp nhân.</p> <p>b. Đề nghị được đưa vào hệ thống thông tin chính thức của bên nhận đề nghị.</p> <p>c. Khi bên được đề nghị biết được đề nghị giao kết hợp đồng thông qua các phương thức khác.</p> <p>Điều 18 Luật giao dịch điện tử “ Người nhận được xem là đã nhận được thông tin điện tử nếu thông điệp dữ liệu được nhập vào hệ thống thông tin do người đó chỉ định được là có thể truy cập được.</p>	<p>Quy định về thông báo của Việt Nam cũng như quy định của PICC và của Công ước Viên đều áp dụng theo nguyên tắc, thông báo có hiệu lực khi được gửi đến người nhận thông báo.</p> <p>Tuy nhiên BLDS không quy định nguyên tắc chung áp dụng cho mọi loại thông báo mà chỉ quy định riêng nguyên tắc này đối với thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng. Trên thực tế nguyên tắc đến người nhận thông tin cũng được áp dụng đối với các loại thông báo khác, nhưng không được ghi nhận trong Luật.</p> <p>Ngoài ra, BLDS và Luật Giao dịch điện tử còn đi xa hơn PICC trong việc xác nhận thông tin đã đến, khi nó được đưa vào hệ thống thông tin chính thức của bên nhận đề nghị (VD theo địa chỉ E.mail đã xác định).</p> <p>Quy định “Bên được đề nghị biết được thông tin bằng phương thức khác” rất mập mờ, rất khó có thể chứng minh trong thực tế.</p>	<p>Cần có một quy định chung áp dụng cho mọi thông báo trong quan hệ hợp đồng (đề nghị giao kết HĐ, chấp nhận giao kết HĐ,yêu cầu thực hiện hợp đồng, yêu cầu phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng...) </p> <p>Hiệu lực cần xác định theo nguyên tắc người được thông báo nhận được thông tin. Bỏ quy định mập mờ gây khó khăn cho việc áp dụng” biết được bằng phương thức khác”tại Điểm c khoản 2 Điều 388 BLDS.</p>

8	<p>Các định nghĩa: Trong PICC một số khái niệm được hiểu như sau:</p> <p>-Khái niệm "tòa án" bao gồm cả tòa án trọng tài;</p> <p>-khi một bên trong hợp đồng có nhiều trụ sở, thì « trụ sở » được tính đến là trụ sở có quan hệ chặt chẽ nhất với hợp đồng và với việc thực hiện hợp đồng, có xem xét đến những tình tiết đã biết hoặc được dự liệu bởi các bên tại bất cứ thời điểm nào trước khi hoặc vào lúc giao kết hợp đồng;</p> <p>"bên có nghĩa vụ" là bên phải thực hiện nghĩa vụ và "bên có quyền" là bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đó;</p> <p>-"văn bản" bao gồm tất cả các hình thức trao đổi thông tin cho phép lưu giữ thông tin chứa đựng trong đó và có khả năng thể hiện dưới dạng hữu hình.</p>	<p>Trong BLDS và LTM chưa có điều nào giải thích khái niệm Tòa án bao gồm cả trọng tài.</p> <p>Điều 79 BLDS quy định:”1 Trụ sở của pháp nhân là nơi đặt cơ quan điều hành của pháp nhân.</p> <p>BLDS và LTM chưa có định nghĩa về “bên có nghĩa vụ” và “bên có quyền”</p> <p>Điều 119 BLDS:” Giao dịch dân sự thông qua dữ liệu điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của Luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản”</p> <p>Điều 15 Luật thương mại : “Trong hoạt động thương mại, các thông điệp dữ liệu đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản.</p>	<p>BLDS, LTM chưa tương thích với PICC về khái niệm Tòa án. Tuy nhiên trên thực tiễn, tùy theo thỏa thuận cụ thể, các bên có thể đưa tranh chấp của mình ra trọng tài hoặc tòa án để giải quyết (đã phù hợp trên thực tế).</p> <p>-Về trụ sở của pháp nhân, do quy định của BLDS là quy định chung, áp dụng cho cả pháp nhân công lẫn pháp nhân tư, nên khái niệm này rất chung. PICC quy định trụ sở của các pháp nhân kinh tế nên chi tiết và cụ thể hơn quy định của BLDS.</p> <p>Tuy BLDS và LTM chưa có định nghĩa về “bên có nghĩa vụ” và “bên có quyền”. Tuy nhiên hai khái niệm này được sử dụng trong văn bản và hiểu như quy định của PICC.</p> <p>Quy định về “hình thức văn bản” của thông tin trong đó bao gồm cả thông điệp dữ liệu điện tử của Việt Nam đã đáp ứng yêu cầu của PICC và của Luật mẫu về Giao dịch điện tử của UCITRAL về thương mại điện tử.</p>	<p>- Bổ sung quy định về định nghĩa hay cách hiểu chung khái niệm Tòa án bao gồm Tòa án và Trọng tài để phù hợp với thực tiễn và PICC.</p> <p>-Nếu sửa LTM hoặc xây dựng Luật hợp đồng thương mại thì nên bổ sung khái niệm trụ sở pháp nhân phù hợp với định nghĩa của PICC.</p> <p>-Nên có một định nghĩa về hình thức văn bản của thông tin, giao dịch trong phần các quy định chung của hợp đồng , theo đó các tệp thông tin dữ liệu điện tử cũng được coi là thông tin dưới hình thức văn bản .</p>
---	--	--	--	--

Phần 2 Các quy định về ký kết hợp đồng

STT	<p>Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế(Công ước Viên)</p>	<p>Nội dung quy định của văn bản được rà soát</p> <p>Bộ luật Dân sự (BLDS)</p> <p>Luật Thương mại (LTM)</p> <p>Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)</p>	<p>Phân tích mức độ tương thích</p>	<p>Kiến nghị xử lý</p>
1	<p>Phương thức giao kết hợp đồng, Điều 2.1.1 của PICC quy định:” Một hợp đồng được giao kết bằng việc chấp nhận một đề nghị giao kết hoặc bằng thái độ thể hiện đầy đủ thỏa thuận của các bên”</p> <p>Điều 23 Công ước Viên quy định “Hợp đồng được coi là đã ký kết kể từ lúc sự chấp nhận chào hàng có hiệu lực chiếu theo các quy định của công ước này”</p> <p>Điều 18 Công ước Viên quy định : “Một lời tuyên bố hay một hành vi khác của người được chào hàng biểu lộ sự đồng ý với chào hàng cấu thành chấp nhận chào hàng”</p>	<p>Điều 400 BLDS quy định “ Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận giao kết”</p>	<p>Quy định của BLDS về việc giao kết hợp đồng thông qua việc chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của PICC và của Công ước Viên.</p> <p>Tuy nhiên PICC mở rộng hơn cách giao kết hợp đồng thông qua hành vi mà theo đó có đủ cơ sở để xác định sự thống nhất ý chí của các bên về việc họ mong muốn ràng buộc vào hợp đồng.</p>	<p>Quy định mở rộng hơn của PICC đáp ứng nhu cầu thực tiễn thương mại, đặc biệt là giữa các đối tác thương mại truyền thống đã có quan hệ lâu dài, nên cần xem xét bổ sung vào BLDS.</p>
2	<p>Đề nghị giao kết hợp đồng, Điều 2.1.2 PICC quy định” Một đề nghị được gọi là đề nghị giao kết hợp đồng,nếu nó xác định đầy đủ và thể hiện mong muốn của người đưa ra đề nghị mong muốn bị ràng buộc vào hợp đồng khi đề nghị giao kết được chấp nhận</p> <p>Điều 14 Công ước Viên quy định “Một đề nghị ký kết hợp đồng gửi cho một hay nhiều người xác định được coi là một chào hàng nếu có đủ chính xác và nếu nó chỉ rõ ý chí của người chào hàng muốn tự ràng buộc mình trong trường hợp có sự chấp nhận chào hàng đó”</p>	<p>Điều 386 BLDS quy định “ Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc vào đề nghị này của bên đề nghị đối với bên được đề nghị”</p>	<p>BLDS chưa tương thích với PICC và Công ước Viên. Định nghĩa về đề nghị giao kết hợp đồng của BLDS thiếu một yếu tố quan trọng đó là tính xác định của đề nghị giao kết hợp đồng. Cho dù bên đề nghị có thể hiện mong muốn bị ràng buộc vào đề nghị thì đề nghị thiếu yếu tố tính xác định được cho dù được chấp nhận, hợp đồng không thể được hình thành.</p>	<p>Cần bổ sung quy định yêu cầu về tính xác định của đề nghị giao kết hợp đồng vào quy định về đề nghị giao kết hợp đồng.</p>
3	<p>Rút lại đề nghị giao kết hợp đồng: Điều 2.1.3 PICC quy định: “Đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực khi đề nghị này đến bên nhận đề nghị.</p> <p>2.Đề nghị giao kết hợp đồng, kể cả không thể hủy ngang, có thể được rút lại nếu việc rút lại đề nghị đến người nhận trước hoặc cùng lúc với</p>	<p>Điều 388 BLDS quy định “ 1. Thời điểm đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực được xác định như sau:</p> <p>- Do các bên ấn định;</p> <p>-Nếu các bên không ấn định thì kể từ khi bên</p>	<p>Về cơ bản, quy định của BLDS đã phù hợp với quy định của PICC và của Công ước Viên, tức là quy định nguyên tắc được rút lại đề nghị giao kết hợp đồng trước khi hoặc vào cùng thời điểm người được đề nghị nhận được đề nghị giao kết</p>	<p>Quy định nhất quán thời điểm có hiệu lực của đề nghị giao kết hợp đồng là thời điểm bên được đề nghị nhận được đề nghị giao kết hợp đồng.</p>

	<p>đề nghị”</p> <p>Điều 15 Công ước Viên quy định: “1. Chào hàng có hiệu lực khi nó tới nơi người được chào hàng.</p> <p>2. Chào hàng dù là loại chào hàng không hủy ngang vẫn có thể bị rút lại, nếu như thông báo về việc rút lại chào hàng đến người được chào hàng trước hoặc cùng lúc với chào hàng.</p>	<p>được đề nghị nhận được đề nghị đó, trừ trường hợp Luật liên quan có quy định khác.</p> <p>Điều 389 BLDS quy định về thay đổi, rút lại đề nghị giao kết hợp đồng như sau:” 1. Bên đề nghị có thể rút lại, thay đổi đề nghị giao kết hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Bên được đề nghị nhận được thông báo sửa đổi rút lại đề nghị trước hoặc cùng thời điểm nhận được đề nghị.</p> <p>b) Điều kiện thay đổi, rút lại đề nghị phát sinh trong trường hợp bên đề nghị có nêu rõ về việc được thay đổi hoặc rút lại đề nghị khi điều kiện phát sinh”.</p>	<p>hợp đồng, tức là trước khi đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>Tuy nhiên quy định về trường hợp:” Điều kiện thay đổi, rút lại đề nghị phát sinh trong trường hợp bên đề nghị có nêu rõ về việc được thay đổi hoặc rút lại đề nghị khi điều kiện phát sinh”. Quy định này không rõ là thời điểm rút lại hoặc thay đổi diễn ra khi nào. Nếu trước khi bên đề nghị nhận được thông báo chấp nhận, thì là đương nhiên và trùng với trường hợp tại điểm a). Nếu sau thời điểm đó, thì là hủy bỏ đề nghị giao kết. Trường hợp này được quy định tại Điều 390. Như vậy quy định tại điểm b) Điều 389 là thừa và dễ gây nhầm lẫn</p>	<p>Sử dụng chính xác khái niệm “rút lại” đề nghị giao kết hợp đồng đã có hiệu lực. Trước khi đề nghị giao kết có hiệu lực, được phép rút lại vô điều kiện,. Sau khi đề nghị đã có hiệu lực, chỉ được hủy bỏ dưới những điều kiện nhất định</p>
4	<p>Hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng</p> <p>Điều 2.1.4 PICC quy định “ 1. Cho đến khi hợp đồng được giao kết, đề nghị giao kết vẫn có thể bị hủy bỏ, nếu hủy bỏ này đến bên được đề nghị trước khi bên này gửi chấp nhận giao kết hợp đồng.</p> <p>2. Tuy nhiên, đề nghị giao kết hợp đồng không thể hủy bỏ:</p> <p>a) Nếu đề nghị này quy định rằng nó không thể bị hủy ngang với việc quy định một thời hạn xác định cho việc chấp nhận hoặc cách khác; hoặc</p> <p>b) Nếu bên được đề nghị có cơ sở hợp lý để tin rằng đề nghị không thể hủy ngang và vì vậy bên được đề nghị đã hành động.</p> <p>Điều 16 Công ước Viên quy định : “1 Cho tới khi hợp đồng được giao kết, người chào hàng vẫn có thể hủy ngang chào hàng, nếu người được chào hàng nhận được thông báo về việc hủy ngang trước khi người này gửi thông báo chấp nhận chào hàng.</p> <p>2. Tuy nhiên, chào hàng không thể bị hủy ngang:</p> <p>a. Nếu nó chỉ rõ, bằng cách ấn định một thời hạn xác định để chấp nhận hay bằng cách khác, rằng nó không thể bị hủy ngang, hoặc</p> <p>b. Nếu một cách hợp lý người nhận coi chào hàng là không thể hủy ngang và đã hành động theo chiều</p>	<p>Điều 390 BLDS quy định:”Bên đề nghị giao kết hợp đồng có thể hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng, nếu nêu rõ quyền này trong đề nghị và bên được đề nghị nhận được thông báo về việc hủy đề nghị trước khi người này gửi thông báo chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.”</p>	<p>Quy định của BLDS chưa tương thích với PICC và công ước Viên. PICC và Công ước Viên quy định quyền hủy bỏ đề nghị là quyền mặc nhiên, không phải ấn định trước như quy định của BLDS. Tuy nhiên quyền này chỉ có thể thực hiện dưới điều kiện là bên nhận đề nghị giao kết nhận được tuyên bố hủy bỏ đề nghị giao kết trước khi bên đó gửi tuyên bố chấp nhận tới bên đề nghị .</p> <p>Ngoài ra, PICC và Công Viên quy định 2 trường hợp mà theo đó quyền hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng bị loại trừ đó là: i) bên đề nghị ấn định thời gian chấp nhận đề nghị hoặc bằng cách thức khác mà thể hiện rằng đề nghị giao kết không thể bị hủy bỏ và ii) Bên được đề nghị tin tưởng rằng đề nghị giao kết hợp đồng không thể bị hủy bỏ và đã hành động theo sự tin tưởng đó.</p>	<p>Nên quy định quyền này với tính chất là quyền mặc nhiên, trừ trường hợp có ấn định thời hạn chấp nhận hoặc bảo lưu trước hoặc bên được đề nghị đã tin tưởng vào đề nghị mà hành động theo đó.</p> <p>Theo cách này, quyền của bên đề nghị giao kết sẽ rộng hơn, linh hoạt hơn. Ngoài ra, theo cách thức này nguyên tắc bảo vệ sự trung thực, tin tưởng nhau trong kinh doanh được tuân thủ.</p>

	hướng đó.”			
5	<p>Chấm dứt giao kết: Điều 2.1.5 PICC quy định:” Đề nghị giao kết hợp đồng không còn hiệu lực khi từ chối đề nghị giao kết hợp đồng đến bên đề nghị”</p> <p>Đề 17 Công ước Viên quy định” Chào hàng, dù là loại không hủy ngang, sẽ mất hiệu lực khi người chào hàng nhận được thông báo về việc từ chối chào hàng.”</p>	<p>Điều 391 BLDS quy định: Đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1 Bên được đề nghị trả lời chấp nhận 2 Bên được đề nghị trả lời không nhận 3 Hết thời hạn trả lời chấp nhận 4. Thông báo về việc rút lại đề nghị giao kết HĐ có hiệu lực 5 Thông báo về việc hủy đề nghị giao kết HĐ có hiệu lực. 6. Theo thỏa thuận của bên đề nghị và bên được đề nghị trong thời hạn chờ trả lời chấp nhận . 	<p>Quy định của BLDS đã phù hợp với PICC công ước Viên.</p>	<p>Cách quy định của BLDS là hợp lý, ngoài căn cứ từ chối đề nghị ra, Đề nghị giao kết có thể hết hiệu lực do bị rút lại hoặc do bị hủy hoặc do các bên thỏa thuận. Tuy nhiên quy định tại điểm số 1 Điều 391 của BLDS là chưa hợp lý, vì trong trường hợp được chấp nhận đề nghị giao kết đã được chuyển thành nội dung hợp đồng.</p>
6	<p>Cách thức chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, Điều 2.1.6 PICC quy định: “1.Chấp nhận giao kết hợp đồng có thể là một tuyên bố hoặc cách xử sự khác của bên được đề nghị cho thấy họ chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng. Bản thân sự im lặng hay bất tác vi không có giá trị như một chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.</p> <p>2.Việc chấp nhận một đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực khi dấu hiệu của việc chấp nhận giao kết hợp đồng đến bên đề nghị.</p> <p>3.Tuy nhiên, nếu theo đề nghị giao kết hợp đồng, các thói quen đã được xác lập giữa các bên hoặc theo tập quán, bên được đề nghị có thể chỉ ra là mình đã chấp nhận giao kết hợp đồng bằng việc thực hiện một hành vi mà không cần thông báo cho bên đề nghị biết, việc chấp nhận có hiệu lực khi hành vi đó được hoàn thành”.</p> <p>Điều 18 Công ước Viên quy định “Một lời tuyên bố hay một hành vi khác của người được chào hàng biểu lộ sự đồng ý với chào hàng cấu thành chấp nhận chào hàng. Sự im lặng hoặc bất hợp tác không mặc nhiên có giá trị một sự chấp nhận.</p>	<p>Điều 393 BLDS quy định: “1. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời của bên được đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung đề nghị.</p> <p>2. Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là sự chấp nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc thói quen đã được xác lập giữa các bên.</p> <p>Điều 400 BLDS quy định:”1.Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận giao kết.</p> <p>2.Trong trường hợp các bên có thỏa thuận im lặng là trả lời chấp thuận đề nghị giao kết hợp đồng trong một thời hạn, thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm cuối cùng của thời hạn đó.</p> <p>3.Thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói là thời điểm các bên đã thỏa thuận về nội dung hợp đồng.</p> <p>4 thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản hay hình thức chấp nhận khác thể hiện trên văn bản.</p>	<p>Cách thức chấp nhận đề nghị gia kết hợp đồng theo quy định của BLDS về cơ bản đã phù hợp với quy định của PICC và Công ước Viên. Tuy nhiên, BLDS chưa công nhận khả năng có thể chấp nhận bằng hành vi thực tế mà việc thực hiện hành vi đó thể hiện là sự chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng (ví dụ như hành vi trả tiền tạm ứng hoặc gửi hàng hoặc tiến hành công việc theo đề nghị). Cả PICC và Công ước Viên đều công nhận khả năng thực hiện việc chấp nhận thông qua hành vi thực tế và sự chấp nhận theo cách thức này có hiệu lực khi nó được thực hiện. Công nhận cách thức này cũng có ý nghĩa là thực hiện nguyên tắc tin tưởng và trung thực trong giao dịch kinh tế, thương mại.</p> <p>Ngoài ra, cũng như trường hợp đề nghị giao kết, PICC và công ước Viên có quy định về thời điểm chấp nhận có hiệu lực.</p>	<p>Bổ sung khả năng chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng bằng việc thực hiện hành vi thực tế, và quy định về thời điểm chấp nhận có hiệu lực. Trong trường hợp quy định việc chấp nhận bằng hành vi thực tế, nên quy định rõ thời điểm có hiệu lực của sự chấp nhận đề nghị.</p>

7	<p>Thời hạn chấp nhận giao kết hợp đồng, Điều 2.1.7 PICC quy định: “Đề nghị giao kết hợp đồng phải được chấp nhận trong thời hạn do bên đề nghị ấn định; trong trường hợp không có thời hạn ấn định, thì phải chấp nhận trong một thời hạn hợp lý trong đó có lưu ý đến hoàn cảnh cụ thể, kể cả tốc độ truyền tin theo phương thức mà bên đề nghị giao kết đã lựa chọn. Đề nghị giao kết bằng miệng phải được chấp nhận ngay, nếu từ hoàn cảnh cụ thể cho thấy không thể làm khác được”</p> <p>Điều 18 Công ước Viên quy định :” Chấp nhận chào hàng có hiệu lực từ khi người chào hàng nhận được chấp nhận..... Chấp nhận chào hàng không có hiệu lực nếu không được gửi tới người chào hàng trong thời hạn mà người này đã quy định trong chào hàng, hoặc trong một thời hạn hợp lý, nếu thời hạn đó không được quy định., trong đó có xét đến các tình tiết của sự giao dịch, kể cả tốc độ của các phương tiện liên lạc do người chào hàng sử dụng. Một chào hàng bằng miệng phải được chấp nhận ngay trừ phi các tình tiết bắt buộc ngược lại.</p> <p>3. Tuy nhiên nếu do hiệu lực của chào hàng hoặc do thực tiễn đã có giữa hai bên trong mối quan hệ tương hỗ hoặc tập quán thì người được chào hàng có thể chứng tỏ sự chấp thuận của mình bằng cách làm một hành vi nào đó như hành vi liên quan đến việc gửi hàng hay trả tiền chẳng hạn dù họ không thông báo cho người chào hàng thì chấp nhận chào hàng chỉ có hiệu lực từ khi những hành vi đó được thực hiện với điều kiện là những hành vi đó phải được thực hiện trong thời hạn đã quy định tại điểm trên.</p>	<p>Điều 394 BLDS quy định:”1. Khi bên đề nghị có ấn định thời hạn trả lời, thì việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực khi được thực hiện trong thời hạn đó.</p> <p>Khi bên đề nghị không nêu rõ thời hạn trả lời, thì việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực, nếu được thực hiện trong một thời hạn hợp lý”</p>	<p>Về cơ bản quy định về thời hạn chấp nhận đề nghị của BLDS đã phù hợp với quy định của PICC và Công ước Viên. Tuy nhiên quy định về thời gian hợp lý của BLDS cần được chi tiết hơn (tức là xác định tính hợp lý trong từng hoàn cảnh cụ thể trong đó bao gồm cả tốc độ truyền tin theo cách thức mà người đề nghị đã lựa chọn” để tiện lợi cho việc áp dụng trên thực tế.</p>	<p>Quy định về thời gian hợp lý của BLDS cần được chi tiết hơn (tức là xác định tính hợp lý trong từng hoàn cảnh cụ thể trong đó bao gồm cả tốc độ truyền tin theo cách thức mà người đề nghị đã lựa chọn” để tiện lợi cho việc áp dụng trên thực tế.</p>
8	<p>Thời hạn chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng do bên đề nghị ấn định Điều 2.1.8 PICC quy định:” Thời hạn chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng do bên đề nghị ấn định bắt đầu tính từ lúc đề nghị được gửi đi. Ngày ghi trong đề nghị được cho là ngày gửi đi, trừ khi hoàn cảnh cho thấy điều ngược lại.</p>	<p>BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS chưa tương thích với PICC</p>	<p>BLDS cần được bổ sung để dễ vận dụng trong thực tế,</p>

9	<p>Chấp nhận muộn, chậm chuyển thông tin: Điều 2.1.9 PICC quy định: “1. Một sự chấp nhận chậm vẫn được coi là sự chấp nhận có hiệu lực, nếu bên đề nghị thông báo ngay cho bên chấp nhận về việc này bằng miệng hoặc bằng văn bản.</p> <p>2. Nếu từ thư hoặc văn bản trong đó có chứa đựng sự chấp nhận chậm cho thấy khi xét hoàn cảnh cụ thể mà trong các hoàn cảnh đó thư tín được gửi đi thì với sự truyền tải thông thường đáng lẽ thông tin phải được chuyển đến đúng hạn. Trong trường hợp này sự chấp nhận chậm đó vẫn được coi là có hiệu lực, nếu bên đề nghị không thông báo ngay cho bên được đề nghị rằng đề nghị đã chấm dứt.</p> <p>Điều 21 Công ước Viên quy định” 1.Một chấp nhận chào hàng muộn màng cũng có hiệu lực của một chấp nhận nếu người chào hàng phải thông báo miệng không chậm trễ cho người nhận chào hàng hoặc gửi cho người này một thông báo về việc đó.</p> <p>2. Nếu thư từ hay văn bản khác do người nhận chào hàng gửi đi chứa đựng một sự chấp nhận chậm trễ mà thấy rõ rằng nó đã được gửi đi trong những điều kiện mà, nếu sự chuyển giao bình thường, nó đã đến tay người chào hàng kịp thời, thì sự chấp nhận chậm trễ được coi như chấp nhận đến kịp thời, trừ phi không chậm trễ người chào hàng thông báo miệng hoặc gửi thông báo bằng văn bản cho người được chào hàng biết người chào hàng coi chào hàng của mình đã hết hiệu lực.</p>	<p>Khoản 1 Điều 394 BLDS quy định: “..... Nếu bên đề nghị giao kết hợp đồng nhận được trả lời chấp nhận sau thời hạn trả lời, thì trả lời chấp nhận được coi là đề nghị mới của bên trả lời chậm. Khi bên đề nghị không nêu rõ thời hạn trả lời, thì việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực, nếu được thực hiện trong một thời hạn hợp lý.</p>	<p>Nếu xét từ kết quả thì cách quy định tại khoản 1 Điều 394 BLDS và quy định về nooijh dung này của PICC và Công ước Viên đề đi đến một kết quả chung. Tuy nhiên, Cách quy định của PICC và Công ước Viên thể hiện rõ nguyên tắc thiện chí, trung thực và ổn định hợp tác trong quá trình giao kết hợp đồng</p>	<p>Nên sửa quy định này của BLDS theo cách quy định của PICC và Công ước Viên nhằm thể hiện và tuân thủ nguyên tắc tin tưởng và trung thực, thiện chí trong giao kết hợp đồng, đồng thời đáp ứng yêu cầu về việc ổn định hợp tác trong quá trình giao kết hợp đồng.</p>
10.	<p>Rút lại sự chấp nhận đề nghị: Điều 2.1.10 PICC quy định : “Một chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng có thể bị rút lại nếu việc rút lại đến bên đề nghị chậm nhất vào thời điểm chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>Điều 22 Công ước Viên quy định “ Chấp nhận chào hàng có thể bị rút lại nếu thông báo về việc hủy sự chấp nhận tới người chào hàng trước hoặc cùng một lúc khi chấp nhận có hiệu lực.</p>	<p>Điều 397 BLDS quy định:” Bên được đề nghị có thể rút lại thông báo chấp nhận giao kết hợp đồng, nếu thông báo về việc rút lại sự chấp nhận đến trước hoặc cùng thời điểm mà bên được đề nghị nhận được trả lời về việc chấp nhận giao kết hợp đồng”</p>	<p>Quy định của BLDS trương thích với quy định của PICC và Công ước Viên</p>	
11	<p>Sự chấp nhận có sửa đổi, Điều 2.1.11 PICC quy định “Câu trả lời với mong muốn chấp nhận đề</p>	<p>Điều 392 BLDS quy định:”Khi bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng nhưng có nêu</p>	<p>Về cơ bản quy định của BLDS đã trương thích với quy định của PICC và Công</p>	<p>Nên bổ sung một quy định như khoản 2 của Điều 2.10 PICC và</p>

	<p>ngộ giao kết hợp đồng nhưng kèm theo những bổ sung, hạn chế hoặc những sửa đổi khác sẽ được coi là sự từ chối đề nghị và hình thành một đề nghị mới.</p> <p>2. Tuy nhiên, nếu câu trả lời với mong muốn chấp nhận kèm theo những chi tiết bổ sung hoặc khác biệt mà không làm thay đổi cơ bản các điều khoản của đề nghị được coi là một chấp nhận giao kết hợp đồng, trừ khi bên đề nghị ngay lập tức bác bỏ những chi tiết bổ sung hay sửa đổi này. Nếu bên đề nghị không phản đối, các điều khoản của hợp đồng sẽ bao gồm các điều khoản của đề nghị giao kết hợp đồng và những sửa đổi bổ sung đưa ra trong chấp nhận”.</p> <p>Điều 19 Công ước Viên quy định: “1. Một sự phức tạp có khuynh hướng chấp nhận chào hàng nhưng có chứa đựng những điểm bổ sung, bớt đi hay các sửa đổi khác thì được coi là từ chối chào hàng và cấu thành một hoàn giá.</p> <p>2. Tuy nhiên một sự phức tạp có khuynh hướng chấp nhận chào hàng nhưng có chứa đựng các điều khoản bổ sung hay những điều khoản khác mà không làm biến đổi một cách cơ bản nội dung của chào hàng thì được coi là chấp nhận chào hàng, trừ phi người chào hàng ngay lập tức không biểu hiện bằng miệng để phản đối những điểm khác biệt đó hoặc gửi thông báo về sự phản đối của mình cho người được chào hàng. Nếu người chào hàng không làm như vậy, thì nội dung của hợp đồng sẽ là nội dung của chào hàng với những sự sửa đổi nêu trong chấp nhận chào hàng.</p> <p>3. Các yếu tố bổ sung hay sửa đổi liên quan đến các điều kiện giá cả, thanh toán, đến phẩm chất và số lượng hàng hóa, địa điểm và thời hạn giao hàng, đến phạm vi trách nhiệm của các bên hay đến sự giải quyết tranh chấp được coi là những điều kiện làm biến đổi một cách cơ bản nội dung của chào hàng.</p>	<p>điều kiện hoặc sửa đổi đề nghị, thì coi như người này đã đưa ra một đề nghị mới</p>	<p>ước Viên. Tuy nhiên, khoản 2 của Điều 2.1.10 và khoản 2 của Điều 19 Công ước Viên thể hiện sự linh hoạt, đáp ứng yêu cầu về tốc độ cũng như ổn định các giao dịch kinh tế và thương mại hơn so với quy định của BLDS.</p>	<p>Khoản 2 Điều 19 Công ước Viên, để đẩy nhanh việc giao kết các HĐ đồng thời đáp ứng nguyên tắc hợp tác và thiện chí trong giao dịch.</p>
12	<p>Văn bản xác nhận : Điều 2.1.12 PICC quy định: Nếu một văn bản xác nhận hợp đồng được gửi</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng như quy</p>	<p>Quy định tại Điều 2.12 thể hiện sự linh</p>	<p>Nên bổ sung quy định của PICC vào BLDS vì nó đáp ứng</p>

	trong một thời hạn hợp lý sau giao kết hợp đồng có chứa đựng những điều kiện bổ sung hoặc khác đi, thì những nội dung bổ sung hoặc khác đi này được coi là nội dung hợp đồng, trừ khi những bổ sung và khác biệt này làm thay đổi thay đổi cơ bản hợp đồng hoặc bên nhận được xác nhận phản đối ngay về sự khác biệt so với hợp đồng.	định tại Điều 2.1.12 của PICC	hoạt đáp ứng yêu cầu thực tiễn kinh doanh. Nếu sau khi giao kết hợp đồng trong văn bản xác nhận, nếu có những bổ sung hoặc khác biệt không làm thay đổi nội dung căn bản của HĐ thì những bổ sung, khác biệt này được coi là nội dung hợp đồng, trừ khi bên nhận được văn bản xác nhận phản đối.	yêu cầu linh hoạt của thực tiễn, đồng thời cũng thể hiện tinh thần thiện chí hợp tác.
13	Giao kết hợp đồng phụ thuộc vào việc thống nhất những điểm nhất định hoặc theo một hình thức nhất định, Điều 2.1.13 PICC quy định: ” Trong các cuộc đàm phán, khi một bên yêu cầu việc giao kết hợp đồng phụ thuộc vào thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến nội dung hoặc hình thức, thì hợp đồng sẽ chỉ được giao kết nếu các bên đạt được thỏa thuận về những vấn đề này	BLDS không có quy định tương ứng	BLDS Không có quy định tương ứng. Điều 2.13 của PICC quy định quy định một bên bảo lưu những điểm hoặc hình thức nhất định như là điều kiện tiên quyết mà các bên không đạt được sự thống nhất với nhau thì hợp đồng không được giao kết, kể cả khi những bảo lưu đó không phải là cơ bản. Quy định này của PICC thể hiện rõ quyền tự do trong việc xác định nội dung hợp đồng.	Nên bổ sung quy định này vào BLDS để thể hiện nhất quán nguyên tắc tự do hợp đồng.
14	Giao kết hợp đồng với những điều khoản chủ ý để ngỏ, Điều 2.1.14 PICC quy định: “1 Nếu các bên mong muốn giao kết hợp đồng, thì hợp đồng vẫn được giao kết, ngay cả khi mà các bên chủ ý để việc thống nhất những điều khoản nhất định cho các phiên đàm phán tiếp theo hoặc để cho người thứ ba ấn định. 2. Sự tồn tại của hợp đồng không bị ảnh hưởng bởi thực tế rằng sau đó: a) Các bên không thống nhất được với nhau về các điều khoản bỏ ngỏ. b) Bên thứ ba không xác định điều khoản bỏ ngỏ Quy định trên được áp dụng với điều kiện là có khả năng khác để xác định các điều khoản bỏ ngỏ mà khả năng này là hợp lý khi xem xét chủ ý của các bên trong hoàn cảnh cụ thể.	BLDS, Luật không có quy định tương ứng	BLDS Không có quy định tương ứng, Điều 2.14 của PICC xuất phát từ nguyên tắc thiện chí hợp tác và hợp lý hóa thúc đẩy nhanh việc giao kết, thực hiện hợp đồng, mặc dù chưa thống nhất được mọi điều khoản hợp đồng.	Trên tinh thần của nguyên tắc, thiện chí, tự nguyện có thể bổ sung quy định này vào BLDS để đẩy nhanh và hợp lý hóa việc ký kết và thực hiện hợp đồng.
15	Các hành vi không trung thực Điều 2.1.15 PICC quy định: ” 1. Các bên được tự do đàm phán và không thể bị ràng buộc trách nhiệm nếu các bên không đi đến ký kết hợp đồng. 2. Tuy nhiên, bên nào hành động với dụng ý xấu khi tham gia đàm phán hoặc chấm dứt đàm phán sẽ phải chịu trách nhiệm đối với những	BLDS không có quy định tương ứng. Tuy nhiên Điều 10 BLDS có quy định về giới hạn thực hiện quyền dân sự, trong đó quy định cá nhân, pháp nhân không được lạm dụng việc thực hiện quyền dân sự của mình gây thiệt hại cho người khác. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.	Vận dụng quy định của Điều 10 của BLDS thì về nguyên tắc BLDS đã tương ứng với quy định của PICC. Tuy nhiên, PICC chỉ áp dụng trong trường hợp thiếu thiện chí, lạm dụng quyền tự do hợp đồng gây thiệt hại cho đối tác.	Để thuận tiện hơn cho việc áp dụng quy định của Điều 10 BLDS cho trường hợp không thiện chí, thiếu trung thực trong đàm phán hợp đồng có thể học cách quy định của Điều 2.15

	<p>thiệt gây ra cho phía bên kia.</p> <p>3.Đặc biệt, dụng ý xấu là khi một bên bắt đầu hoặc tiếp tục tham gia đàm phán, dù biết rằng mình không có ý định tiến tới một thỏa thuận.</p>			của PICC.
16	<p>Nghĩa vụ giữ bí mật, Điều 2.16 PICC quy định: “Nếu trong quá trình đàm phán mà một bên cung cấp thông tin là thông tin mật, thì bên kia có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin đó hoặc không được sử dụng trái phép thông tin đó vào mục đích riêng của mình, bất kể sau đó các bên có ký kết hợp đồng được với nhau hay không. Bên vi phạm nghĩa vụ này phải bồi thường thiệt hại, trong bao gồm cả những lợi ích mà bên kia đã thu được do vi phạm nghĩa vụ này</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng. Tuy nhiên có thể vận dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (các điều 584 và 585 BLDS) để xử lý các vi phạm trước khi có hợp đồng</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng. Tuy nhiên, xét về kết quả, thì nếu vận dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để xử lý vấn đề này và người bị vi phạm có thể được bồi thường thiệt hại (kết quả tương đương, nếu chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại)</p> <p>Ngoài thiệt hại phát sinh, theo quy định của PICC, bên bị vi phạm còn có thể yêu cầu bên vi phạm bồi thường phần lợi ích thu được do vi phạm nghĩa vụ giữ bí mật thông tin.</p> <p>Quy định này của PICC bắt nguồn từ nguyên tắc tin tưởng, thiện chí, trung thực, trong quá trình đàm phán ký kết hợp đồng và được áp dụng trực tiếp cho hành vi vi phạm nghĩa vụ giữ bí mật trước khi giao kết hợp đồng và với phạm vi thiệt hại rộng hơn so với quy định của BLDS.</p>	<p>Để củng cố nguyên tắc thiện chí, trung thực, nên học cách quy định này của PICC.</p>
17	<p>Điều khoản về tính hoàn chỉnh Điều 2.1.17 PICC Quy định: Nếu trong một hợp đồng bằng văn bản có chứa một điều khoản với nội dung rằng những điều kiện trong văn bản hợp đồng đã được các bên thỏa thuận là là hoàn chỉnh, thì không thể bị phản bác hoặc bổ sung bằng chứng cứ là những tuyên bố hoặc thỏa thuận trước đó. Tuy nhiên, chứng cứ này có thể được sử dụng để giải thích hợp đồng</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng.</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng.</p> <p>Quy định này của PICC tiếp tục khẳng định nguyên tắc tự do hợp đồng. Khi các bên đã khẳng định trong hợp đồng bằng văn bản rằng những nội dung ghi trong hợp đồng là hoàn chỉnh thì không thể lấy các tuyên bố, thỏa thuận trước đó để thay đổi hoặc bổ sung HĐ. Tuy nhiên, có thể sửa đổi bổ sung bằng những thỏa thuận sau đó và luôn phải đáp ứng yêu cầu tự do HĐ, tức là phải được tất cả các bên đồng ý.</p>	<p>Có thể bổ sung nguyên tắc này hoặc quy định bổ sung vào các quy định về giải thích hợp đồng (Điều 404 BLDS)</p>
19	<p>Điều khoản sửa đổi bằng văn bản: Điều 2.18 của PICC quy định” Nếu một hợp đồng bằng văn bản có chứa một điều khoản rằng là mọi sửa đổi hoặc hủy bỏ HĐ đều phải được thực hiện bằng hình thức văn bản thì không thể sửa đổi hoặc hủy bỏ bằng hình thức khác được. Tuy nhiên, một bên không thể viện dẫn vào điều khoản này khi đã có hành</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng</p> <p>Nguyên tắc này của PICC là sự thể hiện cụ thể của nguyên tắc tự do HD và nguyên tắc trung thực và thiện chí. Mặc dù có quy định phải sửa đổi hoặc bổ sung bằng văn bản, nhưng trên thực tế, một bên đã đồng ý bằng miệng cho phía bên</p>	<p>Nên bổ sung quy định này, đặc biệt quy định về ngoại lệ vì nó củng cố thêm nguyên tắc tự do hợp đồng và nguyên tắc trung thực, thiện chí. Đồng thời nó sẽ là công cụ rất hữu hiệu để xử lý</p>

	động khác với điều khoản đó và làm cho phía bên kia tin tưởng và hành động theo hành vi khác đó”.		làm khác đi so với thỏa thuận hoặc đã biết bên kia làm khác đi so với thỏa thuận mà không phản đối, thì không thể viện dẫn điều khoản bằng văn bản nói trên để nại phía bên kia.	các tình huống thực tế.
20	Giao kết hợp đồng với điều khoản giao dịch chung , Điều 2.1.19 PICC quy định” 1.Nếu khi ký kết hợp đồng một hoặc hai bên sử dụng các điều khoản giao dịch chung, thì các quy định chung về giao kết hợp đồng của PICC được áp dụng với sự bảo lưu tại các quy định từ 2.1.20 đến 2.1.22 của PICC. 2. Các điều kiện giao dịch chung là các quy tắc do một bên chuẩn bị, được sử dụng chung cho các giao dịch lặp đi lặp lại và thực chất các điều kiện giao dịch chung được sử dụng mà không có sự đàm phán với phía bên kia.	Điều 406 BLDS quy định: ” 1. Điều kiện giao dịch chung là những điều khoản ổn định do một bên công bố để áp dụng chung cho bên được giao kết hợp đồng; nếu bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng thì coi như Chấp nhận các điều kiện giao dịch chung này”	BLDS đã có quy định tương ứng về định nghĩa điều kiện giao dịch chung. Tuy nhiên định nghĩa này chưa hoàn toàn tương thích với quy định tại khoản 2 của Điều 2.19 PICC ở điểm là i). BLDS không quy định tính chất lặp đi lặp lại của các giao dịch; ii) BLDS quy định chỉ có bên đề nghị giao kết mới có quyền đưa ra điều kiện giao dịch chung. Như vậy, về nội dung này BLDS chưa có tính khái quát và chưa phù hợp với thực tiễn.	Sửa quy định định nghĩa điều kiện giao dịch chung (khoản 1 Điều 406) phù hợp bản chất của nó cũng thực tiễn hợp đồng
21	Điều khoản bất ngờ trong điều kiện giao dịch chung , Điều 2.1.20 PICC quy định:” Một điều khoản trong điều kiện giao dịch chung, theo nhận thức đúng đắn thông thường ,không được phía bên kia lường trước, sẽ không có hiệu lực, trừ khi phía bên kia đó tuyên bố rõ ràng là mình chấp nhận điều kiện đó. 2.Trong khi quyết định xem liệu một điều khoản có thuộc loại điều khoản quy định tại khoản 1 hay không, thì phải lưu ý đến nội dung, ngôn từ thể hiện và hình ảnh hiển thị.	Khoản 2 Điều 406 BLDS quy định:” 2. Điều kiện giao dịch chung chỉ có hiệu lực đối với bên xác lập giao dịch, trong trường hợp giao dịch này đã được công bố công khai, để bên xác lập giao dịch biết hoặc phải biết về điều kiện giao dịch chung đó. Điều kiện giao dịch chung phải bảo đảm sự bình đẳng giữa các bên. Trong trường hợp điều kiện giao dịch chung có quy định về miễn trách nhiệm của bên đưa ra điều kiện giao dịch chung, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền của bên giao dịch kia, thì quy định này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”	Về cơ bản, quy định của BLDS và của PICC đã tương thích về mục tiêu của quy định là hợp lý hóa và đẩy nhanh quá trình ký kết HĐ thông qua việc sử dụng Điều kiện giao dịch chung. Tuy nhiên cách thể hiện khác nhau. PICC sử dụng khái niệm” Điều khoản bất ngờ”. Trong khi đó BLDS đưa ra yêu cầu, phải bảo đảm sự bình đẳng và liệt kê cụ thể “miễn trách nhiệm của bên đưa ra điều kiện giao dịch chung” và “tăng trách nhiệm hoặc loại trừ quyền của bên giao dịch kia”	Nên sửa đổi quy định của BLDS theo hướng quy định khái quát hơn về trường hợp một điều khoản của điều kiện giao dịch chung bị vô hiệu để áp dụng cả với những với những tình huống mới phát sinh, không được liệt kê trong Luật.
22	Mâu thuẫn giữa một điều khoản của điều kiện giao dịch chung và một điều khoản do các bên thỏa thuận , Điều 2.1.21 của PICC quy định, “ Trường hợp một điều khoản của điều kiện giao dịch chung mâu thuẫn với điều khoản do các bên thỏa thuận, thì áp dụng điều khoản do các bên thỏa thuận,	BLDS không có quy định tương đương	Pháp luật VN chưa có quy định tương ứng.	Có thể bổ sung quy định này để xử lý trường hợp có mâu thuẫn giữa điều kiện giao dịch chung và thỏa thuận của các bên theo nguyên tắc tôn trọng quyền tự do hợp đồng, tôn trọng sự thỏa thuận riêng của các bên.
23.	Điều kiện giao dịch chung có xung đột , Điều 2.1.22 PICC quy định:” Trường hợp cả hai bên đều sử dụng điều kiện giao dịch chung và đã thống	BLDS không có quy định tương ứng, bởi vì theo quy định tại Điều 406 BLDS thì điều kiện giao dịch chung chỉ do một bên đưa ra, nên	Pháp luật VN chưa có quy định tương ứng.	Để xử lý thực tiễn hợp đồng, đặc biệt trong xu hướng hiện đại hợp lý hóa mà các bên tham

	nhất được với nhau về nội hợp đồng mà không có thỏa thuận về việc áp dụng các điều kiện giao dịch chung thì hợp đồng được giao kết với những điều khoản do các bên thỏa thuận và tất cả những điều khoản của điều kiện giao dịch chung mà các điều khoản đó phù hợp về nội dung, trừ khi một bên đã thông báo rõ ràng từ trước hoặc ngay sau đó cho bên kia biết rằng mình không muốn ràng buộc vào một hợp đồng được giao kết theo cách thức trên”	không phát xung đột về điều kiện giao dịch chung.		gia giao kết hợp đồng đều có sử dụng điều kiện giao dịch chung của mình, thì nên bổ sung quy định này.
2.2 Quyền đại diện				
24	<p>Phạm vi áp dụng của Mục Điều 2.2.1 PICC quy định: ”Mục này điều chỉnh quyền của một người (“người đại diện”) ở địa vị pháp lý của một người khác (“người được đại diện”) trong việc làm phát sinh hậu quả liên quan đến việc ký kết hoặc thực hiện một hợp đồng với một bên thứ ba. Người đại diện hành động với danh nghĩa của mình hoặc với danh nghĩa của người được đại diện.</p> <p>2.Mục này chỉ điều chỉnh những quan hệ giữa người được đại diện hoặc người đại diện với bên thứ ba.</p> <p>3.Mục này không điều chỉnh quyền của người đại diện được pháp luật quy định, cũng như quyền của người đại diện được một cơ quan nhà nước hoặc cơ quan tòa án chỉ định</p>	Điều 134 BLDS quy định” Đại diện là việc một cá nhân, pháp nhân (gọi là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của cá nhân hoặc pháp nhân khác (gọi là người được đại diện) xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự.	<p>Về cơ bản khái niệm đại diện của BLDS đã tương đồng với khái niệm đại diện của PICC.</p> <p>Tuy nhiên, theo PICC người đại diện không chỉ hành động theo danh nghĩa của người được đại diện mà có thể hành động theo danh nghĩa của mình.</p> <p>Phạm vi điều chỉnh của phần IX Chương BLDS rộng hơn so với phạm vi được quy định tại Điều 2.2.1 của PICC, bao gồm cả đại diện theo luật định và đại diện theo ủy quyền.</p>	
25	<p>Xác lập quyền đại diện, Điều 2.2.2 PICC quy định:” 1. Việc người được đại diện ủy quyền có thể rõ ràng hoặc ngầm hiểu.</p> <p>2. Người đại diện có quyền thực hiện mọi hành vi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình, tùy vào hoàn cảnh.</p>	<p>Điều 135 BLDS quy định:” Quyền đại diện được xác lập theo ủy quyền giữa người đại diện và người được đại diện...”</p> <p>Khoản 2 Điều 139 BLDS quy định” Người đại diện có quyền xác lập, thực hiện hành vi cần thiết để đạt được mục đích của việc đại diện.</p>	<p>Quyền đại diện, theo quy định của BLDS được xác lập theo ủy quyền, không được xác lập thông qua hiểu ngầm (chưa hoàn toàn tương thích).</p> <p>Khoản 2 Điều 139 BLDS đã tương thích với khoản 2 Điều 2.2.2 của PICC đã</p>	
26	<p>Thông báo về việc đại diện, Điều 2.2.3 PICC quy định: “1.Hành vi được người đại diện thực hiện trong giới hạn thẩm quyền của mình sẽ trực tiếp ràng buộc trách nhiệm của người được đại diện và bên thứ ba, khi bên thứ ba biết hoặc phải biết rằng người đại diện hành động với tư cách</p>	Khoản 1 Điều 139 BLDS quy định: “Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện với người thứ ba phù hợp với phạm vi đại diện làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với người được đại diện.	Quy định của Khoản 1 Điều 139 BLDS chưa hoàn toàn tương thích với quy định của Điều 2.2.3 của PICC. BLDS chưa quy định về điều kiện phát sinh hậu quả pháp lý đối với người được đại diện là” người thứ ba biết hoặc phải biết về việc ủy quyền”.	Nên bổ sung quy định nghĩa vụ thông báo về việc đại diện của người được đại diện và quy định về hậu quả pháp lý của của việc thông báo rằng người được đại diện chỉ bị ràng buộc vào giao dịch với người thứ ba, nếu

	<p>này. Không có một quan hệ pháp lý nào được hình thành giữa người đại diện và bên thứ ba.</p> <p>2. Tuy nhiên, với sự chấp thuận của người được đại diện, người đại diện trở thành một bên trong hợp đồng và chỉ tự mình giao ước với bên thứ ba.</p>	<p>BLDS không có quy định nào tương tự như khoản 2 của Điều 2.2.3 của PICC .</p>	<p>BLDS chưa có quy định về khả năng người đại diện có thể trở thành một bên trong hợp đồng với sự đồng ý của người được đại diện</p>	<p>người thứ ba biết hoặc phải biết về việc đại diện vào BLDS.</p>
27	<p>Không thông báo về việc đại diện, Điều 2.2.4 PICC quy định: “ 1.Những hành vi của người đại diện trong phạm vi ủy quyền chỉ ràng buộc người đại diện với bên thứ ba, nếu bên thứ ba không biết hoặc không thể biết người đại diện hành động với tư cách đó.</p> <p>2. Tuy nhiên, nếu người đại diện, khi giao kết hợp đồng với bên thứ ba thay mặt cho một công ty, hành động như chủ sở hữu của công ty đó, thì bên thứ ba khi phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, cũng có thể đòi chủ sở hữu thực hiện quyền mà mình có được từ phía người đại diện.</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Cần nghiên cứu bổ sung quy định này để dự liệu hậu quả pháp lý trong trường hợp người thứ ba không biết hoặc không thể biết được về việc đại diện.</p>
28	<p>Người đại diện hành động không có thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền, Điều 2.2.5 PICC quy định: “ 1.Một người hành động với tư cách là người đại diện, nhưng không được ủy quyền hoặc ngoài phạm vi ủy quyền không ràng buộc người được đại diện cũng như bên thứ ba.</p> <p>2. Tuy nhiên, khi thái độ của người được đại diện làm cho bên thứ ba tin tưởng một cách hợp lý là người đại diện có thẩm quyền hành động vì lợi ích của người được đại diện và hành động trong phạm vi được ủy quyền, người được đại diện không thể viện dẫn việc người đại diện không được ủy quyền đối với bên thứ ba.</p>	<p>Điều 142 BLDS quy định:” 1.Giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với người được đại diện, trừ khi :</p> <p>a) người được đại diện đã công nhận giao dịch</p> <p>b) người được đại diện biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý;</p> <p>c) người được đại diện có lỗi trong việc người thứ ba không biết hoặc không thể biết người xác lập giao dịch dân sự với mình không có quyền đại diện.</p> <p>2. Trong trường hợp giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện, thì người không có quyền đại diện vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đối với người đã giao dịch với mình, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết người về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch.</p> <p>BLDS không có quy định tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 2.2.4 PICC .</p>	<p>Về cơ bản quy định tại khoản 1 Điều 142 tương thích với quy định của Điều 2.2.4 của PICC.</p> <p>BLDS chưa có quy định tương thích với quy định tại khoản 2 Điều 2.2.4 PICC .</p>	<p>Nên bổ sung quy định như khoản 2 của Điều 2.2.4 của PICC để củng cố nguyên tắc tin tưởng, trung thực , thiện chí trong khi gia kết hợp đồng,</p>

29	<p>Trách nhiệm của người đại diện hành động không có ủy quyền hoặc ngoài phạm vi được ủy quyền Điều 2.2.6 PICC quy định: “ 1. Người đại diện hành động không có ủy quyền hoặc ngoài phạm vi được ủy quyền, khi không có sự chấp thuận của người được đại diện phải bồi thường cho bên thứ ba những thiệt hại mà bên thứ ba được hưởng trong trường hợp người đại diện hành động theo ủy quyền hay không hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền.</p> <p>2. Tuy nhiên, người đại diện sẽ không phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu bên thứ ba biết hoặc phải biết rằng người đại diện hành động mà không được ủy quyền hoặc vượt quá phạm vi được ủy quyền.</p>	<p>Khoản 3 Điều 142 BLDS quy định:” Người giao dịch với người không có quyền đại diện có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện, hủy bỏ giao dịch dân sự đã xác lập và yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp người đó biết hoặc phải biết về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch hoặc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</p> <p>Khoản 3 Điều 142 BLDS: Trường hợp người đại diện và người giao dịch với người đại diện cố ý xác lập thực hiện giao dịch dân sự vượt quá phạm vi đại diện mà gây thiệt hại cho người được đại diện thì phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại.</p>	<p>Về cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 142 BLDS đã tương thích một phần với quy định tại Điều 2.2.6 của PICC ở điểm người hành động không có ủy quyền hoặc vượt quá phạm vi ủy quyền phải bồi thường thiệt hại cho người thứ ba, trừ trường hợp người thứ ba biết hoặc phải biết về việc không có quyền đại diện.</p> <p>Tuy nhiên, BLDS quy định khi không có sự chấp thuận của người được đại diện, giao dịch có giá trị ràng buộc người đại diện với người thứ ba và người thứ ba có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Theo quy định này, thì điều kiện để yêu cầu bồi thường hại là phải hủy bỏ giao dịch có hiệu lực giữ người đại diện và người thứ ba.</p> <p>Ngoài ra, Khoản 1 điều 2.2.6 PICC còn quy định mức bồi thường thiệt hại cho người thứ ba bằng những khoản lợi đáng lý ra người thứ ba được hưởng trong trường hợp người đại diện hành động theo ủy quyền hoặc không vượt quá phạm vi ủy quyền.</p>	<p>Có thể, nên bổ sung một khoản vào Điều 142 BLDS về mức bồi thường thiệt hại cho người thứ ba như quy định tại đoạn cuối của khoản 1 Điều 2.2.6 PICC.</p>
30	<p>Xung đột lợi ích, Điều 2.2.7 quy định: “Nếu việc người đại diện ký kết hợp đồng dẫn đến xung đột lợi ích giữa người đại diện và người được đại diện, mà bên thứ ba đã biết hoặc đáng lẽ phải biết, người được đại diện có thể hủy hợp đồng, theo quy định tại điều 3.12 và các điều từ 3.14 đến 3.17.</p> <p>2. Tuy nhiên, người được đại diện sẽ không thể hủy hợp đồng nếu:</p> <p>a) người được đại diện đã đồng ý để người đại diện hành động khi có xung đột lợi ích, hoặc nếu người được đại diện đã biết hay lẽ ra phải biết điều đó; hoặc</p> <p>b) người đại diện đã nói với người được đại diện về việc xung đột lợi ích và người được đại diện đã không có ý kiến phản đối trong một thời hạn hợp lý.</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Cần bổ sung quy định này vào BLDS để xử lý trường hợp có xung đột lợi ích giữa người đại diện và người được đại diện. Ngoài ra quy định này còn góp phần củng cố thêm nguyên tắc thiện chí, trung thực và tăng cường trách nhiệm của các bên khi thực hiện các giao dịch dân sự</p>

31	<p>Ủy quyền lại, Điều 2.2.8 PICC quy định: “Người đại diện có thẩm quyền ngầm định trong việc chỉ định một người đại diện thay thế để hoàn thành những công việc mà không có lý do nào để cho rằng phải chính bản thân họ thực hiện. Các nguyên tắc trong Mục này áp dụng đối với hành động đại diện thay thế.”</p>	<p>Điều 564 BLDS quy định: “ Bên được ủy quyền (người đại diện) được ủy quyền lại cho người khác trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có sự đồng ý của bên ủy quyền (người được đại diện);</p> <p>b) Do sự kiện bất khả kháng, nếu không ủy quyền lại thì mục đích xác lập, thực hiện giao dịch của người ủy quyền (người được đại diện) không thể thực hiện được....”</p>	<p>BLDS đã tương thích một phần với quy định tại Điều 2.2.8 của PICC ở điểm là cho phép ủy quyền lại.</p> <p>Tuy nhiên quy định của PICC linh hoạt hơn quy định quyền ủy quyền lại là được mặc định, khi mà công việc ủy quyền không nhất thiết đòi hỏi đích thân người được ủy quyền thực hiện. Trong khi đó BLDS quy định chỉ được ủy quyền lại trong 2 trường hợp: nếu được bên ủy quyền đồng ý và trong trường hợp bất khả kháng.</p>	<p>Cách quy định về việc ủy quyền lại của PICC linh hoạt hơn và phù hợp với thực tiễn kinh doanh hơn so với quy định của BLDS. Có thể sửa theo cách quy định của PICC.</p>
32	<p>Xác nhận, Điều 2.2.9 PICC quy định:</p> <p>” 1.Người được đại diện có thể chấp thuận hành vi do một người hành động với tư cách là người đại diện mà không có ủy quyền hoặc ngoài phạm vi được ủy quyền thực hiện. Khi được chấp thuận, hành vi này sẽ có hiệu lực như khi nó đã được thực hiện theo ủy quyền.</p> <p>2.Bằng việc thông báo, bên thứ ba có thể cho người được đại diện một thời hạn hợp lý để chấp thuận. Nếu trong thời hạn này mà người được đại diện không chấp thuận hành vi của người đại diện, bên được đại diện sẽ không còn có thể xác nhận nữa.</p> <p>3.Vào thời điểm hành vi được người đại diện thực hiện, bên thứ ba không biết hoặc không thể biết việc không có thẩm quyền, bất kỳ lúc nào trước khi bên được đại diện chấp thuận hành vi đó, bên thứ ba có thể thông báo cho người được đại diện sự từ chối bị ràng buộc vào việc chấp thuận.</p>	<p>Điều 142 BLDS quy định: “1.Giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với người được đại diện, trừ khi :</p> <p>a) người được đại diện đã công nhận giao dịch</p> <p>b) người được đại diện biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý;</p> <p>c) người được đại diện có lỗi trong việc người thứ ba không biết hoặc không thể biết người xác lập giao dịch dân sự với mình không có quyền đại diện.</p> <p>2.Trong trường hợp giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện, thì người không có quyền đại diện vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đối với người đã giao dịch với mình, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết người về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch.</p>	<p>Khoản 1 Điều 142 BLDS và khoản 1 Điều 2.2.9 PICC tương thích với nhau ở điểm giao dịch do người không có thẩm quyền vượt quá thẩm quyền không có giá trị với người được đại diện, trừ khi người được đại diện chấp nhận. Khi được chấp nhận giao dịch có hiệu lực như nó được thực hiện theo ủy quyền.</p> <p>BLDS quy định rộng hơn quy định của PICC ở điểm b khoản 1, tức là giao dịch cũng có hiệu lực ràng buộc đối với người được đại diện, nếu người này không phản đối trong một thời gian hợp lý.</p> <p>Khoản 2 Điều 2.2.9 của PICC quy định người thứ ba có thể cho người được đại diện một thời gian hợp lý để chấp nhận. Hết thời hạn thì không được xác nhận. Quy định này gần tương thích với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 BLDS.</p> <p>BLDS chưa có quy định tương thích với khoản 3 Điều 2.2.9 PICC, theo đó bên thứ ba có quyền thông báo về sự từ chối ràng buộc vào việc chấp thuận của người được đại diện trước khi thông báo chấp thuận đến bên thứ ba, nếu không biết hoặc không thể biết về việc không có thẩm quyền.</p>	<p>BLDS nên bổ sung nghĩa vụ thông báo của người thứ ba và về thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận của người được đại diện như quy định của PICC.</p>
33	<p>Chấm dứt thẩm quyền, Điều 2.2.10 PICC quy định:” 1. Việc chấm dứt thẩm quyền chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba nếu bên này biết hoặc đáng lẽ phải biết về điều đó.</p>	<p>Khoản 3 Điều 140 BLDS quy định: Đại diện theo ủy quyền chấm dứt trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) theo thỏa thuận,</p> <p>b) thời hạn ủy quyền hết;</p>	<p>Quy định của BLDS và của PICC về chấm dứt thẩm quyền đại diện chưa tương thích với nhau.</p> <p>Trong khi BLDS liệt kê những trường hợp chấm dứt quyền đại diện, thì PICC</p>	<p>Vì quan hệ đại diện là quan hệ riêng giữa người được đại diện và người đại diện, nên người thứ ba không dễ dàng biết được thông tin về việc chấm dứt đại</p>

	<p>2. Mặc dù chấm dứt ủy quyền, người đại diện vẫn có quyền thực hiện các hành vi cần thiết nhằm tránh mọi thiệt hại tới lợi ích của người được đại diện.</p>	<p>c) công việc được ủy quyền đã hoàn thành;</p> <p>d) Người được đại diện hoặc người đại diện đơn phương chấm dứt việc thực hiện ủy quyền.</p> <p>đ) người đại diện, người được đại diện là cá nhân chết ; người đại diện, người được đại diện là pháp nhân không tồn tại.</p> <p>e) Người đại diện không còn đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật này.</p> <p>Căn cứ khác làm cho việc đại diện không thể thực hiện được.</p> <p>BLDS chưa có quy định về điều kiện có hiệu lực của việc chấm dứt quyền đại diện đối với người thứ ba.</p>	<p>quy định khi nào việc chấm dứt có hiệu lực đối với người thứ ba.</p>	<p>diện. Do vậy việc người thứ ba biết hoặc phải biết về việc chấm dứt quyền đại diện đặc biệt có ý nghĩa đối với hiệu lực của việc chấm dứt. Do vậy, BLDS nên quy định theo cách của PICC , tức là chỉ cần xác định khi nào việc chấm dứt quyền đại diện có hiệu lực đối với người thứ ba.</p>
--	---	--	---	---

Phần 3 Các quy định về hiệu lực hợp đồng

STT	<p>Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế(Công ước Viên)</p>	<p>Nội dung quy định của văn bản được rà soát</p> <p>Bộ luật Dân sự (BLDS)</p> <p>Luật Thương mại (LTM)</p> <p>Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)</p>	Phân tích mức độ tương thích	Kiến nghị xử lý
1	<p>Điều 3.1 của PICC quy định” Quy định về các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng không đề cập đến các trường hợp hợp đồng vô hiệu vì lý do không có năng lực hành vi dân sự, không có thẩm quyền đại diện và vi phạm thuần phong mỹ tục và do vi phạm pháp luật</p>	<p>BLDS đã quy định những trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu, vì các lý do được loại trừ theo PICC, cụ thể Điều 117 BLDS quy định: Giao dịch dân sự có hiệu lực khi đủ các điều kiện sau: Chủ thể có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập; chủ thể tham gia các giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái với đạo đức xã hội; hình thức giao dịch phù hợp với hình thức là điều kiện có hiệu lực của giao dịch. Cụ thể BLDS quy định về giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm và trái với đạo đức xã hội (Điều 123), do giả tạo (124), do không có hoặc mất năng lực hành vi dân sự (DD125,128), do bị nhầm lẫn (Điều</p>	<p>Quy định mà PICC bỏ ngỏ đã được điều chỉnh trong BLDS Việt Nam.</p>	

		126) : do bị lừa dối đe dọa, cưỡng bức (Đ127) và vô hiệu do không tuân thủ yêu cầu về hình thức (Điều 129). Giao dịch dân sự do người không có thẩm quyền đại diện được quy định tại Điều 149 của BLDS		
2	Có hiệu lực chỉ bằng sự thỏa thuận, Điều 3.2 PICC quy định: “Một hợp đồng được ký kết, sửa đổi, hủy bỏ chỉ bằng sự thỏa thuận mà không đòi hỏi yêu cầu nào khác”	BLDS không có quy định tương ứng.		
3	Không thể thực hiện được ngay từ đầu, Điều 3.3 của PICC quy định:”1. Chỉ riêng tình tiết rằng khi ký kết hợp đồng, nghĩa vụ cam kết đã không thể thực hiện được, không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng. 2. Chỉ riêng tình tiết rằng khi ký kết hợp đồng, một bên chưa có thẩm quyền định đoạt giá trị tài sản liên quan đến hợp đồng không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng.”	Điều 408 BLDS quy định :”1 Trường hợp ngay từ khi giao kết hợp đồng, hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được, thì hợp đồng vô hiệu”	Quy định của PICC và quy định của BLDS chưa tương thích . BLDS theo truyền thống luật thành văn, quy định về nội dung này xuất phát từ nguyên tắc bảo đảm an toàn cho giao dịch dân sự. PICC quy định này theo hướng linh hoạt , coi hợp đồng vẫn có giá trị và trong trường hợp sau khi ký kết, nếu hợp đồng có khả năng thực hiện thì sẽ được thực hiện hoặc không thể thực hiện được thì có thể xử lý tình huống bằng quy định không thực hiện hợp đồng. Khoản 2 Điều 3.3 của PICC xử lý hợp đồng có liên quan đến tài sản tương lai tương tự như trường hợp nghĩa vụ không thể thực hiện ngay từ ban đầu. Cách quy định của PICC đáp ứng được thực tế kinh doanh và thúc đẩy nhanh các giao lưu thương mại.	Có thể học quy định này của PICC, nhưng chỉ áp dụng riêng cho hợp đồng thương mại.
4	Định nghĩa nhầm lẫn, Điều 3.4 PICC quy định” Nhầm lẫn là việc nhìn nhận sai về sự việc hoặc pháp luật tồn tại vào thời điểm các bên giao kết”	Điều 126BLDS quy định về hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn, nhưng chưa có quy định định nghĩa nhầm lẫn. Trên thực tiễn hợp đồng tại Việt Nam, nhầm lẫn chỉ được hiểu là nhầm lẫn về sự việc,	BLDS và các văn bản pháp luật có liên quan chưa tương thích với PICC về nội dung này	Nên bổ quy định định nghĩa về nhầm lẫn trong đó bao gồm cả sự nhầm lẫn về pháp luật
5	Nhầm lẫn nghiêm trọng, Điều 3.5 PICC quy định: “1. Một bên chỉ có thể hủy bỏ hợp đồng do nhầm lẫn, nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng sự nhầm lẫn đặc biệt có tầm quan trọng đến mức một người bình thường nhận thức đúng về sự việc thì trong hoàn cảnh của người nhầm lẫn họ chỉ ký kết hợp đồng với những điều kiện khác về căn bản hoặc không ký kết hợp đồng đó và phía bên kia: a) Cũng mắc nhầm lẫn như vậy hoặc gây ra sự nhầm lẫn hoặc đã biết hoặc phải biết về sự nhầm lẫn đó và theo chuẩn mực kinh doanh thích hợp trái với những hành vi kinh doanh trung thực đã đề mặc cho phía bên kia nhầm lẫn.	Điều 126 quy định: Trong trường hợp giao dịch dân sự được xác lập do nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc xác lập giao dịch dân sự, thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Giao dịch dân sự được xác lập không vô hiệu, trong trường hợp mục đích xác lập giao dịch dân sự của các bên đã đạt được hoặc các bên có thể khắc phục được sự nhầm lẫn làm cho mục đích việc xác lập giao dịch vẫn có thể đạt được.	Về cơ bản, BLDS và PICC đã tương thích ở giác độ cùng quy định khả năng hủy bỏ HĐ (Tuyên bố giao dịch vô hiệu) và điều kiện để hủy HĐ là “nhầm lẫn nghiêm trọng” và “mục đích giao dịch không thể đạt được”. Tuy nhiên, Quy định của PICC về trường hợp không thể hủy bỏ HĐ mặc dù có nhầm lẫn chặt chẽ hơn, khái quát hơn so với quy định của BLDS Việt Nam. Quy định của PICC xuất phát từ nguyên tắc trung thực, thiện chí và tin tưởng lẫn nhau trong kinh doanh và yêu cầu các bên ký kết hợp đồng thương mại hành động	Có thể bổ sung quy định về hủy bỏ hợp đồng do nhầm lẫn theo cách quy định của PICC để đáp ứng yêu cầu ổn định hoạt động kinh doanh, đồng thời bảo vệ nguyên tắc thiện chí, trung thực và tin tưởng trong giao lưu kinh tế.

	<p>b) Vào thời điểm yêu cầu hủy bỏ hợp đồng, phía bên kia chưa hành động trong sự tin tưởng vào hợp đồng.</p> <p>2. Một bên không thể hủy bỏ hợp đồng, nếu:</p> <p>a) khi phát sinh nhầm lẫn đã hành động vô ý nghiêm trọng .</p> <p>b) Nhầm lẫn phát sinh trong hoàn cảnh liên quan đến rủi ro mà bên nhầm lẫn chấp nhận rủi ro đó hoặc phải gánh chịu rủi ro đó trong hoàn cảnh cụ thể.</p>		<p>thận trọng khi giao kết hợp đồng..</p>	
6	<p>Nhầm lẫn khi tuyên bố hoặc truyền tin, Điều 3.6 PICC quy định: “Một sự nhầm lẫn phát sinh khi thông báo hoặc truyền tải một thông báo được coi là sự nhầm lẫn của người đã đưa ra thông báo”</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng. Quy định này của PICC xuất phát từ thực tiễn kinh doanh, đặc biệt trong thời đại công nghệ thông tin đa dạng hiện nay, khả năng những sai sót phát sinh do máy móc hoặc do lỗi đánh máy trong thư điện tử hoặc lỗi của người truyền tin v.v và những sai sót đó cần được xem là sự nhầm lẫn của người đưa ra thông báo. Nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3.5 thì HĐ có thể bị hủy bỏ.</p>	<p>Có thể học cách quy định này để xử lý các trường hợp sai sót, nhầm lẫn trong tuyên bố và truyền tin trong thực tế kinh doanh</p>
7	<p>Biện pháp xử lý nhầm lẫn bằng chế tài không thực hiện hợp đồng, Điều 3.7 PICC quy định: “ Một bên không có quyền hủy bỏ hợp đồng do nhầm lẫn, nếu từ hoàn cảnh do bên này đưa ra cho thấy có thể bảo đảm xử lý được hoặc đáng lẽ sẽ bảo đảm xử lý được bằng chế tài do không thực hiện hợp đồng.</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng,</p>	<p>Có thể bổ sung BLDS như quy định này của PICC</p>
8	<p>Lừa dối, Điều 3.8 PICC quy định:”Một bên có thể hủy hợp đồng, nếu bị phía bên kia ấn định ký kết hợp đồng thông qua lừa dối bằng cách đưa ra hoàn cảnh sai, trong đó bao gồm cả việc sử dụng ngôn từ có tính chất lừa đảo hoặc bằng cách thức hành động khác hoặc thông qua việc giữ kín hoàn cảnh mà theo chuẩn mực thích hợp đối với hành vi kinh doanh trung thực, bên kia cần phải được thông báo.</p>	<p>Điều 127 BLDS quy định: “Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối, hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch là vô hiệu.</p> <p>Lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi của một bên hoặc người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch nên đã xác lập giao dịch đó.</p>	<p>Quy định về xử lý hợp đồng được ký kết do bị lừa dối của BLDS và của PICC là tương thích, tức là cùng cho phép bên bị lừa dối hủy bỏ (hoặc tuyên bố là vô hiệu). Tuy nhiên, PICC định nghĩa “lừa dối có tính chất bao quát hơn, trong đó bao gồm cả hành vi không tiết lộ các hoàn cảnh mà theo chuẩn mực kinh doanh thông thường phải bên kia cần được thông báo.</p>	<p>Nên sửa định nghĩa lừa dối trong BLDS theo hướng bao quát hơn bao gồm cả hành vi che đậy những sự việc hoặc hoàn cảnh mà đáng ra người kinh doanh trung thực, thiện chí, phải tiết lộ.</p>
9	<p>Đe dọa, Điều 3.9 PICC quy định:”Một bên có thể hủy hợp đồng, nếu bị phía bên kia ấn định ký kết hợp đồng thông qua hành vi đe dọa trái pháp luật mà sự đe dọa đó trong hoàn cảnh cụ thể trực tiếp đe dọa nghiêm trọng đến mức bên bị đe dọa không có khả năng xử lý hợp lý nào hơn là việc ký kết hợp</p>	<p>Đoạn 3 Điều 127 BLDS quy định :” Đe dọa cưỡng ép trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba làm cho bên kia buộc phải thực hiện giao dịch dân sự nhằm tránh thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của</p>	<p>Quy định về xử lý hợp đồng được ký kết do bị đe dọa của BLDS và của PICC là tương thích, tức là cùng cho phép bên bị lừa dối hủy bỏ (hoặc tuyên bố là vô hiệu). Tuy nhiên, định nghĩa về sự đe dọa của PICC và BLDS có điểm</p>	<p>Nên vận dụng cách quy định của PICC về định nghĩa hành vi đe dọa theo hướng xuất phát từ hành vi trái pháp luật (bản thân hành vi hoặc mục đích sử dụng hành vi). Và hành vi bao gồm</p>

	<p>đồng. Một sự đe dọa được là trái pháp luật, khi đối với bên bị đe dọa, hành vi hoặc bất hành vi đe dọa đó là trái pháp luật hoặc được sử dụng trái pháp luật để đạt được mục tiêu ký kết hợp đồng.</p>	<p>người thân thích của mình.</p>	<p>khác nhau cơ bản : PICC dựa theo tính trái pháp luật của hành vi hoặc của mục đích sử dụng hành vi. BLDS dựa theo khả năng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, uy tín, danh dự, nhân phẩm</p>	<p>cả hành vi và bất hành vi. Cách này sẽ giúp bên bị đe dọa dễ chứng minh hơn là cách định nghĩa xuất phát từ thiệt hại có thể xảy ra.</p>
10	<p>Bất bình đẳng một cách quá đáng, Điều 3.10 PICC quy định, “1. Một bên có thể hủy bỏ hợp đồng, hoặc một điều khoản của hợp đồng, nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng hợp đồng hoặc điều khoản hợp đồng tạo cho phía bên kia hưởng lợi bất chính quá đáng. Để xác định xem một bên có được hưởng lợi bất chính quá đáng hay không cần lưu ý:</p> <p>a) Tình tiết rằng một bên đã lợi dụng sự phụ thuộc, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhu cầu cấp thiết, thiếu sót trong việc tính toán dự liệu, thiếu hiểu biết, thiếu kinh nghiệm hoặc thiếu kỹ năng đàm phán để thu lợi hoặc</p> <p>b) Bản chất và mục đích của hợp đồng.</p> <p>2. Theo yêu cầu của bên có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng, Tòa án có thể điều chỉnh hợp đồng hoặc điều khoản hợp đồng để phù hợp với các chuẩn mực tương ứng của. hoạt động kinh doanh trung thực.</p> <p>3. Tòa án có thể điều chỉnh hợp đồng hoặc điều khoản hợp đồng trên cơ sở yêu cầu của bên nhận yêu cầu hủy bỏ hợp đồng, nếu bên này thông báo ngay cho phía bên kia biết yêu cầu của mình về điều chỉnh hợp đồng ngay sau khi nhận được yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và trước khi bên kia hành động theo sự tin tưởng về việc hủy bỏ hợp đồng.</p>	<p>BLDS và LTM không có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS và LTM không có quy định tương ứng với quy định của PICC. Mặc dù nguyên tắc tự do hợp đồng là nguyên tắc tối thượng. Tuy nhiên PICC vẫn có quy định nhằm bảo vệ bên yếu thế bị thiệt thòi vô lý , quá đáng bằng quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng. Bên cạnh đó, PICC cũng đề cập đến khả năng thích ứng hợp đồng thông qua tòa án hoặc theo yêu cầu của một.</p>	<p>Để có hoạt động kinh doanh lành mạnh, cần có sự can thiệp nhất định của pháp luật, nhằm bảo vệ các đối tác hợp đồng yếu thế, thiếu kinh nghiệm trên thương trường. Do vậy, nên bổ sung quy định như quy định của PICC.</p>
11	<p>Bên thứ ba : Điều 3.11 PICC quy định : “1. Nếu sự đe dọa, lừa dối, bị bắt lợi quá đáng của một bên do người thứ ba gây ra mà bên tham gia kia phải chịu trách nhiệm cho hành vi của người thứ ba đó hoặc người thứ ba biết hoặc phải biết về hoàn cảnh đó, thì hợp đồng có thể hủy bỏ theo các điều kiện như hành vi hoặc hiểu biết là của bên tham gia hợp đồng kia.</p> <p>2. Nếu sự đe dọa, lừa dối, bị bắt lợi quá đáng của một bên do người thứ ba gây ra mà bên tham gia</p>	<p>Đoạn 3 Điều 127 BLDS quy định :” Đe dọa cưỡng ép trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba làm cho bên kia buộc phải thực hiện giao dịch dân sự..”.</p>	<p>BLDS quy định có thể hủy bỏ hợp đồng, nếu hợp đồng được ký kết do bị bên thứ ba đe dọa (tương thích một phần), không phân biệt bên tham gia hợp đồng có phải chịu trách nhiệm cho hành vi của người thứ ba hay không. Ngoài ra, BLDS chỉ quy định quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp đe dọa của người thứ ba, không áp dụng đối với hành vi gây nhầm lẫn của người thứ ba.</p>	<p>Để phù hợp với thực tiễn kinh doanh. Pháp luật VN nên bổ sung khả năng hủy bỏ hợp đồng do nhầm lẫn, do tạo lợi bất chính quá đáng do người thứ ba gây ra.</p>

	<p>kia không phải chịu trách nhiệm cho hành vi của người thứ ba đó, thì hợp đồng vẫn có thể bị hủy bỏ, nếu bên tham gia kia biết hoặc phải biết về sự đe dọa, lừa dối, bị bắt lợi quá đáng đó hoặc nếu bên tham gia kia chưa hành động trên cơ sở tin vào sự tồn tại của hợp đồng.</p>			
12	<p>Xác nhận hợp đồng. Điều 3.12 PICC quy định: "Nếu sau khi bắt đầu thời hạn yêu cầu hủy bỏ mà bên có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng xác nhận hợp đồng rõ ràng hoặc bằng hành vi thực tế, thì việc hủy bỏ hợp đồng được loại trừ"</p>	<p>BLDS và Luật thương mại không có quy định tương ứng.</p>	<p>BLDS và LTM không có quy định tương ứng. Quy định này của PICC nhằm ổn định các giao dịch thương mại, nếu có quyền hủy hợp đồng vẫn mong muốn duy trì quan hệ hợp đồng mặc dù nó được ký kết do đe dọa, bị nhầm lẫn hoặc bị bắt lợi. Quyền yêu cầu hủy hợp đồng trong trường hợp này bị loại trừ, nếu bên có quyền khẳng định rõ ràng hoặc bằng hành vi cụ thể sau khi thời hạn hủy bỏ bắt đầu.</p>	<p>Quy định của PICC bắt nguồn từ ý chí của bên có quyền và nhằm mục đích ổn định thị trường, nên có thể học tập.</p>
13	<p>Mất quyền yêu cầu Điều 3.13 PICC quy định: "1. Nếu một bên có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng do nhầm lẫn và phía bên kia tuyên bố sẵn sàng thực hiện hợp đồng như nó được phía bên có quyền yêu cầu hiểu hoặc đã thực hiện như vậy, thì coi như hợp đồng đã được ký kết với nội dung mà bên có quyền yêu cầu hiểu. Phía bên kia phải thông báo ngay về việc sẵn sàng thực hiện hợp đồng hoặc thực hiện ngay hợp đồng theo nội dung mà bên có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng hiểu trước khi bên có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng hành động theo sự tin tưởng vào tuyên bố hủy bỏ hợp đồng.</p> <p>2. Sau khi có tuyên bố hoặc thực hiện hợp đồng như nói trên, quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chấm dứt và tuyên bố hủy bỏ hợp đồng trước đó không có hiệu lực.</p>	<p>BLDS và Luật thương mại không có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS và LTM không có quy định tương ứng. Quy định này của PICC nhằm ổn định các giao dịch thương mại, nếu, nếu bên không bị nhầm lẫn đồng ý với nội dung mà bên bị nhầm lẫn sau khi xem xét đã hiểu lại.</p>	<p>Quy định này của PICC cũng nhằm ổn định giao dịch dựa trên tinh thần thiện chí và hợp tác của các bên. Có thể tiếp thu, học hỏi.</p>
14	<p>Thông báo yêu cầu hủy bỏ hợp đồng, Điều 3.14 của PICC quy định : " Quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng được thực hiện bằng một tuyên bố gửi phía bên kia"</p>	<p>Các điều 126, 127 và 128 quy định bên có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu.</p>	<p>Quy định của BLDS chưa tương thích với quy định của PICC. PICC đi theo nguyên tắc tự do hợp đồng và tự quyết của các bên. Trước hết quyền hủy bỏ hợp đồng phải được các bên thực hiện với nhau. Trường hợp có tranh chấp mới đưa ra tòa án. Cách quy định của BLDS làm tăng gánh nặng không cần thiết cho Tòa án.</p>	<p>Cách quy định của PICC hợp lý hơn và phù hợp với nguyên tắc tự do hợp đồng, nên cần được học tập.</p>
15	<p>Thời hạn hủy bỏ hợp đồng, Điều 3.15 của PICC quy định : " Tùy từng trường hợp cụ thể, tuyên bố hủy bỏ hợp đồng phải được thực hiện trong một thời hạn hợp lý sau khi bên hủy hợp đồng biết hoặc</p>	<p>BLDS quy định tại chương X, phần thứ nhất về thời hiệu và thời hạn, Điều 132 BLDS quy định: "1. Thời hiệu yêu</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định về thời hạn hủy bỏ hợp đồng. Tuy nhiên cách quy định của hai bên khác nhau. BLDS quy định 2 năm. PICC quy định "một thời gian hợp</p>	<p>Nên quy định theo cách, hủy bỏ giao dịch, vì về cơ bản, mặc dù có những sai sót khi giao kết nhưng HĐ vẫn có hiệu lực.</p>

	<p>không thể không biết về tình tiết làm căn cứ hủy bỏ hợp đồng hoặc sau khi bên đó có thể hành động tự do.</p> <p>2. Trường hợp một bên có thể hủy bỏ điều khoản cụ thể của hợp đồng thì thời hiệu hủy bỏ bắt đầu khi phá bên kia viện dẫn ra điều khoản đó.”</p>	<p>cầu tòa án tuyên bố giao dịch dân sự quy định tại các điều 125 đến 129 của BLDS là 2 năm kể từ ngày:</p> <p>...</p> <p>b)Người bị nhầm lẫn, người bị lừa dối biết hoặc phải biết về giao dịch được xác lập do bị nhầm lẫn, lừa dối;</p> <p>c)người có hành vi đe dọa, cưỡng ép chấm dứt hành vi đe dọa, cưỡng ép</p>	<p>Cách thức tính ngày bắt đầu thời hạn của hai văn bản về cơ bản là tương thích.</p>	<p>Hiệu lực chỉ mất đi nếu HĐ bị hủy. Và các bên có thể thực hiện trực tiếp quyền này đối với nhau, chứ không nhất thiết phải qua tòa án.</p>
16	<p>Hủy bỏ một phần, Điều 3.16 của PICC quy định :”Nếu căn cứ hủy bỏ hợp đồng chỉ liên quan đến những điều khoản cụ thể của hợp đồng, thì việc hủy bỏ có hiệu lực đối với những điều khoản có liên quan đó, trừ khi trong hoàn cảnh cụ thể cho thấy việc giữ lại những phần còn lại của hợp đồng là không hợp lý.</p>	<p>Điều 130 BLDS quy định” Giao dịch dân sự vô hiệu từng phần, khi một phần của nội dung giao dịch dân sự vô hiệu nhưng không ảnh hưởng đến phần còn lại của giao dịch.</p>	<p>Về cơ, bản quy định của BLDS đã tương thích với quy định của PICC. Tuy nhiên, quy định của PICC có tính linh hoạt hơn trong trường hợp mặc dù các điều khoản bị tuyên bố vô hiệu không ảnh đến những điều khoản còn lại của HĐ, nhưng sự tiếp tục giữ lại của các điều khoản còn lại không hợp lý. Đối với trường hợp này có thể hủy toàn bộ hợp đồng.</p>	
17	<p>Hiệu lực hồi tố của việc hủy bỏ, Điều 3.17 của PICC quy định :”1. việc hủy bỏ hợp đồng có hiệu lực hồi tố.</p> <p>2. Trên cơ sở hủy bỏ HĐ mỗi bên có quyền yêu cầu phía bên kia hoàn trả mình những gì mình đã cung cấp theo hợp đồng hoặc theo phần hợp đồng đã bị hủy bỏ. Trường hợp không thể thực hiện đồng thời việc hoàn trả những gì đã thực hiện theo hợp đồng hoặc phần hợp đồng bị hủy bỏ hoặc không thể thực hiện được việc hoàn trả do bản chất của sự việc, thì các bên hoàn trả phần nhận được bằng giá trị tương đương”.</p>	<p>Điều 131 BLDS quy định” Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm được xác lập.</p> <p>2. Khi giao dịch bị vô hiệu thì ác bên khôi phục lại hiện trạng ban đầu hoặc hoàn trả nhau những gì đã nhận. Trường hợp không hoàn trả lại được bằng hiện vật, thì trị giá thành tiền để hoàn trả</p> <p>3 Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi và lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi và lợi tức.</p> <p>4. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường;</p> <p>5..”</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định hợp đồng bị hủy bỏ hoặc bị tuyên bố vô hiệu có hiệu lực hồi tố (tương thích).</p> <p>Ngoài việc quy định nghĩa vụ hoàn trả những gì đã nhận được như quy định của BLDS, PICC không quy định về hoàn trả hoa lợi.</p>	
18	<p>Bồi thường thiệt hại, Điều 3.18 của PICC quy định :”Không phụ thuộc vào việc hợp đồng bị hủy bỏ theo cách thức nào, bên tham gia đã biết hoặc phải biết căn cứ hủy bỏ thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia nhằm đưa phía bên đó trở lại trạng thái như không có việc giao kết hợp đồng”</p>	<p>Khoản 4 Điều 131 BLDS quy định : “Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (tương thích)</p> <p>BLDS theo nguyên tắc lỗi, PICC theo nguyên tắc “ đã biết và đã phải biết căn cứ hủy bỏ HĐ (không tương thích).</p> <p>Ngoài ra PICC còn quy định về mức thiệt hại được bồi thường trong trường hợp này(bảo đảm cho phía bên kia trở lại trạng thái như không có giao kết hợp</p>	<p>Nên học cách quy định về điều kiện bồi thường thiệt hại “đã biết hoặc đã phải biết về căn cứ hủy bỏ hợp đồng”. Trách nhiệm của các bên khi ký kết hợp đồng sẽ nâng cao hơn. Cách quy định về mức bồi thường thiệt hại của PICC cũng hợp lý.</p>

			đồng)	
19	Quy định bắt buộc , Điều 3.19 của PICC quy định :”Các quy định của chương này là bắt buộc, trừ các quy định liên quan đến hiệu quả bắt buộc của thỏa thuận liên quan đến việc không có khả năng thực hiện từ ban đầu và nhầm lẫn	BLDS không có quy định tương ứng. Tuy nhiên trên thực tế các quy định về vô hiệu HĐ ở Việt Nam được vận dụng theo tính chất bắt buộc	Tương thích trên thực tế áp dụng	Có thể bổ sung như quy định của PICC
20	Tuyên bố đơn phương, Điều 3.19 của PICC quy định :” Quy định tại chương này của PICC được áp dụng tương tự cho các tuyên bố ý chí mà một bên gửi cho phía bên kia”	BLDS quy định về giao dịch dân sự bị vô hiệu tại chương VIII, phần thứ nhất . Những quy định của chương này được áp dụng thống nhất cho cả giao dịch đơn phương lẫn giao dịch song phương hoặc đa phương.	Đã tương thích	

Phần 4 Giải thích hợp đồng.

STT	Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế(Công ước Viên)	Nội dung quy định của văn bản được rà soát Bộ luật Dân sự (BLDS) Luật Thương mại (LTM) Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)	Phân tích mức độ tương thích	Kiến nghị xử lý
1	Ý chí của các bên , Điều 4.1 của PICC quy định:”1. Một hợp đồng phải được giải thích theo ý chí chung của các bên. 2. Nếu không xác định được ý chí chung như vậy, thì giải thích hợp đồng theo ý nghĩa mà một người bình thường cùng nhóm người như các bên trong cùng hoàn cảnh cũng sẽ đưa ra ý nghĩa đó.	Điều 404 BLDS quy định:” 1. Khi có điều khoản không rõ ràng, thì việc giải thích điều khoản đó không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà phải căn cứ vào ý chí của các bên trong toàn bộ quá trình trước và tại thời điểm xác lập 2. Khi hợp đồng có điều khoản ngôn từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với mục đích, tính chất của hợp đồng..... 5 Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa ý chí chung của các bên và ngôn từ sử dụng trong hợp đồng thì ý chí chung của các bên được dùng để giải thích hợp đồng”.	Quy định của BLDS đã tương thích với PICC ở điểm giải thích hợp đồng phải dựa vào ý chí chung của các bên. Tuy nhiên, PICC đưa ra quy định phụ để xử lý trường hợp không xác định được ý chí chung của các bên, thì giải thích theo ý nghĩa mà một người có hiểu biết thông thường, trong cùng hoàn cảnh sẽ đưa ra.	
2	Giải thích các tuyên bố và hành vi khác , Điều 4.2 của PICC quy định:” Các tuyên bố hoặc các hành vi khác của một bên được giải thích theo ý chí của bên đó, nếu bên kia biết được ý chí đó hoặc không thể không biết được ý chí của bên đó .	BLDS không có quy định tương ứng về giải thích tuyên bố ý chí đơn phương và hành vi khác.	Chưa tương thích	Nên bổ sung quy định này để giải thích các tuyên bố đơn phương, thí dụ như yêu cầu của một bên đối với bên kia, hoặc các hành vi có tính chất là mặc nhiên của một bên (ví

	2. Nếu không vận dụng được quy định tại khoản 1 thì, các tuyên bố đơn phương hoặc hành vi khác được giải thích theo ý nghĩa mà một người bình thường cùng nhóm người như phía bên kia trong cùng hoàn cảnh cũng sẽ đưa ra ý nghĩa đó.			dự không trả lời chấp nhận hợp đồng nhưng có hành vi tiến hành sản xuất mặt hàng do đối tác đặt". Quy định này sẽ hữu hiệu giúp cho các bên hoặc tòa án giải quyết tranh chấp về tuyên bố đơn phương hoặc hành vi khác.
3	Các hoàn cảnh quan trọng Điều 4.3 của PICC quy định:" Trong khi vận dụng các quy định tại Điều 4.1 và 4.2, phải lưu ý đến tất cả các hoàn cảnh, trong đó bao gồm ví dụ như a. những cuộc đàm phán của các bên trước đó; b. những thói quen đã hình thành giữa các bên; c. hành vi của các bên sau khi ký kết hợp đồng d. bản chất và mục đích của hợp đồng e. ý nghĩa phù hợp với điều kiện và sự thể hiện trong lĩnh vực kinh doanh có liên quan f) tập quán	BLDS không có quy định tương đồng như quy định tại Điều 4.3 của PICC. Tuy nhiên dự vào Điều 404 BLDS thì thấy rằng: - ý chí của các bên trong toàn bộ quá trình trước và tại thời điểm xác lập cũng được lưu ý đến - giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với mục đích và tính chất của hợp đồng. - giải thích theo tập quán nơi giao kết hợp đồng;	Tương thích một phần	Có thể bổ sung theo kiểu quy định của PICC.
4	Dựa vào toàn bộ hợp đồng hay toàn bộ tuyên bố, Điều 4.4 của PICC quy định:" Điều khoản hợp đồng hoặc những thể hiện trong hợp đồng được giải thích theo ánh sáng của toàn bộ hợp đồng hoặc tuyên bố có chứa điều khoản hoặc sự thể hiện đó.	Điều 404 BLDS quy định"4. Các điều khoản trong hợp đồng phải được giải thích trong mối liên hệ với nhau sao cho ý nghĩa của các điều khoản đó phù hợp với toàn bộ nội dung hợp đồng	Đã tương thích. Tuy nhiên quy định của BLDS chỉ áp dụng đối với việc giải thích hợp đồng.	
5	Có hiệu lực đối với tất cả các điều khoản, Điều 4.5 của PICC quy định:" các điều khoản hợp đồng cần được giải thích theo hướng có hiệu lực cho tất cả các điều khoản thay vì chỉ có hiệu lực đến một vài điều khoản.	BLDS không có quy định tương ứng.	Chưa tương thích.	
6	Giải thích điều khoản hợp đồng do một bên đưa ra theo hướng bất lợi cho bên đó, Điều 4.6 PICC quy định:" Trong trường hợp không rõ ràng, các điều khoản hợp đồng được giải thích theo hướng không tạo lợi thế cho bên đề xuất"	BLDS không có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Nên bổ sung quy định này để giải thích hợp đồng trong trường hợp hợp đồng ký theo mẫu và trong trường hợp các bên có sử dụng điều kiện giao dịch chung.
7	Không thống nhất trong các bản theo các ngôn ngữ khác nhau: Điều 4.7 PICC quy định:" Khi có sự khác biệt giữa hai hay nhiều phiên bản ngôn ngữ mang cùng giá trị, cần ưu tiên cách giải thích dựa trên phiên bản gốc.	BLDS không có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Trong đời sống kinh tế thương mại hiện nay, các hợp đồng thường được ký kết bằng hai hoặc nhiều ngôn ngữ khác nhau. Việc khác biệt giữa các ngôn ngữ là điều thường

				gặp. do vậy, nên bổ sung quy định này.
4.8	<p>Lắp lỗ hồng hợp đồng, Điều 4.8 PICC quy định:</p> <p>” 1.Nếu các bên không thoả thuận về điều khoản cần cho việc xác định quyền và nghĩa vụ, một điều khoản phù hợp sẽ được bổ sung.</p> <p>2.Khi xác định cấu thành của điều khoản phù hợp, cần ưu tiên xem xét các yếu tố:</p> <p>a)Mong muốn của các bên;</p> <p>b)Bản chất và mục đích của hợp đồng;</p> <p>c)Sự thiện chí và trung thực;</p> <p>d)Tính hợp lý”</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Có thể bổ sung quy định này của PICC vào PLViệt Nam, giúp các bên tự điều chỉnh xử lý những nội dung mà các bên không thỏa thuận được hoặc quên không thỏa thuận.

Phần 5 Nội dung hợp đồng.

STT	Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát	Nội dung quy định của văn bản được rà soát	Phân tích mức độ tương thích	Kiến nghị xử lý
	Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế(Công ước Viên)	<p>Bộ luật Dân sự (BLDS)</p> <p>Luật Thương mại (LTM)</p> <p>Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)</p>		
1	Nghĩa vụ hợp đồng , Điều 5.1.1 của PICC quy định”nghĩa vụ hợp đồng có thể là nghĩa vụ được thỏa thuận rõ hoặc được hiểu ngầm”.	Điều 398 BLDS quy định về nội dung hợp đồng, nhưng theo hướng những vấn đề các bên cần thỏa thuận như : Đối tượng, số lượng, chất lượng, giá cả, thời hạn, quyền về nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm của các bên khi có vi phạm HĐ, phương thức giải quyết tranh chấp...	<p>Quy định về nghĩa vụ hợp đồng của BLDS tương thích một phần với quy định về nghĩa vụ hợp đồng của PICC, tức là chỉ bao gồm nghĩa vụ do các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng.</p> <p>Tuy nhiên, trên cơ sở thiện trí, trung thực, các bên trên thực tế vẫn thực hiện các nghĩa vụ mà các nghĩa vụ đó được hiểu ngầm, không được thỏa thuận cụ thể.</p>	Nên có định nghĩa nghĩa vụ HD tương tự như quy định của PICC
2	Nghĩa vụ hợp đồng được hiểu ngầm , Điều 5.1.2	BLDS không có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Cần bổ sung quy định giống PICC

	<p>của PICC quy định” Những nghĩa vụ được hiểu ngầm có thể rút ra từ:</p> <p>a. Bản chất và mục đích của Hợp đồng;</p> <p>b. Những thói quen đã được xác lập giữa các bên và tập quán kinh doanh;</p> <p>c.Sự trung thực, niềm tin và giao lưu thương mại trung thực;</p> <p>d. Tính phù hợp</p>			<p>để xác định nghĩa vụ của các bên trong trường hợp các bên không thỏa thuận hết tất cả các nghĩa vụ đối với nhau.</p>
3	<p>Nghĩa vụ hợp tác, Điều 5.1.3 của PICC quy định:” Các bên có trách nhiệm hợp tác nếu sự hợp tác này là hợp lý cho việc thực hiện nghĩa vụ”</p> <p>”</p>	<p>BLDS quy định nội dung tương tự tại Điều 515 (hợp đồng dịch vụ), bên hưởng dịch vụ phải cung cấp cho bên cung cấp dịch vụ những tài liệu, thông tin và phương tiện cần thiết để thực hiện công việc,nêu..... công việc đòi hỏi hoặc tại điều 544 (hợp đồng gia công) nghĩa vụ cung cấp những tài liệu cần thiết đến việc gia công , chỉ dẫn cho bên gia công thực hiện hợp đồng.</p>	<p>BLDS không quy định nghĩa một nghĩa vụ hợp tác chung mà rải rác trong phần quy định về các hợp đồng cụ thể có quy định nghĩa vụ hợp tác.</p>	<p>Nên quy định nghĩa vụ hợp tác thành một nguyên tắc chung của HĐ. Để áp dụng cho mọi loại hợp đồng.</p>
4	<p>Nghĩa vụ đưa ra một kết quả, nghĩa vụ sử dụng mọi sức lực, Điều 5.1.4 của PICC quy định:” 1. Người có nghĩa vụ kết quả phải cung cấp kết quả đã cam kết.</p> <p>2. Người có nghĩa vụ phương tiện phải thực hiện công việc đó với sự cẩn trọng và trách nhiệm như một người bình thường có cùng khả năng ở cùng hoàn cảnh”.</p>	<p>BLDS và LTM Không có quy định chung tương ứng để áp dụng cho mọi loại hợp đồng cụ thể mà trong đó có quy định một bên có nghĩa vụ tạo ra một kết quả hoặc phải tận dụng mọi nguồn năng lực để thực hiện một công việc</p>	<p>Chưa tương thích.</p>	<p>Cần bổ sung để trong các trường cụ thể có thể xác định được một bên đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình hay chưa.</p>
5	<p>Xác định loại nghĩa vụ, Điều 5.1.5 PICC quy định:” Để xác định nghĩa vụ của một bên là nghĩa vụ kết quả hay nghĩa vụ phải sử dụng mọi sức lực, trước tiên cần đánh giá các yếu tố:</p> <p>a)Phương thức thể hiện nghĩa vụ trong hợp đồng;</p> <p>b)Giá và các thành phần khác của hợp đồng;</p> <p>c)Mức độ rủi ro thường gặp khi thực hiện hợp đồng;</p> <p>d)Khả năng ảnh hưởng của bên kia đối với việc</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Cần bổ sung để trong các trường cụ thể có thể xác định được một bên có loại nghĩa vụ gì và đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình hay chưa.</p>

	thực hiện nghĩa vụ.			
6	<p>Xác định chất lượng lao vụ, Điều 5.1.6 của PICC quy định:”Nêu chất lượng lao vụ không những không được xác định trong hợp đồng mà cũng không thể xác định chất lượng từ hợp đồng , thì bên có nghĩa vụ phải thực hiện lao vụ lao vụ với chất lượng phù hợp và trong hoàn cảnh cụ thể không dưới mức trung bình</p>	<p>BLDS không có quy định chung về chất lượng lao vụ nói chung mà chỉ có quy định liên quan đến chất lượng tài sản mua bán (Đ432), theo đó, nếu các bên không có thỏa thuận, thì chất lượng vật mau bán được xác định theo tiêu chuẩn chất lượng do cơ quan nhà nước ban hành hoặc do doanh nghiệp công bố hoặc theo tiêu chuẩn thông thường phù hợp với mục đích sử dụng HĐ.</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Một quy định chung để xác định chất lượng lao vụ (trong đó bao gồm cả công việc tạo ra một kết quả, công việc không tạo ra một kết quả cụ thể, việc mua bán v.vv) để các bên có thể xác định xem lao vụ đã thực hiện đúng chất lượng hay chưa cho thấy là cần thiết</p>
7	<p>Xác định giá, Điều 5.1.7 của PICC quy định:”1.Nếu trong hợp đồng không xác định giá và cũng không đưa ra các biện pháp dự phòng để xác định giá thì trong trường hợp không có điểm đối chứng qua lại thì được suy đoán rằng, các bên áp dụng theo giá được xác định chung vào thời điểm giao kết hợp đồng cho lao vụ cùng loại trong ngành kinh doanh có liên quan với những hoàn cảnh tương tự. Trường hợp không thể sử dụng một giá như vậy, thì lấy một giá phù hợp.</p> <p>2. Nếu giá do một bên xác định và giá này hiển nhiên là không thích hợp, thì một giá thích hợp sẽ được áp dụng, mà không phải lưu ý đến bất kỳ một điều kiện qua lại nào khác giữa các bên.</p> <p>3. Nếu giá do một bên thứ ba định và bên này không thể hoặc không muốn định giá, thì một giá thích hợp sẽ được áp dụng..</p> <p>4 Nếu giá được xác định dựa vào hoàn cảnh có liên quan mà hoàn cảnh đó không tồn tại hoặc không tồn tại nữa hoặc không thể tiếp cận được , thì sử dụng hoàn cảnh kế tiếp có giá trị tương đương”.</p> <p>Điều 55, Công ước Viên quy định: “Trong những trường hợp, nếu hợp đồng đã được ký kết một cách hợp pháp, nhưng trong hợp đồng không quy định giá cả một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc không quy định cách xác định giá thì được phép suy đoán rằng, các bên, trừ phi có quy định trái ngược, đã có ngụ ý dựa vào giá đã được ấn định cho loại hàng hóa như vậy khi hàng hóa này được đem bán trong những điều kiện tương tự của ngành buôn bán hữu quan “</p>	<p>BLDS không có một quy định chung cho tính giá hợp đồng đối với trường hợp không có thỏa thuận về giá nhưng quy định trong từng hợp đồng cụ thể (mua bán hàng hóa Điều 433- theo giá thị trường, Điều 473 -giá thuê được xác định theo giá thị trường tại nơi và vào thời điểm ký kết hợp đồng, 486, giá thuê khoán theo giá đấu thầu....)</p> <p>Điều 52 Luật thương mại quy định, trường hợp không thỏa thuận về giá hàng hóa, không có thỏa thuận về phương pháp xác định giá và cũng không có chỉ dẫn nào khác về giá của hàng hóa được xác định theo giá của loại hàng hóa đó trong các điều kiện tương tự về phương thức giao hàng thời điểm mua bán hàng hóa , thị trường địa lý và các điều kiện khác có ảnh hưởng đến giá”.</p>	<p>BLDS và LTM, trong quy định về các loại hợp đồng cụ thể đã dự liệu khả năng giá hoặc phương thức xác định giá không được các bên thỏa thuận. Trong trường hợp này, BLDS và LTM thường sử dụng giá thị trường. Tuy nhiên thời điểm xác định giá không thống nhất (có chỗ vào thời điểm ký kết HĐ, có chỗ quy định vào thời điểm mua bán hàng hóa). Trong khi đó PICC quy định một giá phù hợp và thời điểm xác định giá là thời điểm giao kết hợp đồng .Từ góc độ này cho thấy BLDS và LTM đã tương thích từng từng phần với PICC và Công ước Viên,</p>	<p>Một quy định chung để xác định cho tất cả các loại hợp đồng trong trường hợp không có thỏa thuận về giá hoặc phương thức xác định giá, hoặc trường hợp bên có quyền định ra đưa ra một giá phi lý cho thấy là cần thiết cần thiết. Điều này sẽ giúp, tránh quy định lặp lại trong các hợp đồng cụ thể như trường hợp hiện nay.</p>

8	<p>Đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với hợp đồng không xác định thời hạn, Điều 5.1.8 của PICC quy định: “Một hợp đồng không xác định thời hạn có thể bị bất kỳ bên nào chấm dứt bằng cách tuyên bố bên kia biết về việc đơn phương chấm dứt HĐ trước một thời hạn hợp lý .</p>	<p>BLDS quy định việc đơn phương chấm dứt hợp đồng tại Điều 428, nhưng với tính chất như là một chế tài, là quyền của một bên khi phía bên kia vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc nếu các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định . BLDS quy định nghĩa vụ thông báo ngay không quy định thời hạn báo trước.</p>	<p>PICC và BLDS đều quy định về việc đơn phương chấm dứt HĐ.Tuy nhiên cách tiếp cận khác nhau. Điều 5.1.8 của PICC đi từ nguyên tắc, các bên không thể vĩnh viễn bị ràng buộc vào một hợp đồng mà có quyền chấm dứt nó phù hợp với nguyên tắc tự do HĐ, nhưng phải báo trước cho bên kia biết trước trong một thời gian hợp lý. Mặt khác, quy định này của PICC chỉ được áp dụng đối với HĐ không xác định thời hạn.</p>	<p>Một quy định về đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp, HĐ không xác định thời hạn, phù hợp với nguyên tắc tự do hợp đồng, nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc thiện chí trung thực cho thấy là cần thiết</p>
9	<p>Thỏa thuận từ bỏ quyền, Điều 5.1.9 của PICC quy định: “1.Người có quyền có thể thỏa thuận với người có nghĩa vụ về việc từ bỏ quyền của mình.</p> <p>2.Đề nghị vô điều kiện về từ bỏ quyền được xem như được chấp nhận nếu người có nghĩa vụ không từ chối ngay sau khi biết”.</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	
<p>5.2. Quyền của người thứ ba</p>				
10	<p>Thỏa thuận vì lợi ích của người thứ ba, Điều 5.2.1 của PICC quy định: “1.Các bên (“bên có nghĩa vụ” và “bên có quyền”) có thể, thông qua thỏa thuận rõ ràng hay ngầm hiểu, tạo một quyền cho người thứ ba (người “hưởng lợi”).</p> <p>2.Sự tồn tại và nội dung của quyền mà người hưởng lợi có thể thực hiện đối với người có nghĩa vụ được xác định thông qua thỏa thuận giữa các bên và chịu sự chi phối của các điều kiện hoặc các hạn chế khác có trong thỏa thuận”.</p>	<p>BLDS không có quy định nào nói về thỏa thuận hợp đồng hoặc là sự hiểu ngầm tạo quyền cho người thứ ba. Tuy nhiên tại các điều từ 415 đến 417 BLDS có đề cập đến việc thực hiện hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba.</p>	<p>Chưa tương thích. Tuy nhiên trên thực tế thỏa thuận tạo quyền cho người thứ ba được áp dụng khá phổ biến trong lĩnh vực bảo hiểm, thuê mua v.v..</p>	<p>Nên bổ sung vì BLDS đã có một số quy định về thực hiện hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba.</p>
11	<p>Người thứ ba có thể xác định được, Điều 5.2.2 PICC quy định: “Người hưởng lợi cần được xác định với sự chắc chắn đúng mức trong hợp đồng, nhưng có thể không tồn tại vào thời điểm giao kết hợp đồng”</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Có thể bổ sung vào BLDS</p>

12	Điều khoản miễn trừ và hạn chế , Điều 5.2.3 PICC quy định: “Quyền được tạo cho người hưởng lợi bao gồm cả quyền viện dẫn điều khoản loại trừ hoặc hạn chế trách nhiệm của người hưởng lợi”	BLDS chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Có thể bổ sung vào BLDS
13	Các biện pháp tự vệ , Điều 5.2.4 PICC quy định :”Bên có nghĩa vụ có thể chống lại người thứ ba bằng mọi biện pháp tự vệ có thể được sử dụng để chống lại bên có quyền”	BLDS chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Có thể bổ sung vào BLDS
14	Hủy bỏ , Điều 5.2.5 PICC quy định: ”Các bên trong hợp đồng có thể thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền được tạo cho người hưởng lợi, trừ phi người này đã chấp nhận các quyền này và theo đó, đã hành động một cách hợp lý.”	Điều 417 BLDS quy định: Khi người thứ ba đã đồng ý hưởng lợi ích, thì dù hợp đồng chưa được thực hiện, các bên giao kết hợp đồng cũng không được sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, trừ trường hợp được bên thứ ba đồng ý	Về Cơ bản quy định của BLDS đã tương thích một phần với quy định của PICC ở điểm là trước khi được người thứ ba chấp thuận (đồng ý), các bên có thể sửa đổi, hủy bỏ quyền của người thứ ba. Tuy nhiên, quy định của PICC chặt hơn quy định của BLDS. PICC đòi hỏi thêm điều kiện người thứ ba đã tin vào quyền có được từ hợp đồng và hành động một cách hợp lý.	Nên sửa Điều 417 BLDS theo hướng bổ sung thêm điều kiện người thứ ba đã tin và hành động hợp lý để củng cố thêm nguyên tắc tin tưởng lẫn nhau trong giao lưu dân sự, kinh tế.
15	Từ bỏ quyền , Điều 5.2.6 PICC quy định” Người hưởng lợi được phép từ bỏ quyền ”	Điều 416 BLDS quy định:: “ 1.Trường hợp người thứ ba từ chối hưởng lợi ích trước khi bên có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ, Thì bên có nghĩa vụ không phải thực hiện nghĩa vụ, nhưng phải thông báo cho bên có quyền và hợp đồng coi như bị hủy bỏ. Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. 2. Trường hợp bên thứ ba từ chối lợi ích sau khi bên có nghĩa vụ đã thực hiện nghĩa vụ, thì nghĩa vụ coi như đã hoàn thành, bên có quyền vẫn phải thực hiện cam kết với bên có nghĩa vụ. Trong trường hợp này lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuộc về bên mà nếu hợp đồng không vì lợi ích của bên thứ ba thì bên đó được hưởng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.	BLDS không quy định quyền từ chối, nhưng lại quy định hậu quả pháp lý của việc từ chối. Như vậy hiểu ngầm là theo BLDS thì người thứ ba (người hưởng lợi) có quyền từ chối. Đã tương thích.	

Phần 6 Thực hiện hợp đồng

STT	<p>Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế(Công ước Viên)</p>	<p>Nội dung quy định của văn bản được rà soát</p> <p>Bộ luật Dân sự (BLDS)</p> <p>Luật Thương mại (LTM)</p> <p>Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)</p>	<p>Phân tích mức độ tương thích</p>	<p>Kiến nghị xử lý</p>
1	<p>Thời điểm thực hiện hợp đồng, Điều 6.1.1 PICC quy định: “ Bên có nghĩa vụ hợp đồng thực hiện nghĩa vụ của mình theo:</p> <p>a) Vào thời điểm định trong hợp đồng hoặc được xác định theo hợp đồng;</p> <p>b) Bất kỳ lúc nào trong khoảng thời gian được ấn định trong hợp đồng hoặc được xác định theo hợp đồng , trừ trường hợp thời điểm này do phía bên kia ấn định;</p> <p>c) vào một thời điểm thích hợp sau khi ký kết hợp đồng trong các trường hợp khác.</p> <p>Điều 33 Công ước Viên quy định: “ Người bán phải giao hàng</p> <p>a) Đúng vào ngày giao hàng mà hợp đồng đã quy định, hay có thể xác định được bằng cách tham chiếu vào hợp đồng.</p> <p>b) Vào bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian được hợp đồng ấn định hay có thể xác định được khoảng thời gian giao hàng bằng cách tham chiếu vào hợp đồng, nếu như không thể căn cứ vào các tình tiết để biết ngày giao hàng mà người mua ấn định là ngày nào.</p> <p>c) Trong trường hợp khác, trong một thời gian hợp lý sau khi hợp đồng được ký kết</p>	<p>BLDS Không có quy định về thời điểm thực hiện hợp đồng chung cho áp dụng cho tất cả các loại hợp đồng. Tuy nhiên, Điều 277 BLDS quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ cụ thể Khoản 2 Điều 277 quy định “ Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn”.</p> <p>Điều 353 BLDS quy định về trách nhiệm trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Theo quy định này, thời điểm thực hiện hợp đồng là một thời điểm bất kỳ trong thời hạn.</p> <p>Điều 37 LTM quy định :”1. Bên bán phải giao hàng vào đúng thời điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng.</p> <p>2. Trường hợp chỉ có thỏa thuận về thời hạn mà không xác định thời điểm giao hàng cụ thể thì bên bán có thể giao hàng bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn đó, nhưng phải thông báo trước cho bên mua;</p> <p>3.Trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn giao hàng, thì bên bán có thể giao hàng trong một thời hạn hợp lý sau khi giao kết hợp đồng.</p>	<p>BLDS, chưa có quy định tương ứng (chưa tương thích) .</p> <p>Quy định của LTM về cơ bản đã tương thích với PICC và Công ước Viên</p>	<p>Nên có quy định chung về thời điểm thực hiện hợp đồng áp dụng chung cho các loại hợp đồng. Đây là một quy định rất quan trọng để xác định xem khi nào một bên có quyền thực hiện nghĩa vụ hoặc có quyền yêu cầu phía bên kia thực hiện nghĩa vụ. Mặt khác quy định này cũng rất quan trọng để xác định xem các bên có thực hiện nghĩa vụ của mình đúng thời hạn hay không.</p>
2	<p>Thực hiện một lần hoặc thực hiện nhiều lần, Điều 6.1.2 PICC quy định : ”Trong các trường hợp quy định tại Điều 6.1.1(b) và (c), bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ một lần, trong phạm vi có thể, trừ trường hợp hoàn cảnh cho</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng.</p> <p>Điều 41 LTM quy định:” Nếu hợp đồng chỉ quy định thời hạn giao hàng và không xác định thời điểm giao hàng cụ thể và bên bán đã giao hàng trước khi hết thời hạn và giao thiếu hàng</p>	<p>BLDS và LTM Chưa tương thích</p>	<p>Dựa trên tinh thần thiện chí, trung thực, nên bổ sung quy định thực hiện nghĩa vụ, về cơ bản, nghĩa vụ cần được thực hiện một lần như quy</p>

	phép xác định khác.	hoặc không phù hợp với hợp đồng, thì vẫn có thể giao tiếp phần còn thiếu hoặc thay thế hàng hóa phù hợp hoặc khắc phục sự không phù hợp trong thời gian còn lại		định của PICC.
3	<p>Thực hiện một phần, Điều 6.1.3 PICC quy định: “1.Khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ, bên có quyền có thể từ chối chấp nhận đề nghị thực hiện một phần nghĩa vụ, bất kể đề nghị đó có kèm theo hay không kèm theo bảo đảm về việc thực hiện đúng phần nghĩa vụ còn lại, trừ trường hợp không có lợi ích chính đáng để từ chối chấp nhận đề nghị đó.</p> <p>2.Bên có nghĩa vụ phải chịu các chi phí bổ sung phát sinh cho bên có quyền do việc thực hiện một phần nghĩa vụ mà không ảnh hưởng đến các biện pháp khác.</p>	<p>Điều 290 BLDS quy định: “1) Nghĩa vụ được phân chia theo phần là nghĩa vụ có thể phân chia thành nhiều phần để thực hiện.</p> <p>2) Bên có nghĩa vụ có thể thực hiện từng phần nghĩa vụ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>Điều 291 BLDS quy định: “1. Nghĩa vụ không phân chia được theo phần là nghĩa vụ mà đối tượng của nghĩa vụ phải thực hiện cùng một lúc.</p>	<p>Quy định này của PICC và BLDS chưa tương thích. PICC theo nguyên tắc, nếu không có thỏa thuận khác, nghĩa vụ phải được thực hiện một lần. BLDS quy định quyền của bên có nghĩa vụ có quyền thực hiện từng phần, nếu không có thỏa thuận khác.</p>	<p>Quy định của BLDS thích hợp với hoàn cảnh kinh tế nhỏ lẻ, chưa phù hợp với yêu cầu của hoạt động kinh doanh lớn, yêu cầu tính đồng loạt và đồng bộ cao. Do vậy, việc sửa quy định này của BLDS theo hướng của PICC là một đề nghị thích hợp</p>
4	<p>Thứ tự thực hiện nghĩa vụ, Điều 6.1.4 PICC quy định: “1.Trong trường hợp nghĩa vụ của các bên có thể được thực hiện cùng một lúc thì các bên phải thực hiện nghĩa vụ cùng một lúc, trừ trường hợp hoàn cảnh cho phép xác định khác.</p> <p>2.Trong trường hợp việc thực hiện nghĩa vụ của một bên đòi hỏi một thời hạn nhất định thì bên đó phải thực hiện nghĩa vụ trước, trừ trường hợp hoàn cảnh cho phép xác định khác.</p>	<p>Khoản Điều 410 BLDS quy định: “Trường hợp các bên không thỏa thuận bên nào phải thực hiện nghĩa vụ trước thì các bên đồng thời thực hiện nghĩa vụ đối với nhau. Nếu nghĩa vụ không thể thực hiện đồng thời, thì nghĩa vụ nào mất nhiều thời gian thực hiện hơn phải thực hiện trước.</p>	<p>Quy định này của BLDS đã tương thích với PICC.</p>	
5	<p>Thực hiện trước thời hạn, Điều 6.1.6 PICC quy định: “ 1.Bên có quyền có thể từ chối việc thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn, trừ trường hợp không có lợi ích chính đáng để từ chối việc đó.</p> <p>2)Việc một bên chấp nhận việc thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn của bên kia không ảnh hưởng đến thời hạn mà bên đó phải thực hiện nghĩa vụ của chính mình, nếu thời hạn này đã được ấn định mà không phụ thuộc vào việc thực hiện nghĩa vụ của bên kia.</p> <p>Các chi phí bổ sung phát sinh cho bên có quyền</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng Điều 38 LTM quy định” Trong trường hợp giao hàng trước thời hạn, người mua có quyền lựa chọn,nhận hay không nhận, nếu các bên không có thỏa thuận khác”</p>	<p>BLDS chưa tương thích với PICC và Công ước Viên.</p> <p>LTM đã tương thích một phần với PICC và Công ước Viên</p>	<p>Trên tinh thần thiện chí, hợp tác, nên bổ sung quy định quyền của bên có quyền trong việc chấp nhận hoặc từ chối việc thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn.</p>

	<p>do việc thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn do bên có nghĩa vụ chịu mà không ảnh hưởng đến các biện pháp khác.</p> <p>Khoản 1 Điều 52 Công ước Viên quy định : ”Nếu người bán giao hàng trước thời hạn quy định thì người mua được quyền lựa chọn hoặc chấp nhận hoặc từ chối việc giao hàng đó”</p>			
6	<p>Địa điểm thực hiện, Điều 6.1.6 PICC quy định: ‘</p> <p>1.Nếu địa điểm thực hiện nghĩa vụ không được quy định trong hợp đồng hoặc không thể xác định được căn cứ vào hợp đồng thì nghĩa vụ phải được thực hiện:</p> <p>a)tại trụ sở của bên có quyền, nếu là nghĩa vụ thanh toán một khoản tiền;</p> <p>b)tại trụ sở của bên có nghĩa vụ, nếu là nghĩa vụ khác.</p> <p>2.Bên nào thay đổi trụ sở sau khi giao kết hợp đồng thì phải chịu các chi phí liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ bị tăng thêm do việc thay đổi trụ sở đó.</p> <p>Điều 31 Công ước Viên quy định: “ Nếu người bán không bắt buộc phải giao hàng tại một nơi nhất định nào đó, thì nghĩa vụ giao hàng của người này là:</p> <p>a. Nếu hợp đồng mua bán quy định cả việc vận chuyển hàng hoá thì người bán phải giao hàng cho người chuyên chở đầu tiên để chuyển giao cho người mua.</p> <p>b. Nếu trong những trường hợp không dự liệu bởi điểm nói trên, mà đối tượng của hợp đồng mua bán là hàng đặc định hoặc là hàng đồng loại phải được trích ra từ một khối lượng dự trữ xác định hoặc phải được chế tạo hay sản xuất ra và vào lúc ký kết hợp đồng, các bên đã biết rằng hàng đã có hay đã phải được chế tạo hoặc sản xuất ra tại một nơi nào đó thì người bán phải có nghĩa vụ đặt hàng dưới quyền định đoạt của người mua tại nơi đó.</p> <p>c. Trong các trường hợp khác, người bán có nghĩa</p>	<p>Điều 277 BLDS quy định: “2.Trường hợp không có thỏa thuận thì địa điểm thực hiện nghĩa vụ được xác định như sau:</p> <p>a)Nơi có bất động sản, nếu đối tượng hợp đồng là bất động sản;</p> <p>b) Nơi cư trú hoặc trụ sở của bên có quyền, nếu đối tượng của nghĩa vụ không phải là bất động sản.</p> <p>Khoản 2,Điều 35 LTM quy định:” Trường hợp không có địa điểm giao hàng thì địa điểm giao hàng được xác định như sau:</p> <p>a) trường hợp hàng hóa gắn liền với đất đai, thì giao hàng tại nơi có hàng hóa.</p> <p>b) Trường hợp trong hợp đồng có quy định về vận chuyển hàng hóa, thì bên bán có nghĩa vụ giao cho người vận chuyển đầu tiên;</p> <p>c)Trường hợp trong hợp đồng không có quy định về vận chuyển hàng hóa , nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng các bên biết địa điểm kho chứa hàng, địa điểm xếp hàng, hoặc nơi sản xuất, chế tạo hàng hóa, thì bên bán phải giao hàng tại địa điểm đó.</p> <p>d) Trong các trường hợp khác, bên bán phải giao hàng tại trụ sở kinh doanh của bên bán. Nếu không có trụ sở kinh doanh thì giao hàng tại địa điểm cư trú vào thời điểm giao kết hợp đồng của bên bán</p>	<p>Quy định của BLDS về nội dung này chưa tương thích với quy định của PICC và Công ước Viên.</p> <p>PICC quy định nguyên tắc, nếu không có thỏa thuận, nghĩa vụ được thực hiện tại trụ sở của bên có nghĩa vụ, trừ nghĩa vụ trả tiền. BLDS đi theo nguyên tắc ngược lại, nếu không có thỏa thuận thì địa điểm thực hiện là trụ sở (hoặc nơi cư trú của người có quyền).</p> <p>Quy định của LTM đã tương thích với quy định của Công ước Viên.</p>	<p>Quy định của BLDS phù hợp với thực tiễn giao dịch mua bán dân sự online. Tuy nhiên chưa phù hợp với thực tiễn thực hiện các hợp đồng dịch vụ, gia công và hợp đồng mua bán thương mại.</p> <p>Nếu được, nên sửa quy định này của BLDS theo hướng lấy địa điểm thực hiện là nơi cư trú của người có nghĩa vụ, trừ nghĩa vụ trả tiền và các giao dịch mua bán online.</p>

	vụ đặt hàng dưới quyền định đoạt của người mua tại nơi nào mà người bán có trụ sở thương mại vào thời điểm ký kết hợp đồng.”			
7	<p>Thanh toán bằng séc hoặc bằng các công cụ khác, Điều 6.1.7 PICC quy định:”1. Việc thanh toán có thể được thực hiện bằng bất kỳ phương thức nào được sử dụng theo các điều kiện thương mại thông thường tại địa điểm thanh toán.</p> <p>2.Tuy nhiên, nếu bên có quyền chấp nhận séc, lệnh trả tiền khác hoặc cam kết trả tiền theo quy định tại khoản trên hoặc một cách tự nguyện thì chỉ được coi là đã làm việc đó khi công cụ thanh toán đó đã được thanh toán”</p>	<p>Khoản 2 Điều 433 BLDS quy định” Trường hợp không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận không rõ ràng, thì phương thức thanh toán được xác định theo tập quán tại địa điểm và thời điểm giao kết hợp đồng.</p> <p>Điều 50 LTM quy định” Các bên phải tuân thủ phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Chưa tương thích</p> <p>BLDS và LTM không có quy định về công cụ thanh toán riêng như PICC mà quy định về phương thức thanh toán trong đó bao gồm cả công cụ thanh toán và phương tiện thanh toán.</p>	<p>Nên bổ sung quy định như quy định của PICC để phù hợp với thực tiễn sử dụng các công cụ thanh toán thương mại hiện nay.</p>
8	<p>Thanh toán bằng chuyển khoản, Điều 6.1.8 PICC quy định:”1) Trừ trường hợp bên có quyền chỉ định một tài khoản cụ thể, việc thanh toán có thể được thực hiện bằng cách chuyển khoản vào bất kỳ tổ chức tài chính nào mà bên có quyền cho biết là có tài khoản ở đó.</p> <p>2) Trong trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản, bên có nghĩa vụ được coi là đã thực hiện nghĩa vụ vào ngày việc chuyển khoản có hiệu lực tại tổ chức tài chính của bên có quyền .</p>	<p>BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng.</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Nên bổ sung quy định như quy định của PICC để phù hợp với thực tiễn sử dụng các công cụ thanh toán thương mại hiện nay.</p>
9.	<p>Đồng tiền thanh toán Điều 6.1.9 PICC quy định:”1.Bên có nghĩa vụ thanh toán một khoản tiền được xác định bằng một đồng tiền khác với đồng tiền của nơi thanh toán thì bên có nghĩa vụ có thể thực hiện nghĩa vụ bằng đồng tiền của nơi thanh toán, trừ trường hợp:</p> <p>a)đồng tiền này không thể tự do chuyển đổi; hoặc</p> <p>b)các bên đã thoả thuận là việc thanh toán chỉ được thực hiện bằng đồng tiền ghi trong nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>2.Nếu bên có nghĩa vụ không thể thực hiện việc thanh toán bằng đồng tiền ghi trong nghĩa vụ hợp đồng thì bên có quyền có thể yêu cầu</p>	<p>BLDS và LTM không có quy định về đồng tiền thanh toán</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Quy định về đồng tiền thanh toán rất cần thiết cho các giao lưu thương mại quốc tế, đặc biệt là quy định về đồng tiền của quốc gia nào và tỷ giá chuyển đổi được áp dụng, nếu cần chuyển đổi. . Do vậy, nếu, VN xây dựng Luật hợp đồng thương mại quốc tế, thì nên có quy định này.</p>

	<p>thanh toán bằng đồng tiền của nơi thanh toán, kể cả trong trường hợp đã nêu tại khoản 1 điểm b.</p> <p>3. Việc thanh toán bằng đồng tiền của nơi thanh toán được thực hiện theo tỷ giá hối đoái quy định tại nơi đó khi đến hạn thanh toán.</p> <p>4. Tuy nhiên, nếu bên có nghĩa vụ không thanh toán khi đến hạn thanh toán thì bên có quyền có thể yêu cầu thanh toán theo tỷ giá hối đoái quy định tại thời điểm đến hạn thanh toán hoặc vào tại thời điểm thanh toán.</p>			
10	<p>Đồng tiền thanh toán không được quy định cụ thể, Điều 6.1.10 PICC quy định:” Trong trường hợp đồng tiền thanh toán không được quy định cụ thể thì việc thanh toán được thực hiện bằng đồng tiền của nơi thanh toán cần được thực hiện”</p>	BLDS và LTM không có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Quy định của PICC đáp ứng thực tiễn thương mại quốc tế, nếu VN xây dựng Luật hợp đồng thương mại quốc tế, thì nên có quy định này.
11	<p>Chi phí thực hiện Điều 6.1.11 PICC quy định: “Mỗi bên chịu chi phí về việc thực hiện nghĩa vụ của mình”.</p>	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Khi thực hiện nghĩa vụ sẽ phát sinh chi phí (phí vận chuyển, chi phí lắp ráp, phí ngân hàng, phí cấp phép xuất nhập khẩu...). Do vậy, cần thiết phải bổ sung quy định về gánh chịu chi phí thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.
12	<p>Khấu trừ các khoản thanh toán, Điều 6.12 PICC quy định:” 1) Nếu bên có nghĩa vụ phải thanh toán nhiều khoản tiền đối với cùng một bên có quyền thì vào thời điểm thanh toán, có thể nêu rõ khoản thanh toán đó được mong muốn khấu trừ vào khoản nợ nào. Tuy nhiên, trước hết khoản thanh toán đó được khấu trừ theo thứ tự sau: chi phí phát sinh nếu có, tiền lãi đến hạn và khoản nợ gốc.</p> <p>2) Nếu bên có nghĩa vụ không nêu rõ việc khấu trừ thì bên có quyền có thể thông báo cho bên có nghĩa vụ, trong một thời hạn hợp lý sau khi thanh toán, là khoản thanh toán đó được khấu trừ vào khoản nợ nào, với điều kiện khoản nợ này phải đến hạn và không bị tranh chấp.</p> <p>3) Nếu không xác định việc khấu trừ theo quy</p>	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Quy định này phù hợp với thực tiễn kinh doanh thương mại hiện tại. Do vậy, cần bổ sung để áp dụng trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

	<p>định tại hai khoản trên thì khoản thanh toán sẽ được khấu trừ vào khoản nợ đáp ứng một trong các điều kiện và theo thứ tự quy định dưới đây:</p> <p>a) khoản nợ đến hạn hoặc sắp đến hạn thanh toán đầu tiên;</p> <p>b) khoản nợ mà bên có quyền có bảo đảm thấp nhất;</p> <p>c) khoản nợ là gánh nặng lớn nhất đối với bên có nghĩa vụ;</p> <p>c) khoản nợ cũ nhất.</p> <p>Nếu không có điều kiện nào trên đây được áp dụng thì khoản thanh toán được khấu trừ theo tỷ lệ cho tất cả các khoản nợ.</p>			
13	<p>Khấu trừ đối với các nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ trả tiền Điều 6.1.13 quy định:” Điều 6.1.12 cũng được áp dụng đối với việc khấu trừ trong trường hợp thực hiện các nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ trả tiền nhưng có sự điều chỉnh cần thiết”.</p>	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Quy định này phù hợp với thực tiễn kinh doanh thương mại hiện tại , Do vậy, cần bổ sung để áp dụng trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.
14	<p>Xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Điều 6.1.14 PICC quy định: “Trừ trường hợp có quy định khác hoặc hoàn cảnh cho phép xác định khác, nếu pháp luật của một nước yêu cầu phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến hiệu lực hoặc việc thực hiện hợp đồng thì:</p> <p>a) bên duy nhất có trụ sở ở nước đó phải thực hiện các biện pháp cần thiết để được cấp phép;</p> <p>b) trong các trường hợp khác, bên mà việc thực hiện nghĩa vụ phải được cấp phép phải thực hiện các biện pháp cần thiết để được cấp giấy phép</p>	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Quy định này phù hợp với thực tiễn kinh doanh thương mại quốc tế hiện tại , Do vậy, cần bổ sung để áp dụng trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.
15	<p>Quy trình xin phép, Điều 6.1.15 PICC quy định:” 1) Bên phải thực hiện các biện pháp cần thiết để được cấp giấy phép phải thực hiện việc đó không chậm trễ và chịu mọi chi phí liên quan..</p> <p>2) Nếu cần thiết, bên đó phải thông báo không chậm trễ cho bên kia biết về việc được cấp phép hoặc từ chối cấp phép”</p>	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Quy định này phù hợp với thực tiễn kinh doanh thương mại hiện tại , Do vậy, cần bổ sung để áp dụng trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

16	<p>Không trả lời về việc xin cấp phép, Điều 6.1.19 PICC quy định: “ Một bên có quyền chấm dứt hợp đồng nếu, mặc dù bên có nghĩa vụ xin cấp phép đã thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết nhưng vẫn không được trả lời về việc xin cấp phép trong thời hạn quy định, hoặc nếu không quy định thời hạn thì trong thời hạn hợp lý kể từ khi giao kết hợp đồng.</p> <p>2)Không áp dụng khoản trên trong trường hợp giấy phép chỉ liên quan đến một số điều khoản của hợp đồng và nếu thấy việc duy trì các điều khoản khác là hợp lý, ngay cả khi có thể bị từ chối cấp phép”.</p>	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Quy định này phù hợp với thực tiễn kinh doanh thương mại hiện tại , đáp ứng các yêu cầu thực hiện nhanh các giao lưu thương mại, đặc biệt là giao lưu thương mại quốc tế.
17	<p>Từ chối cấp phép, Điều 6.1.17 PICC quy định” 1 “Việc từ chối cấp phép liên quan đến hiệu lực của hợp đồng làm cho hợp đồng vô hiệu. Hợp đồng chỉ vô hiệu một phần trong trường hợp việc từ chối cấp phép chỉ làm vô hiệu một số điều khoản của hợp đồng và nếu hoàn cảnh cho thấy việc duy trì các điều khoản khác là hợp lý.</p> <p>2.Các quy định về không thực hiện hợp đồng được áp dụng trong trường hợp việc từ chối cấp phép làm cho không thể thực hiện được toàn bộ hoặc một phần hợp đồng</p>	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Quy định này phù hợp với thực tiễn kinh doanh thương mại, cần bổ sung,
18	<p>Hoàn cảnh thay đổi (hardship)</p> <p>Tuân thủ hợp đồng Điều 6.2.1 PICC quy định”Các bên có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của mình, ngay cả khi chi phí thực hiện nghĩa vụ đó tăng lên, với điều kiện tuân thủ các quy định dưới đây về hoàn cảnh thay đổi</p>	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Đây là một quy định tiếp tục khẳng định nguyên tắc ràng buộc vào hợp đồng, phù hợp với thực tiễn kinh doanh thương mại, đặc biệt đối với những hợp đồng thực hiện trong thời gian dài, và trong thời gian thực hiện đó hoàn cảnh có thay đổi (giá, chi phí tăng) ví dụ như hợp đồng thi công đường sắt trên cao Hà Đông- Cát linh. Cần bổ sung.
19	<p>Định nghĩa về hoàn cảnh thay đổi Điều 6.2.32 PICC quy định: “Hoàn cảnh thay đổi được xác lập khi xảy ra các sự kiện làm thay đổi cơ bản sự cân bằng giữa các nghĩa vụ hợp đồng, hoặc do chi phí thực hiện nghĩa vụ tăng lên, hoặc do</p>	<p>Điều 420BLDS định nghĩa hoàn cảnh thay đổi cơ bản như sau:</p> <p>“ 1.Hoàn cảnh thay đổi cơ bản khi có đủ các điều kiện sau:</p>	PICC và BLDS đều có định nghĩa về hoàn cảnh thay đổi (Tương thích). Tuy nhiên, BLDS dùng thuật ngữ “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”. PICC dùng khái niệm “hoàn cảnh	Cách quy định của PICC hợp lý hơn, bởi bên không bắt lợi đương nhiên muốn ràng buộc vào hợp đồng cũ có điều kiện thuận lợi hơn

	<p>giá trị của nghĩa vụ đối trừ giảm xuống, và:</p> <p>a) các sự kiện này xảy ra hoặc được bên bị thiệt hại biết đến sau khi giao kết hợp đồng;</p> <p>b) bên bị bất lợi đã không thể tính một cách hợp lý đến các sự kiện đó khi giao kết hợp đồng;</p> <p>c) các sự kiện này nằm ngoài sự kiểm soát của bên bị bất lợi; và</p> <p>d) bên bị bất lợi không phải gánh chịu rủi ro về các sự kiện này.</p>	<p>a) Sự thay đổi do nguyên nhân khác quan sảy ra sau khi ký kết hợp đồng;</p> <p>b) Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;</p> <p>c) hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng không được ký kết hoặc được ký kết với với những nội dung hoàn toàn khác khác;</p> <p>d) việc thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên;</p> <p>đ) bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích....”</p>	<p>thay đổi” Cả hai định nghĩa đều thống nhất ở điểm hoàn cảnh thay đổi xuất hiện sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên BLDS dựa vào tính không thể nhận biết được của các bên còn PICC chỉ dựa vào khả năng không thể nhận biết được của bên bị bất lợi và khả năng này nằm ngoài sự kiểm soát cũng như phạm vi gánh chịu rủi ro của bên bất lợi. Như vậy về nội dung định nghĩa, BLDS chi tương thích một phần với PICC</p>	<p>cho mình. Cho nên chắc chắn họ viện vào lý do họ không biết và không thể lường trước được khả năng này.</p> <p>Nên sửa theo định nghĩa của PICC</p>
20	<p>Tác động của hoàn cảnh thay đổi, Điều 6.2.3 PICC quy định:</p> <p>“1. Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi, bên bị bất lợi có quyền yêu cầu tiến hành đàm phán lại hợp đồng. Yêu cầu này phải được đưa ra không chậm trễ và phải có căn cứ.</p> <p>2. Yêu cầu đàm phán lại hợp đồng, bản thân nó, không cho phép bên bị bất lợi có quyền tạm đình chỉ thực hiện nghĩa vụ của mình.</p> <p>3. Nếu các bên không thỏa thuận được trong một thời hạn hợp lý thì mỗi bên có quyền yêu cầu tòa án giải quyết.</p> <p>4. Nếu xác định có hoàn cảnh thay đổi và nếu thấy hợp lý, tòa án có thể:</p> <p>a) chấm dứt hợp đồng vào ngày và theo các điều kiện do tòa án quyết định; hoặc</p> <p>b) sửa đổi hợp đồng nhằm thiết lập lại sự cân bằng giữa các nghĩa vụ hợp đồng”.</p>	<p>Điều 420 BLDS quy định: “2. Trong trường hợp có hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng trong một thời gian hợp lý;</p> <p>3 Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời gian hợp lý thì một trong các bên có quyền yêu cầu tòa án:</p> <p>a) Chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định;</p> <p>b) sửa đổi hợp đồng để cân bằng lợi ích của các bên do hoàn cảnh thay đổi căn bản.</p> <p>Tòa án chỉ được quyết định sửa đổi hợp đồng trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí thực hiện hợp đồng sửa đổi.</p> <p>Trong quá trình đàm phán, sửa đổi, chấm dứt HĐ, tòa án giải quyết vụ việc, các bên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định về tác động của hoàn cảnh thay đổi, trong đó quy định quyền yêu cầu đàm phán lại của bên bị tác động bất lợi từ hoàn cảnh thay đổi trong một thời gian hợp lý và trong khi đàm phán các bên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp không thể đàm phán lại để sửa đổi HĐ thì mỗi bên đều có quyền yêu cầu tòa án giải quyết. Như vậy về cơ bản BLDS và PICC tương đồng với nhau về tác động của hoàn cảnh thay đổi (tương thích)</p>	<p>Có thể giữ nguyên quy định tại Điều 420 khoản 2 và 3 của BLDS</p>

Phần 7 Không thực hiện hợp đồng

STT	<p>Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế(Công ước Viên)</p>	<p>Nội dung quy định của văn bản được rà soát</p> <p>Bộ luật Dân sự (BLDS)</p> <p>Luật Thương mại (LTM)</p> <p>Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)</p>	<p>Phân tích mức độ tương thích</p>	<p>Kiến nghị xử lý</p>
1	<p>Định nghĩa không thực hiện hợp đồng, Điều 7.1.1 PICC định nghĩa :” Không thực hiện hợp đồng là việc một bên không thực hiện một nghĩa vụ nào đó phát sinh từ hợp đồng, kể cả việc thực hiện hợp đồng không đúng hay chậm trễ.</p>	<p>Khoản 1 Điều 351 BLDS quy định: “Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung nghĩa vụ</p>	<p>Khái niệm vi phạm nghĩa vụ của BLDS tương thích một phần với khái niệm không thực hiện hợp đồng của PICC, Khái niệm không thực hiện hợp đồng của PICC bao gồm cả trường hợp không thực hiện nghĩa vụ (tương thích một phần)</p>	<p>BLDS, nên bổ sung quy định định nghĩa vi phạm hợp đồng với nội dung như quy định của PICC để có thể dùng khái niệm chung, thay thế cho các trường hợp vi phạm cụ thể.</p>
2	<p>Lỗi của bên có quyền, Điều 7.1.2 của PICC quy định: “Một bên không thể nại bên kia do không thực hiện hợp đồng trong chừng mực mà việc không thực hiện là do một hành vi hay bất hành vi của chính bên này hoặc do một sự kiện mà bên này phải chịu rủi ro gây ra</p>	<p>Điều 351 BLDS quy định” 2. Trường hợp bên có nghĩa vụ thực hiện không đúng nghĩa vụ do bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc PL có quy định khác.</p> <p>3.Bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự , nếu chứng minh được nghĩa vụ không thực hiện được là hoàn toàn do lỗi của bên có quyền”.</p> <p>Điều 413 BLDS quy định: Trong một hợp đồng song vụ, khi một bên không thực hiện được nghĩa vụ của mình do lỗi của bên kia thì vẫn có quyền yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ lại đối với mình hoặc hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.</p> <p>Điều 414 BLDs quy định :” Trong một hợp đồng song vụ, nếu một bên không thực hiện được nghĩa vụ mà các bên không có lỗi thì bên không thực hiện nghĩa vụ không có quyền yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ đối với mình. Trường hợp một bên đã thực hiện được một phần nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện phần nghĩa vụ tương ứng của mình.</p>	<p>Về cơ bản, BLDS và PICC đều quy định về loại trừ trách nhiệm của bên không thực hiện nghĩa vụ, nếu việc đó do lỗi của phía bên kia. Về nội dung này BLDS tương thích với PICC. Tiếp theo PICC quy định, bên vi phạm cũng không phải chịu trách nhiệm do không thực hiện nghĩa vụ , nếu việc không thực hiện nghĩa vụ do một sự kiện là rủi ro, mà rủi ro này do phía bên kia gánh chịu, trong khi đó Điều 351 khoản 2 quy định về không chịu trách nhiệm do bất khả kháng và điều 414 BLDS quy định việc không thực hiện nghĩa vụ không do lỗi của bên nào. Về nội dung này PICC và BLDS chưa tương thích</p>	<p>Nên sửa lại quy định của BLDS theo hướng : một bên không phải chịu trách nhiệm vi phạm hợp đồng do lỗi của bên kia hoặc do hoàn cảnh mà bên kia chịu rủi ro.</p>

3	<p>Tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ Điều 7.1.3 của PICC quy định: “ 1.Khi một bên phải thực hiện nghĩa vụ đồng thời với bên kia thì có quyền tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ của mình khi bên kia chưa chuẩn bị thực hiện nghĩa vụ của họ.</p> <p>2.Khi một bên phải thực hiện nghĩa vụ sau bên kia thì có quyền tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ của mình khi bên kia chưa thực hiện nghĩa vụ của họ.</p>	<p>Khoản 2 Điều 410 BLDS quy định:” Trường hợp các bên không thỏa thuận bên nào thực hiện nghĩa vụ trước thì các bên phải đồng thời thực hiện nghĩa vụ đối với nhau..”</p> <p>Khoản 2 Điều 411 quy định “Bên phải thực hiện nghĩa vụ sau có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ, nếu bên thực hiện nghĩa vụ trước chưa thực hiện nghĩa vụ”</p>	<p>Về cơ bản, quy định của BLDS và của PICC đvê nội dung này đã tương thích</p>	
4	<p>Sự khắc phục của bên có nghĩa vụ, Điều 7.1.4 PICC quy định: “1. Bên có nghĩa vụ có thể áp dụng mọi biện pháp để khắc phục việc không thực hiện bằng chi phí của mình, miễn là:</p> <p>a) bên này thông báo không chậm trễ về biện pháp đó và chỉ rõ nó sẽ được thực hiện khi nào và như thế nào;</p> <p>b) biện pháp đó là phù hợp với hoàn cảnh;</p> <p>c) bên có quyền không có lợi ích chính đáng nào để từ chối biện pháp đó; và</p> <p>d) biện pháp này được áp dụng không chậm trễ.</p> <p>2) Thông báo hủy hợp đồng không ảnh hưởng đến quyền khắc phục này.</p> <p>3) Khi thông báo khắc phục có hiệu lực, các quyền của bên có quyền mà không phù hợp với việc thực hiện các nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ sẽ bị tạm ngừng cho đến khi hết thời hạn quy định.</p> <p>4) Bên có quyền có thể tạm ngừng thực hiện các nghĩa vụ của mình khi mà việc khắc phục chưa được thực hiện.</p> <p>5) Mặc dù đã có sự khắc phục, bên có quyền vẫn có thể đòi bồi thường thiệt hại cho sự chậm trễ cũng như cho những tổn thất xảy ra hoặc không thể ngăn chặn được.</p>	<p>BLDS và LTM không có một quy định chung về các biện pháp khắc phục. Tuy nhiên rải rác trong một số quy định có quy định về nghĩa vụ thông báo hoặc quy định bên có quyền có thể yêu cầu bên vi phạm thực hiện những biện pháp khắc phục</p> <p>Khoản 2 Điều 353 BLDS quy định: “Bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải thông báo ngay cho bên có quyền biết về việc không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn.</p> <p>Khoản 2 Điều 356 quy định quyền của bên bị vi phạm yêu cầu bên có quyền giao vật cùng loại khác.”</p> <p>Quy định tại Điều 358 BLDS về quyền của bên có quyền tự thực hiện hoặc giao cho người khác thực hiện nghĩa vụ và yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại</p>	<p>BLDS chưa có quy định chung về quyền khắc phục vi phạm nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ để áp dụng chung cho mọi trường hợp, (chưa tương thích).</p> <p>Rải rác trong các quy định về từng trường hợp vi phạm, BLDS có quy định về biện pháp khắc phục. Tuy nhiên, BLDS quy định việc áp dụng các biện pháp khắc phục này là quyền của bên có quyền bị vi phạm, trong khi đó PICC quy định đây là quyền của bên có nghĩa vụ (chưa tương thích). Cách tiếp cận của PICC xuất phát từ nguyên tắc hợp tác và thiện chí phù hợp với thực tiễn hơn, vì bên có nghĩa vụ hiểu mình có khả năng áp dụng biện pháp khắc phục nào tốt nhất để đưa ra để xuất.</p>	<p>Quy định này của PICC dựa trên nguyên tắc hợp tác, thiện chí, trung thực và nhằm vào việc ổn định các giao dịch thương mại, mặc dù có vi phạm hợp đồng từ một phái.</p> <p>Nếu xây dựng Luật hợp đồng thương mại chung, nên lấy quy định này của PICC.</p>
5	<p>Thời hạn bổ sung thực hiện nghĩa vụ, điều 7.1.4 PICC quy định:“ 1.Trong trường hợp không thực hiện, bên có quyền có thể thông báo gia hạn thêm cho bên có nghĩa vụ một thời hạn</p>	<p>Khoản 4 Điều 354 BLDS quy định:” Bên có nghĩa vụ được hoãn thực hiện nghĩa vụ, nếu được bên có quyền đồng ý.... Việc thực hiện nghĩa vụ khi được hoãn vẫn được coi là thực hiện nghĩa vụ đúng hạn..”</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định quyền của bên có quyền trong việc gia hạn thêm thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, BLDS quy định quyền này chỉ áp dụng trong một số trường hợp, ví dụ chậm thực hiện</p>	<p>Nên quy định thành một quy định riêng áp dụng cho mọi trường hợp vi phạm hợp và mọi loại hợp đồng, nếu thích hợp, đặc biệt quy định cách xử lý quyền của bên bị vi</p>

	<p>bổ sung để bên này thực hiện nghĩa vụ”</p> <p>2.Trong suốt thời gian trước khi thời hạn này kết thúc, bên có quyền có thể dừng thực hiện các nghĩa vụ liên quan của mình và đòi bồi thường thiệt hại, nhưng không được viện dẫn bất kỳ biện pháp giải quyết nào khác. Tuy nhiên, bên có quyền có thể viện dẫn các biện pháp khác được quy định tại chương này khi bên có nghĩa vụ thông báo cho bên này biết về việc sẽ không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn bổ sung hoặc trong khoảng thời hạn bổ sung này, việc thực hiện đúng hợp đồng không diễn ra.</p> <p>3.Bên có quyền, trong thông báo, gia hạn bổ sung một khoảng thời gian hợp lý, có thể chấm dứt hợp đồng khi thời hạn này kết thúc nếu việc chậm thực hiện không phải là một trường hợp không thực hiện chủ yếu. Một thời hạn bổ sung có thời gian không hợp lý có thể được điều chỉnh cho hợp lý. Bên có quyền có thể, trong thông báo, qui định việc không thực nghĩa vụ trong thời hạn đã được bổ sung sẽ đương nhiên chấm dứt hợp đồng.</p> <p>4.Khoản trên không được áp dụng khi việc không thực hiện có vai trò rất nhỏ đối với toàn bộ nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ.</p>	<p>Khoản 2 Điều 437 BLDS quy định : “ Trường hợp bên bán giao ít số lượng hơn số lượng thỏa thuận ,thì bên mua có quyền: a. Nhận phần tài sản đã giao và ấn định thời hạn để bên bán thực hiện tiếp phần còn thiếu.</p> <p>Điều 550 BLDS quy định” Trường hợp bên nhận gia công chậm giao sản phẩm thì bên đặt gia công có thể gia hạn. Nếu hết thời hạn đó mà bên nhận gia công vẫn chưa hoàn thành công việc thì bên đặt gia công có thể yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng và bồi thường thiệt hại.</p>	<p>nghĩa vụ, thực hiện một phần nghĩa vụ hoặc chậm thực hiện công việc gia công (tương thích một phần)</p> <p>Ngoài ra PICC còn quy định cách xử lý của các bên khi ra hạn thêm để thực hiện nghĩa vụ cũng như khắc phục những sai sót khi thực hiện nghĩa vụ (dừng thực hiện nghĩa vụ của mình, yêu cầu bồi thường thiệt hại). BLDS có quy định về nội dung này, nhưng rải rác ở từng trường hợp cụ thể.</p> <p>Quy định về quyền đơn phương chấm,ms dứt hợp đồng nếu hết thời hạn bổ sung, nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện hoặc chưa được thực hiện đúng cũng được quy định rải rác trong một số điều khoản cụ thể của BLDS.</p>	<p>phạm trong thời hạn bổ sung, bảo đảm nguyên tắc hợp tác, ổn định và thiện chí.</p>
6	<p>Điều khoản miễn trừ, Điều 7.1.6 PICC quy định: “Mỗi bên không thể viện dẫn điều khoản hạn chế hay miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ, hoặc điều khoản cho phép thực hiện nghĩa vụ thực chất khác với nghĩa vụ mà bên kia có thể chờ đợi một cách hợp lý nếu, tính đến mục đích của hợp đồng, thì rõ ràng không thể chấp nhận việc thực hiện đó”.</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng “</p>	<p>Tuy nhiên, nếu vận dụng điều 123 BLDS để tuyên bố một điều khoản nào đó của HĐ trái với đạo đức xã hội là vô hiệu, thì hiệu quả cũng đạt được gần như hiệu quả của Điều 7.1.6 PICC. (gần tương thích)</p>	<p>Nếu xây dựng Luật hợp đồng thương mại, thì quy định này của PICC dễ vận dụng hơn, vì nó xuất phát từ nguyên tắc trung thực, một bên không thể lợi dụng một cách vô đạo đức phía bên kia để loại trừ trách nhiệm HĐ của mình.</p>
7	<p>Trường hợp bất khả kháng Điều 7.1.7PICC quy định: “ 1.Bên có nghĩa vụ được miễn trừ hậu quả do việc không thực hiện của bên mình, nếu chứng minh được rằng việc không thực hiện là do một trở ngại vượt khỏi tầm kiểm soát của mình, và không thể mong chờ một cách hợp lý ở mình xem xét được những trở ngại này vào thời</p>	<p>Khoản 2 Điều 351 BLDS quy định: Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện được đúng nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.</p> <p>Khoản 2 Điều 156 BLDS quy định về sự</p>	<p>BLDS tương thích với PICC ở điểm quy định miễn trách nhiệm (miễn trừ hậu quả do không thực hiện nghĩa vụ), nếu vi phạm nghĩa vụ hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>Định nghĩa sự kiện bất khả kháng của BLDS gần tương thích với định nghĩa về sự kiện bất khả kháng của PICC. Tuy</p>	<p>Quy định về sự kiện Bất khả kháng của BLDS hiện tại được đặt ở chương quy định về thời hiệu và chủ yếu để xác định xem yêu cầu khởi kiện có đảm bảo thời hiệu hay không.</p> <p>Trong hệ thống pháp luật Việt Nam</p>

	<p>điểm ký kết hợp đồng, dự đoán hay vượt qua được trở ngại hoặc dự đoán được hay vượt qua được hậu quả của trở ngại đó.</p> <p>2. Khi trở ngại chỉ có ý nghĩa tạm thời, sự miễn trừ có hiệu lực trong một thời hạn hợp lý có tính đến các hậu quả của trở ngại đối với việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>3. Bên có nghĩa vụ phải thông báo cho bên có quyền về sự tồn tại của trở ngại và ảnh hưởng của chúng đối với khả năng thực hiện của mình. Nếu thông báo không đến tay người nhận trong khoảng thời hạn hợp lý kể từ khi bên có nghĩa vụ biết hoặc buộc phải biết về trở ngại, bên có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra do không nhận được thông báo.</p> <p>4. Những qui định của điều khoản này không ngăn cấm các bên thực hiện quyền huỷ hợp đồng, hoãn thực hiện nghĩa vụ hoặc yêu cầu thanh toán tiền lãi cho khoản tiền đến hạn.</p>	<p>kiện bất khả kháng như sau: “ sự kiện bất khả kháng là sự kiện khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”.</p>	<p>nhiên định nghĩa của PICC nêu rõ tính vượt tầm kiểm soát và khả năng lường trước vòa thời điểm ký kết hợp đồng.</p> <p>BLDS cũng không quy định nữa vụ thông báo của bên có nghĩa vụ khi xuất hiện sự kiện bất khả kháng và hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ này</p>	<p>về hợp đồng, nên bổ sung một quy định về sự kiện bất khả kháng, để đáp ứng với thực tiễn các sự kiện bất thường của thiên nhiên hoặc sự kiện do con người gây ra nhưng nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên tham gia hợp đồng và những sự kiện này là nguyên nhân không thực hiện hoặc không thực hiện đúng hợp đồng.</p>
	<p>7.2 Quyền yêu thực hiện hợp đồng</p> <p><i>Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán 7.2 .1 PICC quy định:</i> Khi một bên có nghĩa vụ trả một khoản tiền mà không trả thì bên có quyền được yêu cầu thanh toán.</p>	<p>BLDS và LTM chỉ quy định không có quy định chung về quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà chỉ có quy định về thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn, đúng phương thức như các bên đã thỏa thuận (Điều 280 BLDS, Đ 50 LTM) và trách nhiệm dân sự trong trường hợp chậm trả tiền.</p>	<p>BLDS, LTM Chưa có quy định tương thích về quyền được yêu cầu thanh toán (yêu cầu trực tiếp và khởi kiện ra tòa án). Trên thực tế quyền này vẫn luôn luôn tồn tại và được thực hiện.</p>	
8	<p>7.2.2 Quyền yêu cầu thực hiện hợp đồng</p> <p><i>Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ trả tiền,</i> Điều 7.2.2 PICC quy định : “Khi bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ thanh toán, bên có quyền có thể yêu cầu nghĩa vụ phải thực hiện, trừ khi:</p> <p>a) Không thể thực hiện nghĩa vụ theo qui định của pháp luật hay trên thực tế;</p> <p>b) Việc thực hiện nghĩa vụ hoặc, nếu có thể, các phương thức thực hiện nghĩa vụ đòi hỏi cố gắng hoặc những khoản chi phí không thể chấp nhận được;</p> <p>c) Bên có quyền có thể nhận một cách hợp lý</p>	<p>Điều 352 BLDS quy định” Khi bên có nghĩa vụ thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình, thì bên có quyền được yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ”</p> <p>Ngoài ra , trong các quy định về các loại hợp đồng cụ thể BLDS cũng có quy định về quyền này, ví dụ Điều 270 BLDS quy định về thực hiện nghĩa vụ giao vật. 281 BLDS quy định về thực hiện nghĩa vụ thực hiện hoặc không thực hiện một công việc, theo đó bên có nghĩa vụ phải giao đúng vật (đúng loại) hoặc thực hiện đúng công việc.</p>	<p>BLDS đã tương thích với PICC ở điểm đã quy định quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ.</p> <p>Tuy nhiên chưa có quy định về các trường hợp loại trừ như quy định của PICC</p>	<p>Xuất phát từ nguyên tắc các bên phải ràng buộc vào hợp đồng đã ký kết, thì một quy định chung về quyền yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ như quy định của PICC là cần thiết để ổn định các giao dịch thương mại. Mặt khác, cũng cần có quy định mở để bên có nghĩa vụ có thể được giải phóng khỏi nghĩa vụ, nếu nghĩa không thể thực hiện được. BLDS cần bổ sung những ngoại lệ như quy định của PICC</p>

	<p>được việc thực hiện nghĩa vụ bằng nguồn khác;</p> <p>d)Việc thực hiện mang tính tuyệt đối cá nhân; hay</p> <p>d)Bên có quyền không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trong một thời hạn hợp lý kể từ thời điểm bên này đã biết hoặc lẽ ra phải biết về việc không thực hiện nghĩa vụ.</p>			
9	<p>Sửa chữa và thay thế, Điều 7.2.3 PICC quy định: “Tuỳ từng trường hợp, quyền yêu cầu thực hiện bao gồm yêu cầu sửa chữa hoặc thay thế vật cũng như tất cả các biện pháp khác phục việc thực hiện không đúng. Các quy định của các Điều 7.2.1 và 7.2.2 cũng áp dụng trong trường hợp này.</p>	<p>BLDS không có quy định về sửa chữa, thay thế áp dụng chung cho các loại hợp đồng thích hợp. Tuy nhiên đã có quy định này tại các điều riêng rẽ như Điều 445 ... “ bên mua có quyền yêu cầu bên bán sửa chữa, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác hoặc yêu cầu giảm giá và bồi thường thiệt hại...”. Hoặc khoản 4 Điều 545 BLDS quy định:” Trường hợp sản phẩm gia công không bảo đảm chất lượng mà bên đặt gia công vẫn nhận và yêu cầu sửa chữa lại nhưng bên nhận gia công không thể sửa chữa lại được trong thời hạn thỏa thuận thì bên đặt gia công có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và bồi thường thiệt hại.</p>	<p>BLDS không có quy định về sửa chữa, thay thế áp dụng chung cho các loại hợp đồng thích hợp. Tuy nhiên đã có quy định này tại các điều riêng rẽ như Điều 445 (hợp đồng mua bán) điều 545 HĐ gia công). Như vậy, về cơ bản BLDS đã tương thích với quy định của PICC về nội dung này</p>	<p>Nếu xây dựng Luật hợp đồng thương mại , thì một quy định như quy định của PICC là khuyến nghị hợp lý.</p>
10	<p>Tiền phạt do tòa án ấn định để buộc thi hành nghĩa vụ Điều 7.2.4 PICC quy định: “1.Toà án ra quyết định buộc bên có nghĩa vụ phải hoàn thành nghĩa vụ của mình cũng có thể ấn định một khoản tiền phạt áp dụng cho trường hợp bên này không tuân thủ quyết định của tòa án</p> <p>2.Tiền phạt có thể được thanh toán cho bên có quyền, trừ trường hợp những quy định bắt buộc ở nơi xét xử có qui định khác. Việc thanh toán tiền phạt không làm mất đi quyền đòi bồi thường thiệt hại của người có quyền.</p>	<p>BLDS và Bộ Luật tố tụng dân sự Việt Nam chưa có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Trong hoạt động thương mại, một quy định như quy định tại Điều 7.2.4 của PICC cho thấy là hợp lý, nhằm tăng hiệu quả tuân thủ quyết định của tòa án, củng cố nguyên tắc ràng buộc vào hợp đồng có hiệu lực, ổn định giao lưu thương mại.</p>
11	<p>Thay đổi biện pháp, Điều 7.2.5 PICC quy định:”Bên có quyền, sau khi đã yêu cầu thực hiện nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ thanh toán mà vẫn không nhận được việc thực hiện trong thời hạn ấn định hoặc, nếu không có thời gian ấn định, trong một thời hạn hợp lý, có thể viện dẫn đến các biện pháp xử lý khác.</p> <p>Khi quyết định của tòa về việc thực hiện một nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ thanh toán không thể được cưỡng chế thực hiện, bên có</p>	<p>BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS và LTM chưa có quy định khẳng định nguyên tắc, trước hết ưu tiên biện pháp tiếp tục thực hiện hợp đồng trong một thời gian hợp lý, nếu không thực hiện được, mới sử dụng các biện pháp khác (chưa tương thích). Tuy nhiên trên thực tiễn vẫn nguyên tắc này vẫn được áp dụng,</p>	<p>Nguyên tắc này của PICC củng cố thêm nguyên tắc ràng buộc vào hợp đồng có hiệu lực, ổn định các giao dịch, ổn định thị trường. Mặc dù nguyên tắc này vẫn ngầm được hiểu ở VN nhưng chưa quy định thành nguyên tắc pháp lý trong Luật, cần nghiên cứu để bổ sung.</p>

12	<p>quyền có thể viện dẫn mọi biện pháp khác</p> <p>Quyền hủy hợp đồng, Điều 7.3.1 PICC quy định: " 1.Một bên có thể hủy hợp đồng nếu bên có nghĩa vụ không thực hiện một cách chủ yếu nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>2. Để xác định yếu tố cấu thành việc không thực hiện một cách chủ yếu nghĩa vụ hợp đồng, đặc biệt căn cứ vào những tình tiết sau đây:</p> <p>a)Việc không thực hiện làm mất đi chủ yếu những gì người có quyền được mong đợi từ hợp đồng, trừ trường hợp bên có nghĩa vụ đã không dự tính trước hoặc đã không thể dự tính trước một cách hợp lý hậu quả này;</p> <p>b)Việc thực hiện nghiêm ngặt nghĩa vụ là bản chất của hợp đồng;</p> <p>c)Việc không thực hiện là cố ý hoặc không tính đến hậu quả;</p> <p>d)Việc không thực hiện khiến cho bên có quyền tin rằng không thể tin cậy vào việc tiếp tục thực hiện hợp đồng trong tương lai;</p> <p>e) Trong trường hợp hủy hợp đồng, bên có nghĩa vụ có thể sẽ phải chịu những tổn thất quá mức do sự chuẩn bị hoặc việc thực hiện hợp đồng;</p> <p>3.Trong trường hợp chậm trễ, bên có quyền cũng có thể hủy hợp đồng nếu bên có nghĩa vụ không thực hiện trong thời hạn được quy định tại Điều 7.1.5.</p>	<p>Điều 423 BLDS quy định:Một bên có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận</p> <p>b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng;</p> <p>c) Trường hợp khác do Luật quy định.</p> <p>2. Vi phạm nghiêm trọng là việc thực hiện không đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích hợp đồng.</p> <p>3. Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.</p> <p>Điều 424 BLDS quy định: " 1.Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ mà bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trong một thời hạn hợp lý nhưng bên có nghĩa vụ không thực hiện thì bên có quyền có thể hủy bỏ hợp đồng "</p> <p>2.Trong trường hợp do bản chất hợp đồng hoặc do ý chí của các bên, mục đích của hợp đồng không đạt được, nếu không được thực hiện trong một thời hạn nhất định và hết thời hạn đó bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, thì bên kia có thể hủy bỏ hợp đồng mà không phải tuân thủ quy định tại khoản 1".</p>	<p>Quy định về quyền hủy bỏ hợp đồng và của PICC về cơ bản tương thích với nhau.BLDS và PICC đều có quy định chung về quyền hủy bỏ hợp đồng của bên có quyền bị vi phạm khi phía bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng. BLDS dùng khái niệm "nghiêm trọng", PICC dùng khái niệm "cơ bản " . Cả hai văn bản đều có định nghĩa về mức độ nghiêm trọng hoặc " cơ bản". PICC liệt kê một số tình tiết để căn cứ vào đây các bên hoặc tòa án quyết định vi phạm nghĩa vụ có cơ bản hay không, BLDS dựa vào tiêu chí mục đích hợp đồng không đạt được.</p> <p>Quy định tại Khoản 1` Điều 424 BLDS tương thích với quy định tại khoản 3 của Điều 7.3.1.</p> <p>Quy định tại khoản 2 Điều 424 BLDS tương thích với quy định tại khoản 2 điểm c Điều 7.3.1 PICC.</p>	<p>Cách quy định của BLDS về nội dung này là hợp lý. Sau này trong bình luận BLDS sẽ quy định chi các tình tiết để khẳng định mục đích hợp đồng không đạt được.</p>
13	<p>Thông báo hủy hợp đồng , Điều 7.3.1 PICC quy định: "Việc hủy hợp đồng được thực hiện bằng thông báo cho bên có nghĩa vụ biết. Khi có thông báo việc thực hiện chậm trễ hoặc việc thực hiện không đúng, bên có quyền mất quyền hợp đồng, nếu không thông báo về ý định hủy bỏ hợp đồng cho bên kia trong một thời hạn hợp lý kể từ khi đã biết hoặc lẽ ra phải biết về việc thông báo về vi phạm nghĩa vụ hay về việc vi phạm hợp đồng của phía bên kia</p>	<p>Khoản 3 Điều điều 423 BLDS quy định: "Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường"</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định nghĩa vụ thông báo về việc hủy bỏ hợp đồng từ phía bên có quyền hủy bỏ.(Tương thích). Tuy nhiên hậu quả của việc không thông báo được quy định khác nhau, BLDS quy định vi phạm nghĩa vụ thông báo phải bồi thường thiệt hại phát sinh. PICC quy định vi phạm nghĩa vụ thông báo thì mất quyền hủy bỏ hợp đồng. Ngoài ra,BLDS quy định phải thông báo ngay. PICC quy định thông báo trong một thời gian hợp lý (chưa tương thích).</p>	<p>Cách thức quy định về hậu quả cũng như thời hạn thông báo hủy bỏ hợp đồng của PICC hợp lý hơn so với quy định của BLDS. Có thể học PICC ở điểm này.</p>

14	<p>Hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện khi dự liệu trước bên kia không thực hiện hợp đồng: Điều 7.3.3 PICC quy định:” Một bên có thể hủy hợp đồng trước khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ, nếu thấy rõ bên kia về cơ bản sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình”</p>	<p>Điều 426 BLDS quy định : “ 1Trường hợp một bên làm mất làm hư hỏng tài sản là đối tượng của hợp đồng mà không thể hoàn trả, đền bù bằng tài sản khác hoặc không thể sửa chữa hoặc thay thế bằng tài sản cùng loại, thì bên kia có quyền hủy bỏ hợp đồng”</p>	<p>BLDS chưa quy định chung về quyền hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp tiên đoán chắc chắn hợp đồng không thể thực hiện được khi hết hạn hợp đồng (chưa tương thích)</p> <p>Điều 426 BLDS áp dụng đối với trường hợp nghĩa vụ HĐ không thể thực hiện được sau khi ký kết hợp đồng. Tuy không quy định rõ, nhưng có thể hủy bỏ HĐ trước khi đến hạn, nếu không thể thực hiện được nghĩa vụ giao vật như điều 426. Như vậy, Điều 426 BLDS tương thích một phần với quy định tại Điều 7.3.3 của PICC</p>	<p>Quy định này hỗ trợ bên có quyền sớm thoát ra khỏi một hợp đồng mà chắc chắn sẽ không thể thực hiện được vào thời điểm đáo hạn. Đây là một ngoại lệ của nguyên tắc ràng buộc vào hợp đồng đã có hiệu lực.</p> <p>Nên bổ sung quy định như quy định tương ứng của PICC.</p>
15	<p>Bảo đảm thích hợp cho việc thực hiện đúng Điều 7.3.4 PICC quy định:” Nếu một bên có căn cứ tin một cách hợp lý rằng bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ một cách cơ bản thì có thể yêu cầu bên đó thực hiện biện pháp bảo đảm thích hợp để thực hiện đúng nghĩa vụ. trong khoảng thời gian đó bên có quyền có thể, tạm dừng việc thực hiện nghĩa vụ của riêng mình. Nếu biện pháp bảo đảm không được thực hiện trong một thời hạn thích hợp, bên yêu cầu thực hiện biện pháp bảo đảm có thể yêu cầu hủy bỏ hợp đồng”.</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS chưa tương thích với PICC về nội dung này, mặc dù thực tế hợp đồng cũng đã vận dụng nguyên tắc này</p>	<p>Trên tinh thần thiện chí,hợp tác, nên quy định quyền yêu cầu thực hiện biện pháp bảo đảm thích hợp để bảo đảm cho việc thực hiện đúng hợp đồng như quy định của PICC.</p>
16	<p>Hậu quả của việc hủy hợp đồng, Điều 7.3.5 PICC quy định:” 1.Việc hủy hợp đồng giải phóng các bên khỏi những nghĩa vụ của mình trong tương lai.</p> <p>2.Việc hủy hợp đồng không loại trừ quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại cho việc không thực hiện.</p> <p>3.Việc hủy hợp đồng không ảnh hưởng tới các điều khoản hợp đồng về giải quyết tranh chấp hay tới mọi điều khoản khác vẫn có hiệu lực sau khi hủy bỏ hợp đồng.</p>	<p>Điều 427 BLDS quy định:”1. khi hợp đồng bị hủy bỏ, hợp đồng không có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp”.</p>	<p>Về cơ bản quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng của BLDS và của PICC đã tương thích với nhau.</p> <p>Tuy nhiên, PICC quy định tác động của việc hủy bỏ hợp đồng đối với việc thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai, trong khi đó BLDs quy định tác động hồi tố của việc hủy bỏ hợp đồng.</p>	<p>Để ổn định các quan hệ thương mại, nên quy định việc hủy bỏ hợp đồng chỉ có tác động đối với tương lai, tức là các bên được miễn khỏi những nghĩa vụ của mình trong tương lai theo quy định của PICC.</p>
17	<p>Hoàn trả, Điều 7.3.6 PICC quy định:” 1. Sau khi hủy hợp đồng, mỗi bên có thể yêu cầu bên kia hoàn trả những gì mình đã cung cấp, với điều kiện là đồng thời hoàn trả cho bên kia</p>	<p>Khoản 2 Điều 427 BLDS quy định “ Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ chi phí thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản.</p>	<p>Về cơ bản quy định tại khoản 2 của Điều 427 BLDS đã tương thích với quy định của PICC về nghĩa vụ hoàn trả và cách hoàn trả .</p>	<p>Nên bổ sung quy định tương ứng như quy định tại khoản 2 Điều 7.3.6 của PICC.</p>

	<p>những gì đã nhận. Nếu việc hoàn trả bằng hiện vật không thể thực hiện được hoặc không thích đáng thì phải hoàn trả bằng giá trị tương đương nếu việc làm đó là hợp lý.</p> <p>2. Tuy vậy, nếu việc thực hiện hợp đồng đã được trải dài trong thời gian và hợp đồng có thể phân chia được theo phần, thì việc hoàn trả chỉ có thể diễn ra cho giai đoạn sau của việc hủy hợp đồng.</p>	<p>Việc hoàn trả thực hiện bằng vật. Trường hợp không hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá bằng tiền để hoàn trả. Trường hợp các bên cùng có nghĩa vụ hoàn trả thì việc hoàn trả phải được thực hiện vào cùng một thời điểm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.</p>	<p>Tuy nhiên BLDS chưa có quy định tương ứng với quy định tại khoản 2 của Điều 7.3.6 của PICC. Quy định của khoản 2 điều 7.3.6 của PICC phù hợp với quan điểm hợp tác và ổn định quan thương mại, tránh gây xáo trộn không cần thiết đối với các quan hệ dài hạn có thể phân chia theo phần.</p>	
18	<p>Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, Điều 7.4.1 PICC quy định:” Việc không thực hiện một nghĩa vụ đem lại cho bên có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, hoặc là biện pháp duy nhất hoặc đồng thời với những biện pháp khác, ngoại trừ những trường hợp được miễn trừ trách nhiệm được quy định trong Bộ Nguyên tắc này”.</p>	<p>Điều 360 BLDS quy định ” Trường hợp có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra, thì bên có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.</p> <p>Ngoài ra, BLDS quy định còn quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại riêng rẽ trong từng trường hợp vi phạm nghĩa vụ ĐĐ cụ thể (ví dụ điều 437,438,439, 465, 480,482,489 493.....)</p>	<p>Quy định của BLDS và của PICC về quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại tương thích với nhau.</p>	<p>Cách quy định của BLDS về quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại là hợp lý.</p>
19	<p>Bồi thường toàn bộ thiệt hại, Điều 7.4.2 PICC quy định:” 1. Bên có quyền có quyền đòi bồi thường toàn bộ những thiệt hại mà mình đã phải chịu từ việc không thực hiện. Thiệt hại bao gồm những tổn thất mà bên này đã phải gánh chịu và những lợi nhuận bị mất đi, trong đó có tính đến mọi khoản lợi cho bên có quyền từ một khoản chi phí hay tổn thất tránh được.</p> <p>2. Thiệt hại có thể là thiệt hại phi vật chất, ví dụ như những đau đớn mà thể xác phải chịu hay những lo lắng về tinh thần.</p>	<p>Điều 419 BLDS quy định:” 1. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng được xác định theo khoản 2 điều này, Điều 13 và Điều 360 và tiếp theo của BLDS.</p> <p>2. Người có quyền yêu cầu có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà lẽ ra mình sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại. Người có quyền yêu cầu còn có thể yêu cầu bồi thường chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không trùng lặp mức bồi thường thiệt hại do lợi ích hợp đồng mang lại.</p> <p>3. Theo yêu cầu của người có quyền tòa án có thể buộc người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người có quyền...”.</p> <p>Điều 13 BLDS quy định các nhân, pháp nhân có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc PI có quy định khác.</p> <p>Điều 361 của BLDS quy định “2. Thiệt hại vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí</p>	<p>Các quy định của BLDS đã tương thích với quy định của PICC về nội dung này.</p> <p>BLDS và PICC đều có quy định về bồi thường toàn bộ thiệt hại (tương thích). Ngoài ra, cả hai văn bản đều quy định thiệt hại bao gồm cả thiệt hại vật chất và thiệt hại tinh thần (tương thích). Cả hai văn bản đều xác định thiệt hại vật chất bao gồm cả sự mất đi hoặc hạn chế của lợi nhuận sẽ mang lại cho bên có quyền (tương thích) .</p> <p>Tuy nhiên cách quy định của Việt Nam có phần phức tạp, quy định trùng lặp ở nhiều điều khoản khác nhau</p>	<p>Cách quy định</p> <p>Cách quy định của PICC là hợp lý, tránh được tình trạng trùng lặp gây khó khăn cho người áp dụng, cần được học hỏi.</p>

		<p>thực tế để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút.</p> <p>3.Thiệt hại tinh thần là những tổn thất về tinh thần do bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự uy tín và các lợi ích nhân thân khác của một chủ thể</p>		
20	<p>Tính xác định được của thiệt hại Điều 7.4.3 PICC quy định: “1.Những thiệt hại, kể cả những thiệt hại trong tương lai, chỉ có thể được bồi thường khi ở một mức độ hợp lý khi chúng có thể xác định được.</p> <p>2.Sự mất một cơ hội có thể được bồi thường trong phạm vi của khả năng thành hiện thực của cơ hội.</p> <p>3.Khi không thể xác định được thiệt hại một cách đầy đủ, thì Tòa án xác định thiệt hại”.</p>	<p>Điều 361 của BLDS quy định “2.Thiệt hại vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí thực tế để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút.</p>	<p>Cả BLDS và PICC đều quy định về tính xác định được của thiệt hại. PICC dùng khái niệm “xác định được”, BLDS dùng khái niệm “thực tế xác định được”. Về bản chất hai khái niệm này đồng nhất.</p> <p>Tuy nhiên, BLDS chưa đề cập đến thiệt hại do mất khả năng kinh doanh như quy định tại khoản 2 của Điều 7.4.3 của PICC</p>	<p>Phù hợp với thực tiễn kinh doanh, nên bổ sung quy định về thiệt hại do mất cơ hội kinh doanh.</p>
21	<p>Tính dự đoán trước được của thiệt hại, Điều 7.4.4 PICC quy định: “Bên có nghĩa vụ chỉ chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại mà mình đã dự đoán trước hoặc đã có thể dự đoán trước một cách hợp lý vào thời điểm giao kết hợp đồng như là một hậu quả có thể xảy ra từ việc không thực hiện”</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS chưa tương thích với PICC</p> <p>Đây là một quy định của PICC đáp ứng thực tế kinh doanh. Vì khi giao kết hợp đồng các bên thường dự liệu được khả năng phải bồi thường thiệt hại và mức bồi thường thiệt hại để mua bảo hiểm hoặc có biện pháp bảo đảm an toàn. Do vậy, mức thiệt hại có thể được bồi thường được hạn chế lại theo mức mà họ đã dự đoán được hoặc phải dự đoán được khi ký kết hợp đồng</p>	<p>Có thể học quy định này, nêu xây dựng Luật hợp đồng thương mại.</p>
22	<p>Xác định thiệt hại trong trường hợp ký hợp đồng thay thế, Điều 7.4.5 PICC quy định: “Bên có quyền đã huỷ hợp đồng và ký kết một hợp đồng thay thế trong một thời hạn hợp lý bằng một cách thức hợp lý, có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng khoản chênh lệch về giá thoả thuận tại hợp đồng ban đầu so với và giá của hợp đồng thay thế và yêu cầu bồi thường những thiệt hại khác.</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng</p>	<p>BLDS chưa tương thích với PICC</p>	<p>Có thể học hỏi PICC để bổ sung</p>

23	<p>Xác định thiệt hại theo giá thị trường, Điều 7.4.6 PICC quy định: "1. Bên có quyền, sau khi huỷ hợp đồng, mà không thiết lập một hợp đồng thay thế khác có thể đòi bồi thường cho khoản chênh lệch giữa giá thoả thuận ban đầu của hợp đồng và giá trên thị trường tại ngày huỷ hợp đồng nếu tồn tại giá thị trường cho nghĩa vụ thoả thuận và yêu cầu bồi thường cho những thiệt hại khác.</p> <p>2. Giá trên thị trường là giá nói chung được trả cho hàng hoá hoặc dịch vụ cung ứng trong những hoàn cảnh có thể so sánh được ở nơi mà hợp đồng lẽ ra phải được thực hiện hoặc, khi không xác định được giá thị trường của nơi này, là giá thị trường được trả ở một nơi khác mà xét thấy hợp lý lấy để xác định.</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng	BLDS chưa tương thích với PICC	Có thể học hỏi PICC để bổ sung
24	<p>Một phần thiệt hại do lỗi của bên có quyền, Điều 4.4.7 PICC quy định "Khi thiệt hại do một phần lỗi của bên có quyền bởi hành vi hoặc bất hành vi của bên đó hoặc do một sự kiện mà bên có quyền phải chịu rủi ro, thì khoản tiền bồi thường sẽ được giảm tương ứng với mức độ mà các yếu tố trên góp phần gây nên thiệt hại, trong đó có tính đến hành xử của các bên"</p>	Điều 363 BLDS quy định: "Trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ và có thiệt hại một phần do lỗi của bên bị vi phạm, thì bên vi phạm chỉ phải bồi thường thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi của mình"	<p>Về cơ bản, quy định của BLDS đã tương thích với quy định của PICC.</p> <p>Tuy nhiên, BLDS chưa quy định về giảm mức bồi thường thiệt hại do rủi ro mà rủi ro đó do bên bị vi phạm phải gánh chịu.</p>	Bổ sung thêm phần giảm mức bồi thường thiệt hại do rủi ro mà bên bị vi phạm phải gánh chịu.
25	<p>Hạn chế thiệt hại, Điều 7.4.8 PICC quy định : "Bên có nghĩa vụ không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại mà bên có quyền lẽ ra có thể hạn chế được bằng những biện pháp hợp lý.</p> <p>Bên có quyền có thể đòi đền bù những chi phí hợp lý đã chi nhằm hạn chế thiệt hại"</p>	Điều 362 BLDS quy định: "Bên có quyền phải áp dụng các biện pháp cần thiết để thiệt hại không xảy ra hoặc hạn chế thiệt hại cho mình hoặc"	<p>Khi kết hợp hai điều 362 và 363 của BLDS thì kết quả cũng đạt được như nội dung của Điều 7.4.8 của PICC. Như vậy về nội dung quy định của BLDS và quy định của PICC tương thích . Tuy nhiên cách quy định của PICC rõ ràng và dễ vận dụng hơn cách quy định của BLDS.</p>	Có thể bổ sung để dễ áp dụng hơn.
26	<p>Lãi từ việc không thanh toán, Điều 7.4.9 PICC quy định : "Trong trường hợp không được thanh toán một khoản tiền đến hạn, bên có quyền được quyền yêu cầu bên kia trả tiền lãi cho khoản tiền này từ thời hạn thanh toán đến hạn cho đến ngày thanh toán, kể cả khi người chậm thanh toán không có lỗi..</p> <p>2. Tỷ lệ lãi suất là tỷ lệ lãi suất trung bình cho vay ngắn hạn của ngân hàng cho đồng tiền</p>	<p>Điều 357 BLDS quy định: " Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.</p> <p>2. Lãi suất phát sinh do trả chậm theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt qua mức quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật này. Nếu không thỏa thuận được thì áp dụng khoản 2 Điều 468".</p> <p>Điều 468 "1. Lãi suất do các bên thỏa thuận.</p>	<p>Về cơ bản, BLDS đã tương thích một phần với quy định của PICC ở điểm, cùng quy định nghĩa vụ của bên trả chậm phải trả tiền lãi. Tuy nhiên, theo quy định của PICC, bên thanh toán chậm phải trả tiền lãi bất kể việc thanh toán chậm có do lỗi của mình hay không.</p> <p>Về lãi suất quy định của PICC và BLDS không tương thích, trong khi PICC tính lãi suất theo mức lãi suất trung bình cho</p>	Quy định về xác định mức lãi suất của PICC phù hợp với tính chất của nền kinh tế thị trường và linh hoạt áp dụng cho mọi trường hợp bất kể đó là giao dịch trong nước thuần túy hay là giao dịch quốc tế, nên cần được học hỏi.

	<p>thanh toán của hợp đồng tại địa điểm và tại thời điểm việc thanh toán phải được thực hiện, nếu không xác định được tỷ lệ lãi suất này tại địa điểm trên thì áp dụng tỷ lệ lãi suất trung bình cho vay ngắn hạn của quốc gia có đồng tiền thanh toán. Nếu không xác định được cả hai tỷ lệ lãi trên, thì tỷ lệ lãi suất là tỷ lệ lãi thích hợp được xác định bởi luật của quốc gia có đồng tiền thanh toán.</p> <p>3. Bên có quyền ngoài ra còn được quyền yêu cầu bồi thường cho mọi thiệt hại khác</p>	<p>Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất, thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/ năm của khoản vay, trừ trường hợp Luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ vào tình hình thực tế, theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và phải báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.</p> <p>Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt mức quy định tại khoản này, thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.</p> <p>2. Trường hợp các bên có thỏa thuận lãi nhưng không xác định được mức lãi suất, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ.</p>	<p>vay ngắn hạn tại địa điểm và thời điểm thanh toán. thì BLDS quy định các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 20% / năm.</p>	
27	<p>Tiền lãi từ khoản tiền bồi thường thiệt hại Điều 7.4.10 PICC quy định: "Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, tiền bồi thường thiệt hại do không thực hiện nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ thanh toán làm phát sinh tiền lãi từ ngày không thực hiện".</p>	<p>BLDS còn bỏ ngõ chưa có quy định tương ứng.</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Nên bổ sung quy định này theo quy định của PICC để khắc phục chỗ hỏng của PL hiện nay là có phải trả lãi tiền bồi thường thiệt hại hay không và nếu có thì từ thời điểm nào?</p>
28	<p>Phương thức bồi thường bằng tiền, Điều 7.4.11 của PICC quy định: "1. Tiền bồi thường thiệt hại được trả một lần duy nhất. Tuy nhiên, có thể trả theo định kỳ, nếu việc trả theo định kỳ phù hợp với bản chất của thiệt hại.</p> <p>2. Những thanh toán định kỳ có thể được kèm theo chỉ số trượt giá".</p>	<p>BLDS còn bỏ ngõ chưa có quy định tương ứng.</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Quy định này của PICC dựa trên nguyên tắc quy định tại điểm 6.1.2 theo đó về cơ bản nghĩa vụ phải được thực hiện một lần. Nguyên tắc này phù hợp với yêu cầu của các giao lưu thương mại. Có thể bổ sung vào BLDS.</p>
29	<p>Đồng tiền được sử dụng để trả tiền bồi thường thiệt hại, Điều 7.4.12 PICC quy định "Thiệt hại được tính hoặc bằng đồng tiền quy định trong điều khoản về nghĩa vụ thanh toán, hoặc bằng đồng tiền tại nơi thiệt hại phát sinh, tùy theo đồng tiền nào thích hợp nhất".</p>	<p>BLDS không có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Quy định này của PICC phù hợp với yêu cầu của hoạt động thương mại quốc tế. Cần học để quy định trong Luật hợp đồng thương mại (nếu được xây dựng).</p>
30	<p>Thỏa thuận về trả một khoản tiền cho việc không thực hiện hợp đồng, Điều 7.4.13 PICC quy định: " Khi hợp đồng quy định bên không thực hiện nghĩa vụ sẽ phải trả một khoản tiền</p>	<p>Điều 418 BLDS quy định về thỏa thuận phạt vi phạm như sau: " 1 Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng theo đó bên vi phạm phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.</p>	<p>Về bản chất, quy định của PICC và quy định của BLDS tương thích với nhau. PICC quy định khoản tiền phạt theo thỏa thuận độc lập, không phụ thuộc vào thiệt hại có phát sinh hay không và trong tương</p>	<p>Sẽ hợp lý hơn, nếu quy định của BLDS sửa theo hướng áp dụng khoản tiền phạt vi phạm sẽ loại trừ quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và khả năng có thể giảm mức phạt,</p>

	<p>nhất định do việc không thực hiện, bên có quyền sẽ được hưởng khoản tiền này một cách độc lập với thiệt hại thực tế phải gánh chịu</p> <p>2. Tuy vậy, mặc dù có thoả thuận khác, khoản tiền này có thể được giảm một cách hợp lý nếu nó cao hơn quá mức so với thiệt hại gây ra do việc không thực hiện và do các hoàn cảnh khác”</p>	<p>2. Mức phạt do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp các luật có liên quan có quy định khác.</p> <p>3 Các bên có thể thỏa thuận bên bị vi phạm chỉ phải trả tiền phạt hoặc vừa phải trả tiền phạt vừa phải trả tiền bồi thường thiệt hại</p>	<p>quan với thiệt hại, nó chỉ có thể bị giảm đi, nếu cao hơn một cách quá đáng so với thiệt hại thực tế nhưng không thể được nâng lên, nếu thiệt hại cao hơn mức phạt đã thỏa thuận. Ngược lại BLDS quy định tiền phạt theo thỏa thuận có thể loại trừ việc bồi thường thiệt hại hoặc được áp dụng đồng thời với việc bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên BLDS không có quy định về việc bù trừ giữa hai khoản này.</p>	<p>nếu nó cao hơn một cách quá đáng so với thiệt hại phát sinh. Cách quy định như vậy sẽ vừa đảm bảo chức năng răn đe lẫn chức năng bồi thường thiệt hại của khoản tiền phạt vi phạm.</p>
--	--	--	---	---

Phần 8 Bù trừ

STT	<p>Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế (Công ước Viên)</p>	<p>Nội dung quy định của văn bản được rà soát</p> <p>Bộ luật Dân sự (BLDS)</p> <p>Luật Thương mại (LTM)</p> <p>Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)</p>	Phân tích mức độ tương thích	Kiến nghị xử lý
1	<p>Điều kiện bù trừ Điều 8.1 PICC quy định :”1. Trong trường hợp hai người đồng thời có nghĩa vụ với nhau về một khoản tiền hoặc các khoản nợ có bản chất như nhau, thì một trong hai bên (gọi là bên thứ nhất) có thể bù trừ khoản nợ của mình đối với bên có quyền (gọi là bên kia) nếu như, vào thời điểm bù trừ,</p> <p>a) Bên thứ nhất có quyền trả nợ;</p> <p>b) Khoản nợ của bên kia có thể xác định được xét về sự tồn tại và về trị giá, và có thể được đòi.</p> <p>2. Nếu các khoản nợ của hai bên xuất phát từ cùng một hợp đồng, thì bên thứ nhất có thể bù trừ khoản nợ của mình với khoản nợ của bên kia mà khoản nợ này không chắc chắn xét về sự tồn tại và về trị giá.</p>	<p>Điều 378 BLDS quy định: Trường hợp các bên cùng có nghĩa vụ tài sản cùng loại với nhau, thì khi đến hạn họ không phải thực hiện nghĩa vụ đối với nhau và nghĩa vụ được xem là chấm dứt, trừ trường hợp luật có quy định khác .</p> <p>Điều 379 BLDS quy định:” nghĩa vụ không được bù trừ trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1 Nghĩa vụ đang có tranh chấp; 2. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm , danh dự uy tín; 3. Nghĩa vụ cấp dưỡng 4. Nghĩa vụ khác do luật quy định <p>BLDS chưa có quy định tương đương với quy định tại khoản 2 Điều 8.1 PICC</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định các bên có thể bù trừ nghĩa vụ, nhưng điều kiện bù trừ được quy định khác nhau. Cả PICC và BLDS đều quy định nghĩa vụ được bù trừ phải có bản chất giống nhau. Tuy nhiên, trong khi BLDS quy định thêm điều kiện nữa là các nghĩa vụ phải đã đến hạn. Ngoài ra, Điều 379 BLDS quy định một số trường hợp loại trừ việc bù trừ thì PICC quy định điều kiện bù trừ là bên yêu cầu bù trừ có quyền thực hiện nghĩa vụ và khoản nợ của bên kia phải xác định được về sự tồn tại cũng như là giá trị và có thể được yêu cầu thực hiện. Cách quy định của BLDS .</p>	<p>Quy định này của PICC bắt nguồn từ thực tế thương mại. Các đối tác hợp đồng có thể có những khoản nợ qua lại với nhau và các khoản nợ này có thể được thực hiện theo cách bù trừ nhau, khi có các điều kiện nhất định (có cùng bản chất, chắc chắn về sự tồn tại và về giá trị).</p> <p>Thực tế thương mại Việt Nam cũng áp dụng nguyên tắc bù trừ này. Tuy nhiên, BLDS quy định về việc bù trừ tại phần chấm dứt nghĩa vụ (gồm 2 điều) và điều kiện bù trừ chặt chẽ hơn quy định của PICC. Nên cần xây dựng một chế định riêng về bù trừ, trong đó bổ sung các nội có liên quan chưa được điều chỉnh trong BLDS theo những đề xuất dưới đây. Chế định</p>

				này có thể nằm trong BLDS hoặc trong Luật hợp đồng thương mại (nếu xây dựng luật này)
2.	Bù trừ các khoản nợ bằng ngoại tệ Điều 8.2 PICC quy định: ” Trong trường hợp các khoản nợ về tiền phải được thanh toán bằng các đồng tiền khác nhau, thì chỉ có thể thực hiện việc bù trừ nếu như hai đồng tiền đó được tự do chuyển đổi và nếu hai bên không có thoả thuận với nhau rằng bên thứ nhất phải thanh toán nợ bằng một đồng tiền xác định”	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Cần bổ sung
3	Thông báo thực hiện bù trừ Điều 8.3 PICC quy định: ” Việc bù trừ được thực hiện bằng cách thông báo cho bên kia”	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Như trên
4	Nội dung của thông báo , Điều 8.4 PICC quy định: ” 1.Thông báo phải chỉ rõ một cách chính xác về các khoản nợ có liên quan đến việc bù trừ. 2.Nếu thông báo không chỉ rõ các khoản nợ có liên quan đến việc bù trừ thì bên kia có thể tuyên bố với bên thứ nhất trong một thời hạn hợp lý về một hoặc các khoản nợ mà họ muốn bù trừ. Nếu không có một tuyên bố như vậy, thì việc bù trừ được thực hiện một cách tỷ lệ với tất cả các khoản nợ.”	BLDS và LTM chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Như trên
5	Hậu quả của việc bù trừ, Điều 8.5 PICC quy định: ” 1. Việc bù trừ làm chấm dứt các khoản nợ. 2.Nếu các khoản nợ có trị giá khác nhau, thì việc bù trừ sẽ làm chấm dứt các khoản nợ tương ứng với trị giá của khoản nợ thấp hơn. 3.Việc bù trừ phát sinh hiệu lực vào ngày thông báo.	Khoản 1 Điều 378 BLDS quy định:”..... thì khi đến hạn họ không phải thực hiện nghĩa vụ đối với nhau và nghĩa vụ được xem là chấm dứt, trừ trường hợp luật có quy định khác “. Khoản 2 Điều 378 quy định: “ Trường hợp giá trị của tài sản hoặc công việc không tương đương với nhau thì các bên thanh toán cho nhau phân chênh lệch	Quy định tại đoạn cuối, khoản 1 Điều 378 đã tương thích với PICC. Quy định tại khoản 2 của Điều 8.4 PICC và quy định tại khoản 2 Điều 378 BLDS chưa tương thích. BLDS quy định nghĩa vụ bù trừ chấm dứt. Các bên phải thanh toán cho nhau phân chênh lệch.PICC quy định nghĩa vụ chỉ chấm dứt ở phần giá trị tương ứng với giá trị của khoản nợ thấp hơn.Nghĩa vụ đối với phần chênh lệch vẫn tồn tại. Do BLDS chưa quy định về việc thông báo bù trừ nên cja quy định thời điểm	Cách quy định của PICC về hậu quả của việc bù trừ dễ hiểu dễ vận dụng hơn, đặc biệt quy định tại khoản 2 của Điều 8.5 dễ vận dụng hơn khoản 2 Điều 378 BLDS. Nên bổ sung quy định về thời điểm có hiệu lực của việc bù trừ.

			có hiệu lực của việc bù trừ như quy định tại khoản 3 Điều 8.5 của PICC.	
--	--	--	---	--

Phần 9 - CHUYỂN GIAO QUYỀN, CHUYỂN GIAO NGHĨA VỤ, CHUYỂN GIAO HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế (Công ước Viên)	Nội dung quy định của văn bản được rà soát Bộ luật Dân sự (BLDS) Luật Thương mại (LTM) Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)	Phân tích mức độ tương thích	Kiến nghị xử lý
I CHUYỂN GIAO QUYỀN				
1	Định nghĩa Điều 9.1.1 PICC quy định: "Chuyển giao quyền" là việc một người ("người chuyển giao quyền") chuyển giao theo thỏa thuận cho một người khác ("người thế quyền"), quyền của mình đối với người thứ ba ("người có nghĩa vụ"), liên quan đến việc thanh toán một khoản tiền hoặc thực hiện một công việc khác. Việc chuyển giao này có thể được thực hiện như một biện pháp bảo đảm.	Điều 365 BLDS quy định: “1 Bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền theo thỏa thuận ...”	BLDS đã tương thích với PICC. Cả 2 văn bản đều quy định về việc chuyển quyền là việc chuyển quyền từ người có quyền sang người thế quyền và trên cơ sở thỏa thuận . Tuy nhiên, BLDS chưa quy định việc chuyển giao quyền như là một biện pháp bảo đảm.	BLDS có thể bổ sung biện pháp bảo đảm bằng việc chuyển giao quyền.
2	Các trường hợp loại trừ Điều 9.1.2 PICC quy định: “Mục này không điều chỉnh các trường hợp chuyển giao được thực hiện theo các quy định đặc biệt áp dụng đối với việc chuyển giao: a) Các công cụ thanh toán như chứng từ có thể chuyển nhượng, chứng từ sở hữu và các công cụ tài chính, hoặc b) các quyền yêu cầu trong trường hợp chuyển giao doanh nghiệp.”	BLDS không có quy định này.	.	
3	Khả năng chuyển giao các quyền yêu cầu không phải là yêu cầu trả tiền Điều 9.1.3 PICC quy định “ Quyền yêu cầu thực hiện một nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ trả chỉ được chuyển giao nếu việc chuyển giao không làm cho chi phí thực	BLDS chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Có thể bổ sung quy định điều kiện đối với việc chuyển quyền yêu cầu không phải là quyền yêu cầu trả tiền để bảo đảm lợi ích của bên có nghĩa vụ.

	hiện nghĩa vụ” tăng lên một cách cơ bản.			
4	<p>Chuyển giao một phần, Điều 9.1.4 PICC quy định: “ Quyền yêu cầu thanh toán một khoản tiền có thể được chuyển giao một phần.</p> <p>2.Quyền yêu cầu thực hiện một nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ trả tiền chỉ có thể được chuyển giao một phần nếu nghĩa vụ đó có thể phân chia được và nếu việc chuyển giao không làm cho chi phí thực hiện nghĩa vụ đó tăng lên một cách cơ bản.”</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Đáp ứng nhu cầu linh hoạt của thị trường, có thể bổ sung quy định này của PICC vào BLDS
5	<p>Quyền tương lai , Điều 9.1.5 PICC quy định:“Quyền tương lai được coi là được chuyển giao vào thời điểm thỏa thuận, với điều kiện khi phát sinh, quyền đó có thể xác định được là quyền được chuyển giao</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng.	Chưa tương thích	Nên bổ sung quy định này của PICC vào BLDS vì trên thực tế việc chuyển giao quyền sẽ có trong tương lai diễn ra rất phổ biến, đặc biệt đối với các giao dịch Option hoặc giao dịch thuê mua.
6	<p>Các quyền được chuyển giao mà không được xác định một cách riêng rẽ, Điều 9.1.6 PICC quy định:” Một số quyền có thể được chuyển giao cùng nhau mà không được xác định một cách riêng rẽ, với điều kiện các quyền này có thể được xác định là các quyền được chuyển giao vào thời điểm chuyển giao hoặc khi phát sinh trong tương lai.</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng.	Chưa tương thích	Cách thức chuyển giao nhiều quyền cùng một lúc diễn ra khá phổ biến trong đời sống kinh tế. Do vậy, nên bổ sung quy định này của PICC, phù hợp với thực tiễn giao lưu thương mại
7	<p>Việc chuyển giao chỉ cần có thỏa thuận giữa người chuyển giao quyền và người thế quyền, Điều 9.1. 7 PICC quy định:”1. Quyền yêu cầu được chuyển giao chỉ cần có vào thỏa thuận giữa người chuyển giao quyền và người thế quyền mà không cần thông báo cho người có nghĩa vụ.</p> <p>2.Việc chuyển giao không cần có sự đồng ý của người có nghĩa vụ, trừ trường hợp nghĩa vụ của người đó, theo hoàn cảnh cụ thể, chủ yếu mang tính cá nhân”.</p>	<p>Khoản Điều 365 BLDS quy định:”1.Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ.</p> <p>2.Người có quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho người có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp do bên chuyển giao không thông báo về</p>	<p>Về cơ bản quy định của BLDS đã phù hợp với quy định của PICC về nguyên tắc, việc chuyển giao quyền không đòi hỏi phải được bên có nghĩa vụ đồng ý (đã tương thích với nhau).</p> <p>Tuy nhiên quy định về trường hợp ngoại lệ của PICC tại khoản 2 chưa thấy trong quy định của BLDS Việt Nam</p> <p>BLDS quy định nghĩa vụ thông báo của bên chuyển giao quyền. Tuy nhiên việc thông báo này không phải là điều kiện để</p>	Quy định ngoại lệ tại khoản 2 Điều 9.1.7 của PICC là hợp lý, có thể nghiên cứu để bổ sung.

		việc chuyển giao quyền mà phát sinh chi phí cho bên có nghĩa vụ thì bên chuyển giao quyền yêu cầu phải thanh toán chi phí này	việc chuyển giao có hiệu lực. Như vậy, xét về tác động đối với hiệu lực của việc chuyển giao thì quy định của khoản 2 Điều 635 BLDS cũng tương thích với quy định tại khoản 1 Điều 9.1.7 của PICC	
8	Chi phí bổ sung cho người có nghĩa vụ, Điều 9.1.8 của PICC quy định: Người có nghĩa vụ được người chuyển giao quyền hoặc người thế quyền bồi thường toàn bộ chi phí bổ sung phát sinh do việc chuyển giao.	Khoản Điều 365 BLDS quy định:” Trường hợp do bên chuyển giao không thông báo về việc chuyển giao quyền mà phát sinh chi phí cho bên có nghĩa vụ thì bên chuyển giao quyền yêu cầu phải thanh toán chi phí này”	Quy định của BLDS và của PICC chưa tương thích với nhau về quyền của người có nghĩa vụ được yêu cầu bồi thường chi phí phát sinh cho việc thực hiện nghĩa vụ. PICC quy định trong mọi trường hợp, nếu việc thực hiện nghĩa vụ làm phát sinh thêm chi phí thì người có nghĩa vụ được yêu cầu trả khoản chi phí này. Người có nghĩa vụ thanh toán có thể là bên chuyển giao quyền hoặc là bên thế quyền. BLDS quy định nghĩa vụ trả tiền chi phí phát sinh là hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ thông báo của người chuyển giao quyền. Theo BLDS thì người có nghĩa vụ phải tự gánh chịu chi phí phát sinh thêm trong trường hợp người chuyển giao quyền không vi phạm nghĩa vụ.	Cách quy định của PICC phù hợp hơn mang tính công bằng hơn, vì khi có chi phí thực hiện phát sinh, bên có nghĩa vụ cần phải được bù đắp, bất luận bên chuyển giao quyền có vi phạm nghĩa vụ thông báo hay không.
9	Điều khoản không chuyển giao Điều 9.1.9 của PICC quy định: ” 1. Việc chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán một khoản tiền có hiệu lực, ngay cả khi có thoả thuận giữa người chuyển giao quyền và người có nghĩa vụ về việc hạn chế hoặc cấm việc chuyển giao đó. Tuy nhiên, người chuyển giao quyền có thể phải chịu trách nhiệm đối với người có nghĩa vụ về việc không thực hiện hợp đồng. 2.Việc chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện một công việc khác không có hiệu lực, nếu việc chuyển giao đó trái với thoả thuận hạn chế hoặc cấm chuyển giao giữa người chuyển giao quyền và người có nghĩa vụ. Tuy nhiên, việc chuyển giao đó có hiệu lực nếu vào thời điểm chuyển giao, người thế quyền không biết hoặc không phải biết có thoả thuận đó. Trong trường hợp này, người chuyển giao quyền có thể phải chịu trách nhiệm đối với người có nghĩa vụ về việc không thực hiện hợp đồng”.	Khoản 1 Điều 365 BLDS quy định 2 trường hợp ngoại lệ không được chuyển giao quyền như sau: a) Quyền yêu cầu cấp dưỡng, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và uy tín; b) Bên có quyền và bên có nghĩa vụ thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao quyền yêu cầu.	Về nguyên tắc, BLDS và PICC đều quy định, không được chuyển giao quyền mà bên có quyền và bên có nghĩa vụ thỏa thuận hạn chế hoặc cấm chuyển giao (Trung thích). Tuy nhiên PICC quy định ngoại lệ đối với việc chuyển giao quyền đòi tiền (khoản 1 điều 9.1.9). Ngoại lệ này không có điều kiện. Khoản 2 Điều 9.1.9 PICC quy định quy định ngoại lệ của nguyên tắc đối với trường hợp chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện một công việc. Trong trường hợp này, việc chuyển giao mặc dù vi phạm thoả thuận nhưng vẫn có hiệu lực, nếu vào thời điểm chuyển giao người thế quyền không biết hoặc không phải biết về thoả thuận hạn chế hoặc loại trừ đó. BLDS chưa có quy định về hai ngoại lệ như quy định tại Điều 9.1.9 của PICC.	BLDS có thể bổ sung thêm các ngoại lệ mà PICC đã quy định, để đáp ứng tính linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm tính công bằng.

10	<p>Thông báo cho người có nghĩa vụ, Điều 9.1.10 của PICC quy định:”1. Khi chưa được người chuyển giao quyền hoặc người thế quyền thông báo về việc chuyển giao thì người có nghĩa vụ được giải phóng nghĩa vụ khi đã thực hiện nghĩa vụ cho người chuyển giao quyền.</p> <p>2.Sau khi nhận được thông báo, người có nghĩa vụ chỉ được thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền.</p>	<p>Điều 369 BLDS quy định: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu và người thế quyền không chứng minh được tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu, thì bên có nghĩa vụ có thể từ chối việc thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền.</p> <p>2. Trường hợp bên có nghĩa vụ do không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu mà đã thực hiện nghĩa vụ đối với người chuyển giao thì người thế quyền không được yêu cầu người có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ đối với mình.</p>	<p>Về cơ bản quy định của BLDS và quy định của PICC về nội dung này đã tương thích</p> <p>Cho dù cách điều chỉnh có khác nhau, nhưng BLDS và PICC đều có nội dung thực như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - sau khi nhận được thông báo, bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ cho người thế quyền. -Trước khi có thông báo, hoặc không được thông báo, bên có nghĩa vụ được thực hiện nghĩa vụ đối với người chuyển giao quyền. 	<p>Cách diễn đạt của PICC dễ hiểu hơn cách quy định của BLDS, nên học theo.</p>
11	<p>Chuyển giao một quyền liên tiếp cho hai hoặc nhiều người thế quyền Điều 9.1.11 của PICC quy định:”Nếu người chuyển giao quyền chuyển giao cùng một quyền cho hai hoặc nhiều người thế quyền liên tiếp thì người có nghĩa vụ được giải phóng nghĩa vụ khi thực hiện nghĩa vụ theo thứ tự nhận được thông báo”</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng.</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Cần bổ sung quy định này đáp ứng thực tiễn thương mại, đặc biệt trong trường hợp những hợp đồng có đối tượng là một khối lượng lớn.</p>
12	<p>Chứng cứ đầy đủ về việc chuyển giao Điều 9.1.12 PICC quy định:”1. Nếu thông báo về việc chuyển giao do người thế quyền thực hiện thì người có nghĩa vụ có quyền yêu cầu người thế quyền cung cấp cho mình, trong một thời hạn hợp lý, chứng cứ đầy đủ chứng minh tính xác thực của việc chuyển giao.</p> <p>2.Khi chưa nhận được chứng cứ đầy đủ như trên thì người có nghĩa vụ có quyền tạm đình chỉ thanh toán.</p> <p>3.Thông báo không có hiệu lực nếu chứng cứ không được cung cấp đầy đủ.</p> <p>4.Chứng cứ đầy đủ chủ yếu là một văn bản viết do người chuyển giao quyền lập ra và nêu rõ việc chuyển giao đã được thực hiện.</p>	<p>Điều 369 khoản 1 BLDS quy định “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu và người thế quyền không chứng minh được tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu, thì bên có nghĩa vụ có thể từ chối việc thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền.</p> <p>Điều 366 BLDS quy định:”1.Người chuyển giao quyền yêu cầu phải cung cấp thông tin cần thiết, chuyển giao giấy tờ có liên quan cho người thế quyền.</p> <p>2.Người chuyển giao quyền yêu cầu vi phạm nghĩa vụ tại khoản 1 Điều này mà gây thiệt hại thì phải bồi thường”</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định trách nhiệm của người thế quyền phải chứng minh về tính xác thực của việc chuyển giao quyền. Nếu không chứng minh được tính xác thực của việc chuyển giao quyền, bên có nghĩa vụ được từ chối thực hiện quyền (tương thích).</p> <p>BLDS quy định về nghĩa vụ của người chuyển giao phải cung cấp thông tin cần thiết, chuyển giao giấy tờ có liên quan cho người thế quyền. Trong khi đó PICC quy định việc thu thập các chứng cứ chứng minh quyền thuộc trách nhiệm của người thế quyền . Về nội dung này, BLDS và PICC chưa tương thích.</p> <p>Ngoài ra, PICC quy định chứng cứ đầy đủ và hợp lệ đối với việc chuyển quyền là một văn bản viết về việc chuyển giao quyền. BLDS chưa quy định về điểm này</p>	<p>Cách quy định của PICC về nghĩa vụ của người thế quyền dễ hiểu và dễ thực hiện hơn quy định của BLDS.</p>

13.	<p>Các biện pháp phòng vệ và bù trừ Điều 9.1.13 PICC quy định:” 1. Đối với người thế quyền, người có nghĩa vụ có thể áp dụng đối kháng đối mà người này có thể áp dụng đối kháng đối với người chuyển giao quyền.</p> <p>2.Người có nghĩa vụ có thể thực hiện việc bù đối với người thế quyền, nếu người có nghĩa vụ có thể thực hiện đối việc này đối với người chuyển giao quyền trước khi nhận được thông báo về việc chuyển giao.</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng	Quy định này của PICC bắt nguồn từ thực tiễn rằng nhiều khi quyền yêu cầu được chuyển giao có thể bị hạn chế hoặc loại trừ do có những lý do pháp lý nhất định (ví dụ quyền yêu cầu thanh toán có thể bị hoãn hoặc tạm dừng do hàng hóa cung cấp không đảm bảo chất lượng hoặc dịch vụ chậm thực hiện). Trong trường hợp này người có nghĩa vụ có thể thực hiện quyền hoãn thanh toán đối với người thế quyền. Quy định này cũng áp dụng đối với quyền bù trừ.	BLDS nên bổ sung quy định này, để đáp ứng yêu cầu thực tế kinh doanh.
14	<p>Các quyền liên quan đến quyền được chuyển giao, Điều 9.1.14 PICC quy định: “Người thế quyền được hưởng:</p> <p>a)tất cả các quyền được thanh toán hoặc được thực hiện một công việc khác của người chuyển giao quyền như quy định trong hợp đồng, liên quan đến quyền được chuyển giao, và</p> <p>b)tất cả các quyền bảo đảm thực hiện quyền yêu cầu được chuyển giao.</p>	Điều 368 BLDS quy định : “ Quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm, thì việc chuyển giao quyền yêu cầu bao gồm cả các biện pháp bảo đảm đó”	<p>Quy định của BLDS mới tương thích một phần với quy định của PICC, tức là về việc chuyển giao các biện pháp bảo đảm cùng với việc chuyển giao quyền yêu cầu.</p> <p>Tuy nhiên các quyền liên quan (ví dụ quyền yêu cầu bảo hành) trong trường hợp hàng hóa dịch vụ được cung cấp không đúng chất lượng, hoặc quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu nghĩa vụ được chuyển giao không được thực hiện đúng thời hạn hoặc chất lượng v.vv. Các quyền này cần được chuyển giao cùng với quyền yêu cầu. Nội dung này BLDS chưa quy định, cần bổ sung.</p>	Cần bổ sung quy định tại Điểm a của Điều 9.1.14 của PICC vào BLDS.
15	<p>Các bảo đảm của người chuyển giao quyền, Điều 9.1.15 của PICC quy định: “Trừ khi có quy định khác, người chuyển giao quyền bảo đảm cho người thế quyền như sau:</p> <p>a)quyền được chuyển giao tồn tại vào thời điểm chuyển giao, trừ trường hợp quyền tương lai;</p> <p>b)người chuyển giao quyền có quyền chuyển giao quyền;</p> <p>c)quyền chưa được chuyển giao trước đó cho một người thế quyền khác và không bị ràng buộc bởi bất kỳ quyền hoặc yêu cầu nào của người thứ ba;</p> <p>d)người có nghĩa vụ không thể áp dụng bất kỳ biện pháp phòng vệ nào;</p>	Điều 367 BLDS quy định về Không chịu trách nhiệm sau khi chuyển giao quyền yêu cầu, theo đó người chuyển giao quyền không chịu trách nhiệm về khả năng thực hiện thực hiện nghĩa vụ của người có nghĩa vụ sau khi chuyển giao quyền yêu cầu trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.	Từ quy định của Điều 367 có thể suy ra rằng, ngoài khả năng thực hiện nghĩa vụ của người có nghĩa vụ, người chuyển giao quyền đề khác như : sự tồn tại của quyền, người chuyển giao là chủ sở hữu của quyền, quyền được chuyển giao trước đó chưa được chuyển giao cho người khác, người có nghĩa vụ không có quyền phản đối đối với quyền được chuyển giao, người có nghĩa vụ không thực hiện quyền bù trừ và sẽ hoàn trả cho người có quyền trong trường hợp nghĩa vụ được thực hiện cho mình (Tương thích trên thực tế)	Mặc dù có sự tương thích trên thực tế. Tuy nhiên một quy định để nêu rõ trách nhiệm về những nội dung nói trên là cần thiết để thể hiện rõ phạm vi chịu trách nhiệm của người chuyển quyền

	<p>e) người có nghĩa vụ cũng như người chuyển giao quyền đã và sẽ không thông báo thực hiện bù trừ đối với quyền được chuyển giao;</p> <p>f) người chuyển giao quyền sẽ hoàn trả cho người thế quyền mọi khoản thanh toán nhận được từ người có nghĩa vụ trước khi việc chuyển giao được thông báo.</p>			
II CHUYỂN GIAO NGHĨA VỤ				
1	<p>Phương thức chuyển giao Điều 9.2.1 PICC quy định: "Nghĩa vụ thanh toán một khoản tiền hoặc thực hiện một công việc khác có thể được một người ("người có nghĩa vụ ban đầu") chuyển giao cho một người khác ("người có nghĩa vụ mới"):</p> <p>a) theo thỏa thuận giữa người có nghĩa vụ ban đầu và người có nghĩa vụ mới, với điều kiện tuân thủ Điều 9.2.3, hoặc</p> <p>b) theo thỏa thuận giữa người có quyền và người có nghĩa vụ mới theo đó, người có nghĩa vụ mới nhận thực hiện nghĩa vụ.</p>	<p>Điều 370 BLDS quy định: “ Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ của mình cho bên thế nghĩa vụ, nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn với nhân thân của người có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ” .</p>	<p>PICC quy định 2 phương thức chuyển dịch quyền là theo thỏa thuận của người có nghĩa vụ và người thế nghĩa vụ và theo thỏa thuận của người có quyền và người thế nghĩa vụ. BLDS quy định một phương là theo thỏa thuận của người có nghĩa vụ và người thế nghĩa vụ nhưng phải được sự đồng ý của người có quyền.</p> <p>Như vậy, BLDS tương thích một phần với PICC.</p>	<p>Có thể bổ sung thêm phương thức chuyển nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa người có quyền và người thế nghĩa vụ như quy định tại PICC.</p>
2	<p>Các trường hợp loại trừ Điều 9.2.2 PICC quy định: "Mục này không áp dụng đối với việc chuyển giao nghĩa vụ được thực hiện theo các quy định đặc biệt về chuyển giao nghĩa vụ trong trường hợp chuyển giao doanh nghiệp”.</p>	<p>BLDS Không có quy định tương ứng</p>	<p>Đã tương thích trên thực tế</p> <p>Mặc dù BLDS không có quy định này, tuy nhiên thực tế áp dụng pháp luật Việt Nam theo nguyên tắc văn bản điều chỉnh nội dung cụ thể có quyền ưu tiên hơn so với BLDS là văn bản chung về pháp luật dân sự. Theo đó Luật về công cụ thanh toán và Luật doanh nghiệp Việt Nam sẽ điều chỉnh về chuyển giao quyền cụ thể có liên quan trong hai văn bản nói trên.</p>	
3	<p>Phải có sự đồng ý của người có quyền về việc chuyển giao, Điều 9.2.3 PICC quy định: "Việc chuyển giao nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa người có nghĩa vụ ban đầu và người có nghĩa vụ mới phải có sự đồng ý của người có quyền.”</p>	<p>Khoản 1 Điều 370 BLDS quy định: “ Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ của mình cho bên thế nghĩa vụ, nếu được bên có quyền đồng ý</p>	<p>Tương thích</p>	

4	<p>Sự đồng ý trước của người có quyền Điều 9.2.4 PICC quy định: " 1.Người có quyền có thể đồng ý trước về việc chuyển giao nghĩa vụ.</p> <p>2.Nếu người có quyền đã đồng ý trước thì việc chuyển giao nghĩa vụ có hiệu lực khi việc chuyển giao được thông báo cho người có quyền hoặc khi được người có quyền thừa nhận.</p>	<p>Sự đồng ý của bên có quyền theo quy định của khoản 1 Điều 370 BLDS có thể là đồng ý trước hoặc đồng ý sau.</p>	<p>Đã tương thích một phần.</p> <p>Theo quy định của Điều 370, thì việc chuyển giao quyền có hiệu lực khi được người có quyền đồng ý. Tuy nhiên, quy định này không hợp lý lắm , đặc biệt nếu người có quyền đồng ý trước khi chuyển giao. Trong trường hợp này, quy định tại khoản 2 của Điều 0.2.4 của PICC cho thấy hợp lý hơn.</p>	<p>Nên bổ sung một khoản như khoản 2 Điều 9.2.4 vào điều 370 BLDS.</p>
5	<p>Giải phóng nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ ban đầu, Điều 9.2.5PICC quy định: " 1. Người có quyền có thể giải phóng nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ ban đầu.</p> <p>2.Người có quyền cũng có thể quyết định là người có nghĩa vụ ban đầu vẫn là người có nghĩa vụ trong trường hợp người có nghĩa vụ mới không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.</p> <p>3.Trong mọi trường hợp khác, người có nghĩa vụ ban đầu và người có nghĩa vụ mới phải liên đới chịu trách nhiệm.</p>	<p>Khoản 2 Điều 370 BLDS quy định: " 2.Khi được chuyển giao nghĩa vụ, người thế nghĩa vụ trở thành người có nghĩa vụ."</p>	<p>Tương thích một phần.</p> <p>BLDS quy định đương nhiên người có nghĩa vụ ban đầu được giải phóng khỏi nghĩa vụ, bất luận trong mọi trường hợp. Trong khi đó PICC quy định,việc giải phóng phụ thuộc vào ý chí của người có quyền. Người có quyền có thể giải phóng hoặc buộc người có nghĩa vụ ban đầu thực hiện thay thế, nếu người thế nghĩa vụ không thực hiện. Trong các trường hợp khác, PICC quy định là người chuyển giao quyền có nghĩa vụ liên đới.</p>	<p>Quy định theo cách của PICC thì người có quyền được bảo đảm chắc chắn hơn. Nên học theo cách của PICC.</p>
6	<p>Thực hiện bởi người thứ ba, Điều 9.2.5PICC quy định: " 1.Không có sự đồng ý của người có quyền, người có nghĩa vụ có thể thỏa thuận với một người khác là người này sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho mình, trừ trường hợp nghĩa vụ, theo hoàn cảnh cụ thể chủ yếu mang tính cá nhân.</p> <p>2.Người có quyền bảo lưu quyền yêu cầu của mình đối với người có nghĩa vụ"</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích.</p> <p>Đây là trường hợp mà một người khác thực hiện nghĩa vụ thay cho người có nghĩa vụ nhưng không có sự chuyển giao nghĩa vụ và người có nghĩa vụ vẫn phải chịu mọi trách nhiệm cho người thực hiện nghĩa vụ thay. Trường hợp này diễn ra khá phổ biến trong đời sống kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng.</p>	<p>Nên bổ sung quy định này của PICC vào BLDS.</p>
7	<p>Các biện pháp phòng vệ và bù trừ, Điều 9.2.5PICC quy định: " 1.Người có nghĩa vụ mới có quyền áp dụng đối kháng đối với người có quyền tất cả biện pháp phòng vệ mà người có nghĩa vụ ban đầu có thể áp dụng đối kháng đối với người có quyền.</p> <p>2.Người có nghĩa vụ mới không thể thực hiện đối với người có quyền quyền bù trừ mà người</p>	<p>BLDS chưa có quy định tương ứng .</p>	<p>Chưa tương thích.</p> <p>Quy định này của PICC bắt nguồn từ thực tiễn rằng nhiều khi nghĩa vụ chuyển giao có thể được bảo vệ theo những lý do pháp lý nhất định (ví dụ có thể dừng việc thi công, nếu nghĩa vụ thanh toán không được thực hiện hoặc dừng nghĩa vụ cung ứng, khi bên nhận cung ứng chưa mở tài</p>	<p>BLDS nên bổ sung quy định này,để đáp ứng yêu cầu thực tế kinh doanh.</p>

	có nghĩa vụ trước đây có thể thực hiện đối với người có quyền.		khoản bảo đảm v.vv.)	
8	<p>Các quyền liên quan đến nghĩa vụ được chuyển giao, Điều 9.2.8 PICC quy định:</p> <p>1. Người có quyền có thể yêu cầu người có nghĩa vụ mới thực hiện tất cả các quyền được thanh toán hoặc được thực hiện một công việc khác của mình được quy định trong hợp đồng, liên quan đến nghĩa vụ được chuyển giao</p> <p>2. Nếu người có nghĩa vụ ban đầu được giải phóng nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 9.2.5 thì bất kỳ người nào khác không phải là người có nghĩa vụ mới đã bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ cũng được giải phóng nghĩa vụ, trừ khi người đó chấp nhận duy trì bảo đảm đó vì lợi ích của người có quyền.</p> <p>3. Việc giải phóng nghĩa vụ của người có nghĩa vụ ban đầu cũng làm chấm dứt mọi biện pháp bảo đảm mà người có nghĩa vụ ban đầu đã cung cấp cho người có quyền, trừ khi biện pháp bảo đảm đó liên quan đến một tài sản được chuyển giao trong một giao dịch được thực hiện giữa người có nghĩa vụ ban đầu và người có nghĩa vụ mới.</p>	Điều 371 BLDS quy định:” Trường hợp nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm được chuyển giao thì biện pháp bảo đảm đó chấm dứt, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.	<p>Quy định của BLDS và PICC chưa tương thích</p> <p>BLDS chưa có quy định về chuyển giao nghĩa vụ đồng thời chuyển giao các nghĩa vụ khác có liên quan với nghĩa vụ được chuyển giao như quy định tại khoản 1 Điều 9.2.8 của PICC.</p> <p>Về giải phóng các biện pháp bảo đảm, PICC quy định các biện pháp bảo đảm được chấm dứt, nếu người có nghĩa vụ được giải phóng khỏi việc thực hiện như quy định tại Điều 9.2.5 /</p>	Nếu chấp nhận sửa đổi về việc giải phóng trách nhiệm cho người có nghĩa vụ ban đầu như quy định của PICC (điều 9.2.5), thì việc bổ sung quy định tại 9.2.8 của PICC vào BLDS là cần thiết
III CHUYỂN GIAO HỢP ĐỒNG				
1	Định nghĩa chuyển giao hợp đồng, Điều 9.3.1 PICC quy định: "Chuyển giao hợp đồng" là việc một người ("người chuyển giao hợp đồng") chuyển giao theo thỏa thuận cho một người khác ("người thế hợp đồng") các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ một hợp đồng của mình với một người khác ("bên kia").	BLDS chưa có quy định về chuyển giao hợp đồng.	Chưa tương thích	BLDS cần tính đến việc bổ sung thêm chế định về chuyển giao hợp đồng, vì thực tế này xảy ra khá phổ biến trong lĩnh vực xây dựng, xuất nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt là trường hợp một bên thấy nguy cơ không thể thực hiện hợp đồng đã ký kết, nên chuyển giao hợp đồng cho người khác tránh tổn thất của cả hai bên.
2	Không áp dụng quy định của mục này, Điều 9.3.2 PICC quy định “Mục này không điều chỉnh các trường hợp chuyển giao hợp đồng được thực hiện theo các quy định đặc biệt được	Luật Doanh nghiệp 2015 chưa có quy định về xử lý các hợp đồng trong trường hợp doanh nghiệp được mua, được sáp nhập hoặc được hợp nhất,	Chưa tương thích	Luật doanh nghiệp cần nghiên cứu, bổ sung các quy định giải quyết các hợp đồng đã ký trước khi doanh nghiệp bị mua, bị sáp nhập hoặc

	áp dụng đối với việc chuyển giao hợp đồng trong trường hợp chuyển giao doanh nghiệp”			hợp nhất.....
3	Phải có sự đồng ý của bên kia , Điều 9.3.3 PICC quy định “Việc chuyển giao hợp đồng phải có sự đồng ý của bên kia”	Chưa có quy định	Chưa tương thích	Nên bổ sung như đề xuất tại điểm số 1
4	Sự đồng ý trước của bên kia , Điều 9.3.4 PICC quy định “ 1.Bên kia có thể đồng ý trước về việc chuyển giao hợp đồng. 2.Nếu bên kia đã đồng ý trước về việc chuyển giao hợp đồng thì việc chuyển giao có hiệu lực khi được thông báo cho bên kia hoặc khi được bên kia thừa nhận”	Chưa có quy định	Chưa tương thích	Nên bổ sung như đề xuất tại điểm số 1
5	Giải phóng cho người chuyển giao hợp đồng , , Điều 9.3.5 PICC quy định “ 1.Bên kia có thể giải phóng cho người chuyển giao hợp đồng. 2.Bên kia cũng có thể quyết định là người chuyển giao hợp đồng vẫn phải chịu trách nhiệm trong trường hợp người thế hợp đồng không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. 3.Trong mọi trường hợp khác, người chuyển giao hợp đồng và người thế hợp đồng phải liên đới chịu trách nhiệm	Chưa có quy định	Chưa tương thích	Nên bổ sung như đề xuất tại điểm số 1
6	Các biện pháp phòng vệ và bù trừ , Điều 9.3.6 PICC quy định “ 1.Trong trường hợp việc chuyển giao hợp đồng bao gồm việc chuyển giao quyền yêu cầu thì áp dụng Điều 9.1.13. 2.Trong trường hợp việc chuyển giao hợp đồng bao gồm việc chuyển giao nghĩa vụ thì áp dụng Điều 9.2.7”	Chưa có quy định	Chưa tương thích	Nên bổ sung như đề xuất tại điểm số 1
7	Các quyền được chuyển giao cùng với hợp đồng , Điều 9.3.7 PICC quy định “ Trong trường hợp việc chuyển giao hợp đồng bao gồm việc chuyển giao quyền yêu cầu thì áp dụng Điều 9.1.14.	Chưa có quy định	Chưa tương thích	Nên bổ sung như đề xuất tại điểm số 1

2.Trong trường hợp việc chuyển giao hợp đồng bao gồm việc chuyển giao nghĩa vụ thì áp dụng Điều 9.2.8.			
--	--	--	--

Phần 10

STT	<p>Nội dung quy định của điều ước quốc tế, hoặc quy định pháp luật quốc tế có liên quan làm căn cứ để rà soát</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế(Công ước Viên)</p>	<p>Nội dung quy định của văn bản được rà soát</p> <p>Bộ luật Dân sự (BLDS)</p> <p>Luật Thương mại (LTM)</p> <p>Luật Giao dịch điện tử (LGDĐT)</p>	Phân tích mức độ tương thích	Kiến nghị xử lý
	<p>Phạm vi điều chỉnh của Chương, Điều 10.1 của PICC quy định: "1 Quyền quy định PICC không thể được thực hiện sau một khoảng thời gian gọi là "thời hiệu" theo quy định của Chương này.</p> <p>2.Chương này không quy định thời hạn mà theo quy định của PICC, trong thời hạn này, một bên phải gửi thông báo cho bên kia hoặc thực hiện một hành vi không phải là khởi kiện để có hoặc để thực hiện quyền của mình.</p>	<p>Khoản 1 Điều 149 BLDS quy định: " thời hiệu là một thời hạn do luật định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý cho chủ thể theo các điều kiện do Luật quy định"</p> <p>Điều 150 BLDS quy định thời hiệu gồm thời hiệu hưởng quyền dân sự, thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự .</p>	<p>Khái niệm thời hiệu của BLDS tương thích một phần với khái niệm thời hiệu của PICC. Trong khi PICC quy định " Quyền quy định theo PICC không thể thực hiện được sau một khoảng thời gian gọi là thời hiệu theo quy định của chương này", thì BLDS quy định:" thời hiệu là một thời hạn do luật định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý"</p> <p>Với quy định tại khoản 1 Điều 149 BLDS, liên quan đến các quyền do vi phạm hợp đồng, bên bị vi phạm chỉ thực hiện được quyền của mình trong thời hiệu 3 năm (Điều 429BLDS) hoặc quyền yêu cầu tuyên bố một giao dịch dân sự là vô hiệu cũng chỉ được thực hiện trong vòng 2 năm (Điều 132 BLDS). Xét từ góc độ quyền khởi kiện thì quy định về thời hiệu của BLDS và của PICC tương thích với nhau.</p>	
	<p>Thời hiệu, Điều 10.2 của PICC quy định: "1. Thời hiệu của luật chung là ba năm tính từ ngày tiếp theo ngày mà bên có quyền lợi biết hoặc đáng lẽ phải biết về những hành vi cho phép thực hiện quyền.</p> <p>2.Trong mọi trường hợp, thời hiệu tối đa là mười năm kể từ ngày tiếp theo ngày mà quyền</p>	<p>Điều 429 BLDS quy định: Thời hiệu khởi kiện để tòa án giải quyết các tranh chấp hợp đồng là ba năm tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết về việc quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm</p> <p>Khoản 1 Điều 132 BLDS quy định thời hiệu</p>	<p>BLDS chưa có quy định thời hiệu chung như quy định tại Điều 10.2 của PICC. Các thời hiệu quy định tại Điều 132 và 429 BLDS là thời hiệu áp dụng đối với một số quyền cụ thể.</p> <p>BLDS cũng không có quy định về thời hiệu tối đa như quy định tại Khoản 2</p>	<p>Nên bổ sung quy định về thời hiệu chung đối với các quyền phát sinh từ quan hệ hợp đồng để áp dụng trong trường hợp pháp luật chưa quy định về thời hiệu đối với các loại quyền cụ thể .</p>

	có thể được thực hiện”	tuyên bố một giao dịch dân sự vô hiệu là hai năm .	Điều 10.2.	
	<p>Các bên tự sửa đổi thời hiệu, Điều 10.3 PICC quy định:” 1.Các bên có thể tự sửa đổi thời hiệu.</p> <p>2.Tuy nhiên, các bên không thể:</p> <p>a) rút ngắn thời hiệu của luật chung ít hơn 1 năm.</p> <p>b)rút ngắn thời hạn tối đa của thời hiệu ít hơn 4 năm.</p> <p>c)kéo dài thời hạn tối đa của thời hiệu tới hơn 15 năm.</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	Có thể nghiên cứu để quy định về khả năng các bên có quyền thỏa thuận về thời hiệu để trong từng trường hợp cụ thể có thể thúc đẩy quá trình thực hiện các giao dịch (nếu rút ngắn thời hạn) hoặc tạo điều kiện để các bên thận trọng hơn trong trong các giao dịch quan trọng (kéo dài thời hiệu).
	<p>Thời hạn mới của thời hiệu do thừa nhận quyền, Điều 10.4 của PICC quy định:”1.Khi bên có nghĩa vụ thừa nhận quyền của bên có quyền trước khi hết thời hiệu của luật chung, một thời hiệu mới của luật chung bắt đầu được tính từ ngày hôm sau ngày được thừa nhận.</p> <p>2.Thời hạn tối đa của thời hiệu không thay đổi, nhưng thời hạn này có thể bị vượt quá do bắt đầu một thời hiệu mới theo luật chung quy định tại khoản 1 Điều 10.2.”</p>	<p>Điều 157 BLDS quy định: “ 1.Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại mới trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a)Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện.</p> <p>b)Bên có nghĩa vụ thừa nhận hay thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện.</p> <p>c)Các bên đã tự thỏa thuận được với nhau.</p> <p>2.Thời hiệu khởi kiện mới bắt đầu từ ngày tiếp theo ngày xảy ra sự kiện nó tại khoản 1</p>	Quy định về thời hiệu bắt đầu lại mới của BLDS đã tương thích với quy định của PICC. Cả hai văn bản đều quy định, khi bên có nghĩa vụ công nhận nghĩa vụ của mình đối với bên có quyền thì bắt đầu một thời hiệu mới và thời hiệu này được tính từ ngày tiếp theo ngày thừa nhận. BLDS còn quy định thêm trường hợp các bên tự thỏa thuận được với nhau, thì cũng bắt đầu một thời hiệu mới.	
	<p>Thời hiệu tạm ngừng do thủ tục tố tụng, Điều 10.5 PICC quy định :”1.Thời hiệu bị tạm ngừng</p> <p>a)khi bên có quyền, bằng việc tiến hành thủ tục kiện tụng hoặc trong quá trình một vụ kiện đang được thực hiện, thực hiện một hành vi mà theo luật của cơ quan tài phán được coi là bảo vệ quyền lợi quyền của mình đối với bên có nghĩa vụ;</p> <p>b)khi bên có quyền, trong trường hợp bên có nghĩa vụ không có khả năng thanh toán, thực hiện quyền của mình trong thủ tục thu hồi nợ;</p> <p>c)khi bên có quyền, trong trường hợp bên có nghĩa vụ giải thể, thực hiện quyền của mình trong thủ tục này.</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng	Chưa tương thích	BLDS cần bổ sung quy định như quy định tại Điều 10.5 của PICC để bảo vệ lợi ích chính đáng của bên có quyền trong trường hợp bên có quyền đã có những biện pháp tự vệ bảo vệ quyền của mình trong một thủ tục tố tụng, phá sản, giải thể.Theo các thủ tục này người có quyền có thể chưa thực hiện được quyền của mình hoặc chỉ thực hiện được một phần. Do vậy, việc kéo dài thời hiệu bằng thời gian gián đoạn đặc biệt có ý nghĩa để người có quyền tiếp tục thực hiện quyền

	2.Thời gian thời hiệu bị tạm ngừng kéo dài cho đến khi một quyết định cuối cùng được đưa ra hoặc khi thủ tục này kết thúc theo một cách khác.			của mình,
6	<p>Thời hiệu tạm ngừng do thủ tục trọng tài) Điều 10.5 PICC quy định :”1.Thời hiệu bị tạm ngừng khi bên có quyền, bằng việc tiến hành thủ tục trọng tài hoặc trong quá trình một vụ kiện đang được thực hiện, thực hiện một hành vi mà theo luật của cơ quan trọng tài xử lý vụ kiện đó được coi là bảo vệ quyền lợi quyền của mình đối với bên có nghĩa vụ. Trong trường hợp không có quy tắc trọng tài hoặc không có các quy định để xác định chính xác ngày bắt đầu thủ tục trọng tài, thủ tục này sẽ được xem như được thực hiện vào ngày mà bên có nghĩa vụ nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.</p> <p>2.Thời gian thời hiệu bị tạm ngừng kéo dài cho đến khi quyết định cuối cùng được đưa ra hoặc khi thủ tục trọng tài đã kết thúc theo một cách khác.</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng.	Chưa tương thích	BLDS cần bổ sung quy định này, để bảo đảm thời hiệu khiếu kiện cho bên có quyền trong trường hợp quyết định trọng tài bị hủy bỏ.
7	<p>Biện pháp giải quyết tranh chấp bằng hòa giải Điều 10.7 PICC quy định: ”Với những điều chỉnh cần thiết, các quy định tại Điều 10.5 và 10.6 được áp dụng cho các thủ tục khác theo đó các bên yêu cầu sự giúp đỡ của bên thứ ba trong cố gắng giải quyết tranh chấp bằng hòa giải.</p>	BLDS chưa có quy định tương ứng.	Chưa tương thích	BLDS cần bổ sung quy định này, để bảo đảm thời hiệu khiếu kiện cho bên có quyền trong trường hợp biện pháp hòa giải không có kết quả hoặc kết quả hòa giải bị huỷ bỏ.
8	<p>Tạm ngừng thời hiệu trong trường hợp bất khả kháng, chết hoặc không có năng lực, Điều 10.8 PICC quy định:”1. Khi bên có quyền bị cản trở trong việc ngăn chặn thực thi thời hiệu theo quy định của các điều khoản trên đây do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát, không thể báo trước và không thể vượt qua, thì thời hiệu theo luật chung sẽ bị tạm ngừng và không thể chấm dứt trước 1 năm sau sự kiện gây cản trở này chấm dứt.</p> <p>2.Khi sự kiện gây cản trở này là kết quả của việc không có năng lực hoặc cái chết của bên có</p>	<p>Điều 155, BLDS quy định: “Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự,thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là khoảng thời gian xảy ra các sự kiện sau đây:</p> <p>1. Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là cho chủ thể có quyền không thể khởi kiện , yêu cầu trong phạm vi thời hiệu.</p> <p>Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan không lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cho phép.</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định về tạm ngừng thời hiệu hoặc không tính vào thời hiệu trong trường hợp bị cản trở thực hiện quyền do sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát, không thể biết trước và không thể vượt qua (BLDS gọi là sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan) .</p> <p>PICC quy định thời hiệu chung không thể chấm dứt trước một năm sau khi sự kiện cản trở việc thực hiện quyền chấm dứt. BLDS không quy định nội dung này.</p> <p>PICC quy định sự kiện khách quan gây cản trở thực hiện quyền có thể là việc mất</p>	Nên sửa quy định Điều 155 BLDS theo cách quy định của PICC, đặc biệt nên bổ sung quy định về thời điểm tiếp tục tính thời hiệu.

	<p>quyền hoặc của bên có nghĩa vụ, việc tạm ngừng thời hiệu sẽ chấm dứt khi người đại diện hoặc người được giao quyền hoặc người kế nhiệm của người quá cố được chỉ định, hoặc khi người thừa kế nhận lại tài sản của người đã chết; khi đó, thời hạn bổ sung một năm theo quy định của khoản 1 được áp dụng.</p>	<p>Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền và nghĩa vụ không biết được quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình.</p> <p>2. Chưa có người đại diện, trong trường hợp người có quyền khởi kiện quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự là người chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi.</p> <p>3. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi chưa có người đại diện thay thế trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Người đại diện chết, nếu là các nhân hoặc chấm dứt tồn tại, nếu là pháp nhân;</p> <p>b) Người đại diện vì lý do chính đáng không thể tiếp tục đại diện.</p>	<p>năng lực, cái chết của bên có quyền hoặc bên có nghĩa vụ. BLDS chưa bao gồm các trường hợp này.</p> <p>BLDS chưa có quy định về thời điểm tiếp tục thời hiệu sau khi sự kiện làm gián đoạn thời hiệu kết thúc.</p>	
9	<p>Hậu quả của việc hết thời hiệu Điều 10.9 PICC quy định:” 1. Việc hết thời hiệu không chấm dứt quyền.</p> <p>2. Việc hết thời hiệu chỉ có hiệu lực nếu bên có nghĩa vụ viện dẫn việc hết thời hiệu như là một biện pháp tự vệ.</p> <p>3. Ngay cả khi việc hết thời hiệu được nêu ra, một quyền vẫn có thể được viện dẫn đến như là một biện pháp tự vệ.</p>	<p>Khoản 2 Điều 149 BLDS quy định: “ Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên, với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi tòa án sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc</p> <p>Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ</p> <p>BLDS không có quy định tương đương với quy định tại khoản 3 của Điều 10.9 của PICC</p>	<p>BLDS và PICC đều quy định việc viện dẫn thời hiệu là một biện pháp tự vệ của bên có nghĩa vụ (tương đồng). Tuy nhiên BLDS còn quy định việc viện dẫn hết thời hiệu có thể theo yêu cầu của các bên. Như vậy là vô lý, bởi bên có quyền trên thực tế không bao giờ viện dẫn việc hết thời hiệu cả.</p> <p>Ngoài ra, BLDS quy định chỉ được viện dẫn đến việc hết thời hiệu, trước khi tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định.</p>	<p>BLDS nên sửa theo cách rằng việc viện dẫn hết thời hiệu như là một biện pháp tự vệ của bên có nghĩa vụ. Việc viện dẫn hết thời hiệu không hoàn toàn làm chấm dứt quyền.</p>
10	<p>Quyền thanh toán bù trừ, Điều 10.10 PICC quy định” Bên có quyền có thể thực hiện quyền thanh toán bù trừ cho đến khi bên có nghĩa vụ dẫn chiếu đến việc hết thời hiệu.</p>	<p>BLDS Chưa có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Có thể bổ sung hoặc hiểu ngầm đương nhiên là bên có quyền có thể thanh toán bù trừ, nếu phía bên kia không sử dụng biện pháp tự vệ.</p>

11	<p>Bồi hoàn Điều 10.11 PICC quy định: Khi tiến hành một việc để thực hiện một nghĩa vụ, việc hết thời hiệu đơn thuần không dẫn đến quyền được bồi hoàn.</p>	<p>BLDS Chưa có quy định tương ứng</p>	<p>Chưa tương thích</p>	<p>Cần bổ sung quy định này, bởi vì việc viện dẫn thời hiệu chỉ là một biện pháp tự vệ, khi bên có nghĩa vụ không sử dụng biện pháp này thì không đương nhiên làm phát sinh quyền yêu cầu bồi hoàn.</p>
----	--	--	--------------------------------	---